

## Mục Lục

<b>Bài: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GCCN</b> .....	1
a. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (3đ). Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay cần phải làm gì để phát huy vai trò là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất xã hội hoá cao? .....	1
b. Phân tích điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Sinh viên Việt Nam hiện nay cần chuẩn bị những gì để trở thành giai cấp công nhân hiện đại, chất lượng cao?.....	7
c. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay. Giai cấp công nhân Việt Nam cần làm gì để phát huy sứ mệnh lịch sử của mình trong giai đoạn hiện nay? .....	12
d. Phân tích đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam. Giai cấp công nhân Việt Nam cần làm gì để xây dựng đất nước trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0? .....	17
e. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Hiện nay, VN đã đạt được những thành tựu nào về kinh tế, chính trị, văn hóa trong suốt quá trình xây dựng đất nước? ("Thành tựu của VN sau 35 năm đổi mới") .....	20
<b>Bài: CNXH VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH</b> .....	24
a. Phân tích đặc trưng cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chứng minh những thành tựu nổi bật về kinh tế, xã hội mà Việt Nam đạt được trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay? .....	24
b. Phân tích đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trách nhiệm của sinh viên trong việc góp phần xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay? .....	27
c. Phân tích điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội. Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa có phù hợp với điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội không? Vì sao? .....	29
d. Phân tích đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Chứng minh đặc trưng "Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới" bằng những thành tựu đối ngoại ở VN. ....	32
e. Phân tích những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sinh viên VN cần phải làm gì để góp phần xây dựng CNXH ở VN hiện nay .....	36
<b>Bài: DÂN CHỦ XHCN VÀ NHÀ NƯỚC XHCN</b> .....	39
a. Phân tích bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Những hành tựu Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã đạt được trong quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa? .....	39
b. Phân tích bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Sv cần phải làm gì để góp phần xây dựng thành công nhà nước XHCN VN trong thời đại hiện nay? .....	42
c. Anh (chị) hãy phân tích mối quan hệ biện chứng giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa. Theo anh (chị) hiểu rõ và thực hiện đúng quy định của pháp luật có ý nghĩa như thế nào trong thực hiện quyền dân chủ của bản thân? .....	44
d. Phân tích bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Những thành tựu ĐCSVN đã đạt được trong quá trình xây dựng nền dân chủ XHCN ở VN. ....	46

e. Phân tích bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. <b>Vai trò của bản thân sinh viên trong việc phát huy dân chủ XHCN ở VN</b> .....	50
f. Phân tích đặc điểm nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Sinh viên cần phải làm gì để góp phần hoàn thiện nhà nước pháp quyền ở VN? .....	54
<b>Bài: CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH</b> .....	57
a. Phân tích nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sinh viên có thể làm gì để củng cố cơ cấu xã hội - giai cấp ở VN? .....	57
b. Phân tích nội dung của liên minh, giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc phòng, chống sự xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với công cuộc xây dựng liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam hiện nay? .....	60
c. Phân tích vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sinh viên có trách nhiệm như thế nào đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội? .....	63
d. Anh (chị) hãy phân tích nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Sinh viên có trách nhiệm như thế nào trong việc góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc? .....	65
e. Phân tích phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trước những thông tin xuyên tạc nhằm phá vỡ liên minh giai cấp, tầng lớp, sinh viên VN cần phải làm gì để chống lại các thế lực thù địch và không ngừng củng cố khối liên minh. ....	70
<b>Bài: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH</b> .....	77
a. Anh (chị) hãy phân tích hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc. <b>Liên hệ sự biểu hiện của hai xu hướng trên trong phạm vi nước Việt Nam hiện nay.</b> .....	77
b. Phân tích nội dung cương lĩnh dân tộc theo quan điểm của chủ nghĩa Marx - Lenin. Đảng và Nhà nước Việt Nam đã làm gì để thực hiện bình đẳng dân tộc ở VN. ....	80
c. Đặc trưng dân tộc ở Việt Nam. Trách nhiệm của sinh viên trong việc góp phần phát huy truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc ở Việt Nam. ....	84
d. Phân tích chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Trách nhiệm của sinh viên trong quá trình thực hiện củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. (Cần phải làm gì và không nên làm gì?) 87	
e. Trình bày nguồn gốc và bản chất của tôn giáo. Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc phòng, chống âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở nước ta hiện nay? .....	90
f. Phân tích nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo của chủ nghĩa Marx - Lenin trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Hiện nay, sinh viên cần phải làm gì để phân biệt được hai mặt chính trị và tư tưởng trong tôn giáo nhằm tránh sự lợi dụng của các thế lực thù địch? (giống câu e và câu g) ...	94
g. Phân tích chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam hiện nay. Sinh viên cần phải làm gì để đấu tranh chống lại các hoạt động lợi dụng vấn đề tôn giáo vì mục đích chính trị? .....	98
h. Phân tích đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam? Những đóng góp nổi bật của các tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tại địa phương đang sinh sống hiện nay.....	101

<b>Bài: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH .....</b>	<b>104</b>
<b>a. Phân tích vị trí của gia đình trong xã hội. Cần làm gì để xây dựng gia đình VN tiến bộ, hạnh phúc? .....</b>	<b>104</b>
<b>b. Phân tích chức năng cơ bản của gia đình. Để xây dựng gia đình tiến bộ, sinh viên có trách nhiệm như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội?.....</b>	<b>106</b>
<b>c. Phân tích cơ sở xây dựng gia đình. Những phong tục lỗi thời, lạc hậu có ảnh hưởng như thế nào đến việc hôn nhân tiến bộ ở VN hiện nay. (Tảo hôn, bắt vợ, hôn nhân cận huyết) .....</b>	<b>109</b>
<b>d. Phân tích sự biến đổi về chức năng và quan hệ của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vai trò của giáo dục gia đình trong xã hội VN hiện nay. ....</b>	<b>113</b>
<b>e. Phân tích sự biến đổi về quy mô của gia đình VN hiện nay (Nhớ nêu thuận lợi và khó khăn trong việc biến đổi quy mô gia đình). Đề xuất các biện pháp để khắc phục sự biến đổi của gia đình Việt Nam do tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường hiện nay gây ra?.....</b>	<b>118</b>
<b>f. Phân tích những phương hướng cơ bản để xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Sinh viên có trách nhiệm như thế nào trong quá trình xây dựng gia đình VN phát triển theo hướng có lợi cho xã hội? (giống câu b) .....</b>	<b>121</b>

# **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

## **Bài: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GCCN**

**a. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (3đ). Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay cần phải làm gì để phát huy vai trò là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất xã hội hoá cao?**

### **Khái niệm giai cấp công nhân**

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển nền công nghiệp hiện đại với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất họ lao động với phương thức công nghiệp ngành càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất mang tính hoạt động là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có nguyên liệu sản xuất, buộc bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới

### **Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân chính là những nhiệm vụ mà giai cấp công nhân cần phải thực hiện với tư cách là giai cấp tiên phong, là lực lượng đi đầu trong cuộc cách mạng xác lập hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

#### *a) Nội dung kinh tế*

Là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất xã hội hóa cao, giai cấp công nhân cũng là đại biểu cho quan hệ sản xuất mới, tiên tiến nhất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, đại biểu cho phương thức sản xuất tiến bộ nhất thuộc về xu thế phát triển của lịch sử xã hội.

Vai trò chủ thể của giai cấp công nhân, trước hết là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất để sản xuất ra của cải vật chất ngày càng nhiều đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người và xã hội. Bằng cách đó, giai cấp công nhân tạo tiền đề vật chất - kỹ thuật cho sự ra đời của xã hội mới.

Mặt khác, tính chất xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất đòi hỏi một quan hệ sản xuất mới, phù hợp với chế độ công hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội là nền tảng, tiêu biểu cho lợi ích của toàn xã hội. Giai cấp công nhân đại biểu cho lợi ích chung của xã hội.

Chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất không có lợi ích riêng với nghĩa là tư hữu. Nó phấn đấu cho lợi ích chung của toàn xã hội. Nó chỉ tìm thấy lợi ích chân chính của mình khi thực hiện được lợi ích chung của cả xã hội.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân thông qua quá trình công nghiệp hóa và thực hiện “một kiểu tổ chức xã hội mới về lao động” để tăng năng suất lao động xã hội và thực hiện các nguyên tắc sở hữu, quản lý và phân phối phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Trên thực tế, hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa lại ra đời từ phương thức phát triển rút ngắn, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Do đó, để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình về nội dung kinh tế, giai cấp công nhân phải đóng vai trò nòng cốt trong quá trình giải phóng lực lượng sản xuất (vốn bị kìm hãm, lạc hậu, chậm phát triển trong quá khứ), thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển để tạo cơ sở cho quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa ra đời.

Công nghiệp hóa là một tất yếu có tính quy luật để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải là lực lượng đi đầu thực hiện công nghiệp hóa, cũng như hiện nay, trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế, yêu cầu mới đặt ra đòi hỏi phải gắn liền công nghiệp hóa với hiện đại hóa, đẩy mạnh công nghiệp hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

#### *b) Nội dung chính trị - xã hội*

Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ quyền thống trị của giai cấp tư sản, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức của chủ nghĩa tư bản, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Thiết lập nhà nước kiểu mới, mang bản chất giai cấp công nhân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền lực của nhân dân, quyền dân chủ và làm chủ xã hội của tuyệt đại đa số nhân dân lao động.

Giai cấp công nhân và nhân dân lao động sử dụng nhà nước của mình, do mình làm chủ như một công cụ có hiệu lực để cải tạo xã hội cũ và tổ chức xây dựng xã hội mới, phát triển kinh tế và văn hóa, xây dựng nền chính trị dân chủ - pháp quyền, quản lý kinh tế - xã hội và tổ chức đời sống xã hội phục vụ quyền và lợi ích của nhân dân lao động, thực hiện dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội, theo lý tưởng và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

#### *c) Nội dung văn hóa, tư tưởng*

Thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng cần phải tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động; công bằng; dân chủ; bình đẳng và tự do.

Hệ giá trị mới này là sự phủ định các giá trị tư sản mang bản chất tư sản và phục vụ cho giai cấp tư sản; những tàn dư các giá trị đã lỗi thời, lạc hậu của các xã hội quá khứ. Hệ giá trị mới thể hiện bản chất ưu việt của chế độ mới xã hội chủ nghĩa sẽ từng bước phát triển và hoàn thiện.

Giai cấp công nhân thực hiện cuộc cách mạng về văn hóa, tư tưởng bao gồm cải tạo cái cũ lỗi thời, lạc hậu, xây dựng cái mới, tiến bộ trong lĩnh vực ý thức tư tưởng, trong tâm lý, lối sống và trong đời sống tinh thần xã hội. Xây dựng và củng cố ý thức hệ tiên tiến của giai cấp công nhân, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh để khắc phục ý thức hệ tư sản và các tàn dư còn sót lại của các hệ tư tưởng cũ. Phát triển văn hóa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đạo đức và lối sống mới xã hội chủ nghĩa là một trong những nội dung căn bản mà cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng đặt ra đối với sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện đại.

Theo chủ nghĩa Mác – Lênin giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất và cách mạng nhất, là lực lượng xã hội duy nhất có sứ mệnh lịch sử

Sứ mệnh lịch sử là sự tổng quát của giai cấp công nhân thông qua chính đảng tiên phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ các chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, giải phóng giai cấp công nhân nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, nghèo nàn, lạc hậu xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh

Theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân cần phải trải qua hai bước. Bước thứ nhất: giai cấp công nhân biến thành giai cấp thống trị và giành lấy chính quyền nhà nước vào tay giai cấp mình. Bước thứ hai: giai cấp công nhân dùng sự thống trị của mình để từng bước đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước từ đó tiến hành tổ chức xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa. Hai bước này quan hệ chặt chẽ với nhau, giai cấp công nhân không thực hiện được bước thứ nhất thì cũng không thực hiện được bước thứ hai nhưng bước thứ hai là quan trọng nhất để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân bắt nguồn từ địa vị kinh tế-xã hội khách quan:

- Giai cấp công nhân ra đời và phát triển dưới chủ nghĩa tư bản, là bộ phận quan trọng nhất, cách mạng nhất của lực lượng sản xuất có trình độ xã hội hóa cao.

- Giai cấp công nhân không có tư liệu sản xuất nên buộc bán sức lao động của mình cho nhà tư bản để sống. Họ bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư mà họ đã tạo ra trong thời gian lao động.

- Địa vị kinh tế xã hội giúp cho giai cấp công nhân trở thành giai cấp cách mạng triệt để và có khả năng thực hiện sứ mệnh lịch sử, đó là khả năng đoàn kết toàn thể giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên quy mô quốc tế chống chủ nghĩa đế quốc.

Trong suốt những năm qua, giai cấp công nhân Việt Nam đã khẳng định được vai trò của mình, xứng đáng là bộ phận của giai cấp công nhân thế giới, tiếp tục lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng. Ngày nay, công nhân Việt Nam chủ động tham gia giải quyết các vấn đề là thu hút sự quan tâm hàng đầu của Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Các vấn đề đó có tính thời sự cao như dân số, môi trường, văn hóa, năng lượng, lương thực,...

Giai cấp công nhân là lực lượng kiên định bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, không chấp nhận chế độ đa đảng, đa nguyên chính trị.

Giai cấp công nhân tham gia đồng đảo vào các thành phần kinh tế, lấy mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh để phấn đấu.

Giai cấp công nhân là lực lượng tiên phong trong đấu tranh phòng chống tiêu cực, tham nhũng, tệ nạn xã hội, là lực lượng chính trị – xã hội quan trọng trong việc bảo vệ tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Kết luận: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam là xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ bóc lột, tự giải phóng, giải phóng nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi sự áp bức, bóc lột, xây dựng thành công xã hội cộng sản chủ nghĩa và phát triển về số lượng và chất lượng, nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp thực hiện “tri thức hóa công nhân”, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ vào sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả làm việc, xứng đáng với vai trò lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ mới.

**Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ mới cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:**

Một là, nâng cao nhận thức kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với xây dựng và phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức và doanh nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phát huy vai trò giai cấp công nhân trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc - động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước; đồng thời tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân trên toàn thế giới.

Ba là, thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và chăm lo xây dựng giai cấp công nhân; đảm bảo hài hòa lợi ích giữa công nhân, người sử dụng lao động, Nhà nước và toàn xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, quan tâm giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa giai cấp công nhân. Đặc biệt quan tâm xây dựng thế hệ công nhân trẻ, có học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao, ngang tầm khu vực và quốc tế, có lập trường giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, trở thành bộ phận nòng cốt của giai cấp công nhân.

Năm là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động. Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước có vai trò quyết định, công đoàn có vai trò quan trọng trực tiếp trong chăm lo xây dựng giai cấp công nhân. Xây dựng giai cấp công nhân lớn



mạnh gắn liền với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong giai cấp công nhân.

**b. Phân tích điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Sinh viên Việt Nam hiện nay cần chuẩn bị những gì để trở thành giai cấp công nhân hiện đại, chất lượng cao?**

**Khái niệm giai cấp công nhân**

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển nền công nghiệp hiện đại với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất họ lao động với phương thức công nghiệp ngành càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất mang tính hoạt động là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có nguyên liệu sản xuất, buộc bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới

**Điều kiện khách quan, điều kiện chủ quan**

*\* Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

Khẳng định tính tất yếu khách quan sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu rõ: "...Cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, chính cái nền tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản phẩm của nó, đã bị phá sập dưới chân giai cấp tư sản. Trước hết, giai cấp tư sản sản sinh ra người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau"

Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân bao gồm:

*Thứ nhất, do địa vị kinh tế của giai cấp công nhân quy định*

Giai cấp công nhân là con đẻ, là sản phẩm của nền đại công nghiệp trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Vì thế, giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến và lực lượng sản xuất hiện đại.

Nền sản xuất hiện đại với xu thế xã hội hóa cao đã tạo ra "tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết" (C.Mác) cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

Điều kiện khách quan này là nhân tố kinh tế, quy định giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giành chính quyền về tay mình, chuyển từ giai cấp "tự nó" thành giai cấp "vì nó". Giai cấp công nhân trở thành đại biểu cho sự tiến hóa tất yếu của lịch sử, là lực lượng duy nhất có đủ điều kiện để tổ

chức và lãnh đạo xã hội, xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội kiểu mới, không còn chế độ người áp bức, bóc lột người.

*Thứ hai, do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân quy định*

Là con đẻ của nền sản xuất đại công nghiệp, giai cấp công nhân có được những phẩm chất của một giai cấp tiên tiến, giai cấp cách mạng: tính tổ chức và kỷ luật, tự giác và đoàn kết trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình và giải phóng xã hội.

Những phẩm chất ấy của giai cấp công nhân được hình thành từ chính những điều kiện khách quan, được quy định từ địa vị kinh tế và địa vị chính trị - xã hội của nó trong nền sản xuất hiện đại và trong xã hội hiện đại mà giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một cách khách quan, ngoài ý muốn của nó.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân sớm đã được thực hiện bởi giai cấp công nhân, vì nó là một giai cấp cách mạng, đại biểu cho lực lượng sản xuất hiện đại, cho phương thức sản xuất tiên tiến thay thế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, xác lập phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Giai cấp công nhân là giai cấp đại biểu cho tương lai, cho xu thế đi lên của tiến trình phát triển lịch sử. Đây là đặc tính quan trọng, quyết định bản chất cách mạng của giai cấp công nhân. Hoàn toàn không phải vì nghèo khổ mà giai cấp công nhân là một giai cấp cách mạng. Tình trạng nghèo khổ của giai cấp công nhân dưới chủ nghĩa tư bản là hậu quả của sự bóc lột, áp bức mà giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản tạo ra đối với công nhân. Đó là trạng thái mà cách mạng sẽ xóa bỏ để giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng xã hội.

*\*Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử*

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra những điều kiện thuộc về nhân tố chủ quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Đó là:

*a) Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng.*

Thông qua sự phát triển này có thể thấy sự lớn mạnh của giai cấp công nhân cùng với quy mô phát triển của nền sản xuất vật chất hiện đại trên nền tảng của công nghiệp, của kỹ thuật và công nghệ.

Sự phát triển về số lượng phải gắn liền với sự phát triển về chất lượng giai cấp công nhân hiện đại, đảm bảo cho giai cấp công nhân thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình. Chất lượng giai cấp công nhân phải thể hiện ở trình độ trưởng thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng, tức là tự giác nhận thức được vai trò và

trọng trách của giai cấp mình đối với lịch sử, do đó giai cấp công nhân phải được giác ngộ về lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Là giai cấp đại diện tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, chất lượng giai cấp công nhân còn phải thể hiện ở năng lực và trình độ làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là trong điều kiện hiện nay. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (4.0) đang tác động sâu sắc vào sản xuất, vào quản lý và đời sống xã hội nói chung, đang đòi hỏi sự biến đổi sâu sắc tính chất, phương thức lao động của công nhân, lao động bằng trí óc, bằng năng lực trí tuệ, bằng sức sáng tạo sẽ ngày càng tăng lên, lao động giản đơn, cơ bắp trong truyền thống sẽ giảm dần bởi sự hỗ trợ của máy móc, của công nghệ hiện đại, trong đó có vai trò của công nghệ thông tin. Trình độ học vấn, tay nghề, bậc thợ của công nhân, văn hóa sản xuất, văn hóa lao động đáp ứng yêu cầu của kinh tế tri thức là những thước đo quan trọng về sự phát triển chất lượng của giai cấp công nhân hiện đại.

Chỉ với sự phát triển như vậy về số lượng và chất lượng, đặc biệt về chất lượng thì giai cấp công nhân mới có thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình.

*b) Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình.*

Đảng Cộng sản – đội tiên phong của giai cấp công nhân ra đời và đảm nhận vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng là dấu hiệu về sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân với tư cách là giai cấp cách mạng.

Quy luật chung, phổ biến cho sự ra đời của Đảng Cộng sản là sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học, tức chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân. Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng nhất của Đảng, làm cho Đảng mang bản chất giai cấp công nhân trở thành đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp. Đảng Cộng sản đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc và xã hội. Sức mạnh của Đảng không chỉ thể hiện ở bản chất giai cấp công nhân mà còn ở mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, với quần chúng lao động đông đảo trong xã hội, thực hiện cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo để giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội.

c) Ngoài hai điều kiện thuộc về nhân tố chủ quan nêu trên chủ nghĩa Mác – Lênin còn chỉ rõ, để cuộc cách mạng thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đi tới thắng lợi, phải có sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Đây cũng là một điều kiện quan trọng không thể thiếu để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

**Sinh viên Việt Nam hiện nay cần chuẩn bị những điều để trở thành giai cấp công nhân hiện đại, chất lượng cao:**

*\*Một kỳ thực tập nghiêm túc*

Là sinh viên, năm cuối tất cả các sinh viên đều có một kỳ thực tập. Và trong thị trường làm việc cạnh tranh như hiện nay, kinh nghiệm thực tập là điều cần phải có, và các nhà tuyển dụng sẽ có thể chú ý đến việc ta thực tập tại đâu, trải qua vị trí nào và có kinh nghiệm ra sao. Và nếu ta đã trải nghiệm thực tập từ mùa hè năm trước hoặc ngay trong cả năm học tại môn đơn vị nào đó thì đây cũng là một điểm sáng trong CV.

Nếu bạn có một kỳ thực tập nghiêm túc, giá trị bạn nhận được sẽ là sự trải nghiệm thực tế với chuyên ngành học của mình. Đồng thời cũng mở rộng thêm các mối quan hệ. Do đó, hãy xem thực tập như một công việc đầu tiên bạn bắt đầu. Đừng xem nhẹ nó và chỉ làm cho có hình thức, đã đến lúc bạn phải đi ra ngoài và có được một số kinh nghiệm từ thực tế chứ không phải chỉ trong sách vở.

*\*Các kinh nghiệm làm việc khác*

Thực tập sinh không phải là cách duy nhất để làm sáng CV, kinh nghiệm làm việc khác, như công việc bán thời gian và công việc theo mùa, cũng có thể có giá trị. Từ làm trợ lý kỹ thuật trong suốt học kỳ hay việc bán thời gian tại quán cà phê... tất cả đều có giá trị ngay cả khi nó không liên quan đến kế hoạch nghề nghiệp tương lai của bạn. Bởi lẽ, dù ít dù nhiều, nó đều cho bạn những bài học thực tiễn từ cuộc sống, cho thấy khả năng thích nghi của bạn trong những môi trường khác nhau.

*\*Ôn tập và củng cố lại kiến thức chuyên môn*

Thời gian học đại học khá dài, thường kéo dài từ ba đến năm năm, tùy từng ngành học, thậm chí là bảy năm với ngành y đa khoa. Lượng kiến thức lớn sau một thời gian dài cũng sẽ ít nhiều bị mai một, vì vậy, trước khi ra trường, các bạn nên hệ thống và ôn tập lại những kiến thức mình đã được học. Bạn đã học và nghiên cứu những kiến thức đó nên chỉ cần ôn tập lại, thì bạn sẽ nắm bắt được hết những kiến thức đã được học.

*\*Học và thi lấy một chứng chỉ ngoại ngữ*

Lợi ích của việc học ngoại ngữ thì hẳn không còn xa lạ gì nữa, nhưng với những người sắp ra trường và muốn xin việc thì ngoại ngữ lại trở thành một yếu tố vô cùng quan trọng. Có những công việc không yêu cầu đến trình độ ngoại ngữ, nhưng có những công việc thì ngoại ngữ, mà đặc biệt là Tiếng Anh lại là điều kiện bắt buộc. Vì vậy, nếu bạn đang theo học hoặc có mong muốn được làm việc trong những ngành, lĩnh vực mà yêu cầu ngoại ngữ thì hãy nhanh chóng học và thi lấy một chứng chỉ để phục vụ cho công cuộc xin việc sau này.

*\*Rèn luyện kỹ năng mềm*

Giỏi chuyên môn thôi vẫn chưa đủ, thực tế làm việc sẽ rất khác với những gì bạn đã được học trên giảng đường. Để đạt được thành công trong công việc, ngoài những kiến thức chuyên môn thì còn đòi hỏi ở bạn những kỹ năng mềm.

Kỹ năng mềm là kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản trị thời gian,... Có rất nhiều kỹ năng cần thiết, tuy nhiên, tùy thuộc vào đặc thù mà mỗi ngành, nghề lại yêu cầu những kỹ năng khác nhau.

**c. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay. Giai cấp công nhân Việt Nam cần làm gì để phát huy sứ mệnh lịch sử của mình trong giai đoạn hiện nay?**

**Khái niệm giai cấp công nhân**

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển nền công nghiệp hiện đại với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất họ lao động với phương thức công nghiệp ngành càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất mang tính hoạt động là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có nguyên liệu sản xuất, buộc bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới

**Sứ mệnh của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay**

*Về nội dung kinh tế - xã hội*

Thông qua vai trò của giai cấp công nhân trong quá trình sản xuất với công nghệ hiện đại, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo cho phát triển bền vững, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đối với sự phát triển xã hội ngày càng thể hiện rõ, bởi sự phát triển sản xuất của chủ nghĩa tư bản trong thế giới ngày nay với sự tham gia trực tiếp của giai cấp công nhân và các lực lượng lao động – dịch vụ trình độ cao lại chính là nhân tố kinh tế - xã hội thúc đẩy sự chín muồi các tiền đề của chủ nghĩa xã hội trong lòng chủ nghĩa tư bản. Đó lại là điều kiện để phát huy vai trò chủ thể của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

Mặt khác, mâu thuẫn lợi ích cơ bản giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản cũng ngày càng sâu sắc ở từng quốc gia và trên phạm vi toàn cầu. Toàn cầu hóa hiện nay vẫn mang đậm tính chất tư bản chủ nghĩa với những bất công và bất bình đẳng xã hội lại thúc đẩy cuộc đấu tranh chống chế độ bóc lột giá trị thặng dư trên phạm vi thế giới, phấn đấu cho việc xác lập một trật tự xã hội mới công bằng và bình đẳng, đó là từng bước thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong kinh tế - xã hội.

*Về nội dung chính trị - xã hội*

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, mục tiêu đấu tranh trực tiếp của giai cấp công nhân và lao động là chống bất công và bất bình đẳng xã hội. Mục tiêu lâu dài là giành

chinh quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động, được nêu rõ trong Cương lĩnh chính trị của các Đảng Cộng sản trong các nước tư bản chủ nghĩa. Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, nơi các Đảng Cộng sản đã trở thành Đảng cầm quyền, nội dung chính trị - xã hội của sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân là lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, giải quyết thành công các nhiệm vụ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững

### *Về nội dung văn hóa, tư tưởng*

Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong điều kiện thế giới ngày nay trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng trước hết là cuộc đấu tranh ý thức hệ. Đó là cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản. Cuộc đấu tranh này đang diễn ra phức tạp và quyết liệt, nhất là trong nền kinh tế thị trường phát triển với những tác động mặt trái của nó. Mặt khác, khi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tan rã, phong trào cách mạng thế giới đang phải vượt qua những thoái trào tạm thời thì niềm tin vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đứng trước những thử thách càng làm cho cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội trở nên phức tạp và gay gắt hơn.

Song các giá trị đặc trưng cho bản chất khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân, của chủ nghĩa xã hội vẫn mang ý nghĩa chỉ đạo, định hướng trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và quần chúng lao động chống chủ nghĩa tư bản và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa của sự phát triển xã hội.

Các giá trị như lao động, sáng tạo, công bằng, dân chủ, bình đẳng, tự do vẫn là những giá trị được nhân loại thừa nhận và phấn đấu thực hiện. Trên thực tế, các giá trị mà nhân loại hướng tới đều tương đồng với các giá trị lý tưởng, mục tiêu của giai cấp công nhân.

Không chỉ ở các nước xã hội chủ nghĩa mà ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động vì những giá trị cao cả đó đã đạt được nhiều tiến bộ xã hội quan trọng.

Đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản, giáo dục nhận thức và củng cố niềm tin khoa học đối với lý tưởng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giáo dục và thực hiện chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp công nhân trên cơ sở phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần



dân tộc chính là nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay về văn hóa tư tưởng

**Để phát huy sứ mệnh lịch sử của mình trong giai đoạn hiện nay, giai cấp công nhân Việt Nam cần:**

*Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội một cách hài hòa.* Vừa tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao, ổn định vừa bảo đảm phát triển văn hóa - xã hội hài hòa, lành mạnh; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân lao động, đặc biệt là giai cấp công nhân; giữ vững ổn định chính trị; bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội. Một xã hội ổn định, phát triển toàn diện và hài hòa không chỉ là môi trường thuận lợi cho sự phát triển của giai cấp công nhân mà còn của mọi người dân trong xã hội.

*Tiếp tục phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.* Quy hoạch nền kinh tế, vùng kinh tế, khu vực kinh tế, cấu trúc lại nền kinh tế phù hợp với sự phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thu hút đầu tư nước ngoài, khuyến khích các tập thể cá nhân phát triển sản xuất - kinh doanh, chủ động và tích cực tham gia vào thị trường lao động quốc tế, phát triển cảng biển, hệ thống đường giao thông thủy, bộ, đường sắt, hàng không, xây dựng những khu công nghiệp, khu chế xuất mới... Đây sẽ là quá trình phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp, hiện đại; đồng thời, hướng tới việc tạo ra một thị trường lao động công nghiệp mới, thu hút nhiều lao động với phong phú về ngành nghề, đa dạng về chủng loại. Quá trình này sẽ phát triển giai cấp công nhân không chỉ về số lượng mà cả chất lượng.

*Đẩy mạnh tuyên truyền và giáo dục để nhận thức rõ hơn về vai trò, vị trí và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.* Xuất phát từ thực trạng đời sống của người công nhân còn nhiều khó khăn, nên trong quan niệm của xã hội hiện nay, hình ảnh người công nhân chưa phải là hình ảnh được đề cao. Trong điều kiện như thế, để giai cấp công nhân có điều kiện khẳng định được vai trò, vị trí của mình cũng như hoàn thành được sứ mệnh lịch sử cao quý của mình cần có một chiến dịch tuyên truyền, vận động rộng khắp trong xã hội nhằm đề cao, tôn vinh người công nhân, sao cho cả xã hội nhận thức được vai trò và vị trí quan trọng của giai cấp công nhân trong sự nghiệp phát triển kinh tế trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; đồng thời, cũng là nhân tố quyết định xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa.

*Cải cách triệt để hệ thống giáo dục và đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề cho giai cấp công nhân.* Đây là một vấn đề sống còn đối với người công nhân và việc phát triển giai cấp công nhân trong tình hình mới. Đẩy mạnh công nghiệp hóa,

hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế đang tạo ra một nhu cầu mới về nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng. Đặc thù của kinh tế thị trường là tính cạnh tranh cao, lao động và việc làm cũng không ngoài tình trạng đó. Sự cạnh tranh trong sử dụng lao động đòi hỏi lực lượng lao động cần được đào tạo một cách chuyên nghiệp và cơ bản. Do đó, chất lượng lao động, nguồn nhân lực mới là nhân tố quyết định cho sự phát triển và tăng trưởng cao. Đối với người lao động, khi tham gia thị trường lao động nếu chưa được đào tạo cơ bản, đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường lao động, thì rất khó tìm được việc làm, và nếu có, thì cũng thường là việc làm không ổn định, lao động giản đơn, nặng nhọc và thu nhập thấp. Tính cạnh tranh cao cùng với sự sôi động của thị trường lao động đòi hỏi Nhà nước cần có một chiến lược xây dựng và phát triển nguồn nhân lực vừa đông đảo, có chất lượng cao vừa phong phú, đa dạng nhằm đáp ứng kịp thời và lâu dài nhu cầu nguồn lực con người cho quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

*Thiết thực chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của giai cấp công nhân.* Trong xã hội hiện nay, cùng với nông dân, giai cấp công nhân là những người nghèo trong xã hội. Đời sống vật chất và tinh thần của người công nhân lao động còn nghèo nàn. Đây là một nghịch lý rất đáng suy nghĩ. Giai cấp tiên tiến, ưu tú, nắm quyền lãnh đạo xã hội mà lại nghèo. Vì lẽ đó, Đảng và Nhà nước cần cấp thiết có một chiến lược thiết thực chăm lo đời sống người công nhân, nhất là đội ngũ công nhân trẻ mới vào nghề, tập trung đông ở các khu công nghiệp, khu chế xuất. Trong đó, trước hết, là các chính sách mới về việc làm, nhà ở và tiền lương. Có như thế, giai cấp công nhân mới thoát khỏi những bức bách của đời sống, có điều kiện học tập, rèn luyện nâng cao tay nghề và ý thức xã hội. Chỉ khi đó, đội ngũ công nhân trẻ này mới gắn bó sâu sắc với sự nghiệp đổi mới của Đảng và Nhà nước, có ý thức giai cấp, có lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

*Xây dựng giai cấp công nhân gắn liền với cuộc vận động thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở và chống tham nhũng.* Xây dựng và phát triển giai cấp công nhân phải được thực hiện trong một môi trường kinh tế - xã hội mà mỗi người công nhân luôn có điều kiện phát huy năng lực của mình và được thụ hưởng thành quả lao động do chính mình làm ra. Muốn thế, cần thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế Dân chủ trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Một khi người công nhân được tôn trọng, được thực sự góp phần vào quá trình phát triển doanh nghiệp thì sẽ tạo ra một động lực mạnh mẽ thúc đẩy cán bộ, công nhân yên tâm và hăng say làm việc, sáng tạo mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp và bản thân.

Cùng với thực hiện nghiêm túc Quy chế Dân chủ trong các doanh nghiệp, đấu tranh chống tham nhũng cũng là một vấn đề gây bức xúc trong không ít các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp cổ phần. Tham nhũng đang tạo ra khoảng cách giàu - nghèo giữa công nhân, viên chức và người lãnh đạo doanh nghiệp, gây nên sự bất bình trong dư luận công nhân, mất đoàn kết nội bộ, mâu thuẫn trong doanh nghiệp. Nếu không kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng sẽ dễ dẫn tới tình trạng bất ổn, làm sản xuất đình đốn. Kiên quyết đấu tranh loại trừ tệ tham nhũng ra khỏi các doanh nghiệp đó là một việc làm vừa có ý nghĩa phát triển sản xuất, kinh doanh vừa có ý nghĩa bảo vệ cán bộ và công nhân không bị rơi vào trạng thái mâu thuẫn trên. Đó chính là một con đường thiết thực góp phần xây dựng và phát triển giai cấp công nhân trong các doanh nghiệp.

*Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp; đồng thời, đổi mới hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp phù hợp với tình hình mới.* Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp được đề cập ở đây là trong các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp cổ phần hóa. Trong quá trình chuyển đổi vừa qua, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với doanh nghiệp cũng như đối với các tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp còn lúng túng, có nhiều bất cập. Chính vì vậy, vị thế, vai trò của Đảng trong các doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp đã cổ phần hóa khá mờ nhạt. Các tổ chức chính trị - xã hội trong nhiều doanh nghiệp hầu như rất lúng túng trong phương hướng hoạt động, không hoạt động hoặc hoạt động chỉ mang tính hình thức.

Vấn đề đặt ra là, Đảng cần có phương thức lãnh đạo mới, một cơ chế mới để vừa thể hiện được vai trò lãnh đạo của mình vừa thúc đẩy sự hoạt động một cách có hiệu quả của các tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp. Trong đó, đặc biệt tạo lập mối quan hệ mới giữa Đảng và tổ chức công đoàn, từng bước góp phần đưa Công đoàn trở thành một tổ chức hùng mạnh, thực sự xứng đáng là tổ chức hoạt động vì quyền lợi chính đáng của toàn thể công nhân, lao động. Sự lãnh đạo sát sao của Đảng đối với tổ chức công đoàn sẽ là một sức mạnh mới thiết thực góp phần bảo vệ, chăm sóc và phát triển giai cấp công nhân trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Bảo vệ quyền lợi chính đáng của công nhân cũng là một cách xây dựng và phát triển giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay.

#### **d. Phân tích đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam. Giai cấp công nhân Việt Nam cần làm gì để xây dựng đất nước trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0?**

##### **Khái niệm giai cấp công nhân Việt Nam**

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp.

##### **Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam**

Tại Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Đảng ta đã xác định: “Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có tính chất công nghiệp”

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và phát triển gắn liền với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam. Giai cấp công nhân Việt Nam mang những đặc điểm chủ yếu sau đây:

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản vào đầu thế kỷ XX, là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp và bè lũ tay sai của chúng. Giai cấp công nhân Việt Nam phát triển chậm vì nó sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, dưới ách thống trị của thực dân Pháp.

- Trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp, trong cuộc đấu tranh chống tư bản thực dân đế quốc và phong kiến để giành độc lập chủ quyền, xóa bỏ ách bóc lột và thống trị thực dân, giai cấp công nhân đã tự thể hiện mình là lực lượng chính trị tiên phong để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải quyết mâu thuẫn cơ bản giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc thực dân và phong kiến thống trị, mở đường cho sự phát triển của dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản. Giai cấp công nhân Việt Nam không chỉ thể hiện đặc tính cách mạng của mình ở ý thức giai cấp và lập trường chính trị mà còn thể hiện tinh thần dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, với dân tộc có truyền thống yêu nước, đoàn kết và bất khuất chống xâm lược.

Tuy số lượng giai cấp công nhân Việt Nam khi ra đời còn ít, những đặc tính của công nhân với tư cách là sản phẩm của đại công nghiệp chưa thật sự đầy đủ, lại sinh trưởng trong một xã hội nông nghiệp còn mang nhiều tàn dư của tâm lý tiểu nông

nhưng giai cấp công nhân Việt Nam sớm được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng chống thực dân đế quốc nên đã trưởng thành nhanh chóng về ý thức chính trị của giai cấp, sớm giác ngộ lý tưởng, mục tiêu cách mạng, tức là giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình, nhất là từ khi Đảng ra đời. Lịch sử đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và của Đảng cũng như phong trào công nhân Việt Nam do Đảng lãnh đạo gắn liền với lịch sử và truyền thống đấu tranh của dân tộc, nổi bật ở truyền thống yêu nước và đoàn kết đã cho thấy giai cấp công nhân Việt Nam trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, với Đảng Cộng sản, với lý tưởng, mục tiêu cách mạng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để và là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản.

- *Giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với các tầng lớp nhân dân trong xã hội.* Lợi ích của giai cấp công nhân và lợi ích dân tộc gắn chặt với nhau, tạo thành động lực thúc đẩy đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc trong mọi thời kỳ đấu tranh cách mạng, từ cách mạng giải phóng dân tộc đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Đại bộ phận công nhân Việt Nam xuất thân từ nông dân và các tầng lớp lao động khác, cùng chung lợi ích, cùng chung nguyện vọng và khát vọng đấu tranh cho độc lập tự do, để giải phóng dân tộc và phát triển dân tộc Việt Nam, hướng đích tới chủ nghĩa xã hội nên giai cấp công nhân Việt Nam có mối liên hệ tự nhiên, chặt chẽ với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động trong xã hội. Đặc điểm này tạo ra thuận lợi để giai cấp công nhân xây dựng khối liên minh giai cấp với giai cấp nông dân, với đội ngũ trí thức làm nòng cốt trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đó cũng là cơ sở xã hội rộng lớn để thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam, trước đây cũng như hiện nay.

Những đặc điểm nêu trên bắt nguồn từ lịch sử hình thành và phát triển giai cấp công nhân Việt Nam với cơ sở kinh tế - xã hội và chính trị ở đầu thế kỷ XX.

Ngày nay, nhất là trong hơn 30 năm đổi mới vừa qua, những đặc điểm đó của giai cấp công nhân đã có những biến đổi do tác động của tình hình kinh tế - xã hội trong nước và những tác động của tình hình quốc tế và thế giới. Bản thân giai cấp công nhân Việt Nam cũng có những biến đổi từ cơ cấu xã hội - nghề nghiệp, trình độ học vấn và tay nghề bậc thợ, đến đời sống, lối sống, tâm lý ý thức. Đội tiên phong của giai cấp công nhân là Đảng Cộng sản đã có một quá trình trưởng thành, trở thành Đảng cầm quyền, duy nhất cầm quyền ở Việt Nam, đang nỗ lực tự đổi mới, tự chỉnh

đồn để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng ngang tầm nhiệm vụ.

**Có thể nói tới những biến đổi đó trên những nét chính sau đây:**

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đã tăng nhanh về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế nhưng đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo.

- Công nhân tri thức, nắm vững khoa học - công nghệ tiên tiến, và công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, học vấn, văn hóa, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và thực tiễn xã hội, là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và phong trào công đoàn.

Trong môi trường kinh tế - xã hội đổi mới, trong đà phát triển mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp lần thứ 4, giai cấp công nhân Việt Nam đứng trước thời cơ phát triển và những thách thức nguy cơ trong phát triển.

- Để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, cùng với việc xây dựng, phát triển giai cấp công nhân lớn mạnh, hiện đại, phải đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng lãnh đạo, cầm quyền thực sự trong sạch vững mạnh. Đó là điểm then chốt để thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ở Việt Nam.

**Giai cấp công nhân Việt Nam cần làm gì để xây dựng đất nước trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0?**

Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, giai cấp công nhân là nhân tố quan trọng trong việc nắm lấy cơ hội và đối phó với những thách thức của cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Giai cấp công nhân cần nâng cao trình độ học vấn và độ chuyên môn, nghề nghiệp, chính trị. Tăng tỉ lệ số công nhân có tri thức, nắm vững khoa học – công nghệ tiên tiến hiện đại. Biết học hỏi tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật của nước ngoài, làm việc với các chuyên viên nước ngoài để nâng cao tay nghề, kỹ năng lao động, rèn luyện các tác phong công nghiệp tạo ra nguồn lực lượng lao động chủ đạo tích cực phù hợp với thời đại.

**e. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Hiện nay, VN đã đạt được những thành tựu nào về kinh tế, chính trị, văn hóa trong suốt quá trình xây dựng đất nước? ("Thành tựu của VN sau 35 năm đổi mới")**

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển nền công nghiệp hiện đại với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất họ lao động với phương thức công nghiệp ngành càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất mang tính hoạt động là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có nguyên liệu sản xuất, buộc bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân chính là những nhiệm vụ mà giai cấp công nhân cần phải thực hiện với tư cách là giai cấp tiên phong, là lực lượng đi đầu trong cuộc cách mạng xác lập hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

*a) Nội dung kinh tế*

Là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất xã hội hóa cao, giai cấp công nhân cũng là đại biểu cho quan hệ sản xuất mới, tiên tiến nhất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, đại biểu cho phương thức sản xuất tiến bộ nhất thuộc về xu thế phát triển của lịch sử xã hội.

Vai trò chủ thể của giai cấp công nhân, trước hết là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất để sản xuất ra của cải vật chất ngày càng nhiều đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người và xã hội. Bằng cách đó, giai cấp công nhân tạo tiền đề vật chất - kỹ thuật cho sự ra đời của xã hội mới.

Mặt khác, tính chất xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất đòi hỏi một quan hệ sản xuất mới, phù hợp với chế độ công hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội là nền tảng, tiêu biểu cho lợi ích của toàn xã hội. Giai cấp công nhân đại biểu cho lợi ích chung của xã hội.

Chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất không có lợi ích riêng với nghĩa là tư hữu. Nó phấn đấu cho lợi ích chung của toàn xã hội. Nó chỉ tìm thấy lợi ích chân chính của mình khi thực hiện được lợi ích chung của cả xã hội.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân thông qua quá trình công nghiệp hóa và thực hiện "một kiểu tổ chức xã hội mới về lao động" để tăng năng suất lao

động xã hội và thực hiện các nguyên tắc sở hữu, quản lý và phân phối phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Trên thực tế, hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa lại ra đời từ phương thức phát triển rút ngắn, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Do đó, để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình về nội dung kinh tế, giai cấp công nhân phải đóng vai trò nòng cốt trong quá trình giải phóng lực lượng sản xuất (vốn bị kìm hãm, lạc hậu, chậm phát triển trong quá khứ), thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển để tạo cơ sở cho quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa ra đời.

Công nghiệp hóa là một tất yếu có tính quy luật để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải là lực lượng đi đầu thực hiện công nghiệp hóa, cũng như hiện nay, trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế, yêu cầu mới đặt ra đòi hỏi phải gắn liền công nghiệp hóa với hiện đại hóa, đẩy mạnh công nghiệp hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

#### *b) Nội dung chính trị - xã hội*

Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ quyền thống trị của giai cấp tư sản, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức của chủ nghĩa tư bản, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Thiết lập nhà nước kiểu mới, mang bản chất giai cấp công nhân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền lực của nhân dân, quyền dân chủ và làm chủ xã hội của tuyệt đại đa số nhân dân lao động.

Giai cấp công nhân và nhân dân lao động sử dụng nhà nước của mình, do mình làm chủ như một công cụ có hiệu lực để cải tạo xã hội cũ và tổ chức xây dựng xã hội mới, phát triển kinh tế và văn hóa, xây dựng nền chính trị dân chủ - pháp quyền, quản lý kinh tế - xã hội và tổ chức đời sống xã hội phục vụ quyền và lợi ích của nhân dân lao động, thực hiện dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội, theo lý tưởng và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

#### *c) Nội dung văn hóa, tư tưởng*

Thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng cần phải tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động; công bằng; dân chủ; bình đẳng và tự do.



Hệ giá trị mới này là sự phủ định các giá trị tư sản mang bản chất tư sản và phục vụ cho giai cấp tư sản; những tàn dư các giá trị đã lỗi thời, lạc hậu của các xã hội quá khứ. Hệ giá trị mới thể hiện bản chất ưu việt của chế độ mới xã hội chủ nghĩa sẽ từng bước phát triển và hoàn thiện.

Giai cấp công nhân thực hiện cuộc cách mạng về văn hóa, tư tưởng bao gồm cải tạo cái cũ lỗi thời, lạc hậu, xây dựng cái mới, tiến bộ trong lĩnh vực ý thức tư tưởng, trong tâm lý, lối sống và trong đời sống tinh thần xã hội. Xây dựng và củng cố ý thức hệ tiên tiến của giai cấp công nhân, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh để khắc phục ý thức hệ tư sản và các tàn dư còn sót lại của các hệ tư tưởng cũ. Phát triển văn hóa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đạo đức và lối sống mới xã hội chủ nghĩa là một trong những nội dung căn bản mà cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng đặt ra đối với sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện đại.

Hiện nay, VN đã đạt được những thành tựu về kinh tế, chính trị, văn hóa trong suốt quá trình xây dựng đất nước. Qua 35 năm, từ chỗ thiếu ăn, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng nông sản, như cà phê, gạo, hạt điều, rau quả, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ... luôn duy trì ở mức cao. Các mặt hàng xuất khẩu khác cũng có bước tiến lớn. Đặc biệt, trong bối cảnh bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 khiến hoạt động thương mại và đầu tư thế giới suy giảm, thì tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2020 vẫn đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm 2019; xuất siêu 19,1 tỷ USD - cao nhất trong 5 năm liên tiếp xuất siêu kể từ năm 2016. Với kim ngạch xuất nhập khẩu ấn tượng đã đưa Việt Nam xếp thứ 22 thế giới về quy mô kim ngạch và năng lực xuất khẩu, đứng thứ 26 về quy mô thương mại quốc tế. Phát triển gắn kết hài hòa với phát triển văn hóa - xã hội y tế hộ nghèo trên cả nước đã giảm từ 58% năm 1993 xuống 22% năm 2005; 9,45% năm 2010, 7% năm 2015 và còn dưới 3% năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Quy mô giáo dục tiếp tục được phát triển, cơ sở vật chất được nâng cao, chất lượng đào tạo từng bước đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực. Việt Nam là một trong số ít quốc gia có hệ thống y tế hoàn chỉnh, tổ chức rộng khắp tới tận thôn, bản; làm chủ được nhiều kỹ thuật công nghệ cao mang tầm thế giới như: ghép chi, tim, gan, thận...; kiểm soát được nhiều dịch bệnh nguy hiểm, trong đó có Covid-19; chủ động sản xuất được nhiều loại vắc xin phòng bệnh, mới đây nhất là vắc xin phòng Covid-19... Bên cạnh đó, công tác bảo đảm an sinh xã hội luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm thực hiện. 35 năm đổi mới cũng là một chặng đường hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức. Việt Nam đã thiết lập được nhiều quan hệ đối

tác chiến lược về kinh tế; tích cực xây dựng Cộng đồng ASEAN 2015 và hoàn thiện thị trường trong nước đầy đủ hơn theo cam kết WTO. Đến nay, đã có 71 quốc gia công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam. Việt Nam đã được tín nhiệm bầu vào các cơ quan quan trọng của Liên hợp quốc, như: Hội đồng Nhân quyền nhiệm kỳ 2014 - 2016, Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO nhiệm kỳ 2013 - 2017, Hội đồng kinh tế - xã hội của Liên hợp quốc (ECOSOC) nhiệm kỳ 2016 - 2018. Đặc biệt, năm 2020, Việt Nam cùng lúc đảm nhận 3 trọng trách: Ủy viên không Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Chủ tịch ASEAN và Chủ tịch AIPA. Trong bối cảnh vô cùng khó khăn của đại dịch Covid-19 và những thiệt hại nặng nề do thiên tai bão lũ... song Việt Nam đã hoàn thành tốt cả ba trọng trách, góp phần nâng cao uy tín, vị thế Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Những thành tựu của 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới đã tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

## **Bài: CNXH VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH**

### **a. Phân tích đặc trưng cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chứng minh những thành tựu nổi bật về kinh tế, xã hội mà Việt Nam đạt được trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay?**

Theo quan điểm về thời kỳ quá độ của CN Mác – Lênin “Giữa xã hội TBCN và xã hội CSCN là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia. Thách thức với thời kỳ ấy là thời kỳ quá độ chính trị và nhà nước thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của GCVS”. Những đặc trưng cơ bản của giai đoạn đầu, phản ánh bản chất và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội từng bước được bộc lộ đầy đủ cùng với quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Căn cứ vào những dự báo của C.Mác và Ph.Ăngghen và những quan điểm của V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội ở nước Nga xô - viết, có thể khái quát những đặc trưng cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như sau:

Đầu tiên trên lĩnh vực kinh tế: Thời kỳ quá độ là thời kỳ tất yếu còn tồn tại một nền kinh tế nhiều thành phần trong một hệ thống kinh tế quốc dân thống nhất. Đây là bước quá độ trung gian tất yếu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, không thể dùng ý chí để xóa bỏ ngay kết cấu nhiều thành phần của nền kinh tế, nhất là đối với những nước còn ở trình độ chưa trải qua sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Việt Nam có 4 thành phần kinh tế là kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Ngoài ra còn có mặt trái của nền kinh tế là kinh tế thị trường.

Thứ hai, trên lĩnh vực chính trị thiết lập và tăng cường chuyên chính vô sản mà thực chất nó là việc giai cấp công nhân nắm và sử dụng quyền lực nhà nước trấn áp giai cấp tư sản, tiến hành xây dựng một xã hội không giai cấp. Do kết cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đa dạng, phức tạp, nên kết cấu giai cấp của xã hội trong thời kỳ này cũng đa dạng phức tạp. Nói chung, thời kỳ này thường bao gồm: giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức, những người sản xuất nhỏ, tầng lớp tư sản và một số tầng lớp xã hội khác tùy theo từng điều kiện cụ thể của mỗi nước. Các giai cấp, tầng lớp này vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Qua đó, ta thấy được tình hình kinh tế Việt Nam là xây dựng nhà nước pháp quyền chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

Thứ ba trên lĩnh vực tư tưởng – văn hóa là Thời kỳ quá độ còn tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau. Chủ yếu là TTVS và TTTS. GCCN từng bước xây dựng văn hóa vô sản, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, tiếp thu giá trị văn hóa dân tộc và tinh

hoa văn hóa nhân loại. Cụ thể là Đảng Cộng Sản từng bước xác lập và xây dựng hệ tư tưởng và nền văn hóa XHCN, chính là chủ nghĩa Mác Lênin.

Cuối cùng trên lĩnh vực xã hội, TKQĐ còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp xã hội, các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Bởi vậy, thời kỳ này là thời kỳ đấu tranh giai cấp chống áp bức, bất công, xóa bỏ tệ nạn xã hội và những tàn dư của xã hội cũ để lại, thiết lập công bằng xã hội trên cơ sở thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

Hiện nay, những thành tựu nổi bật về kinh tế, xã hội mà Việt Nam đạt được trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Qua 35 năm, từ chỗ thiếu ăn, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng nông sản, như cà phê, gạo, hạt điều, rau quả, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ... luôn duy trì ở mức cao. Các mặt hàng xuất khẩu khác cũng có bước tiến lớn. Đặc biệt, trong bối cảnh bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 khiến hoạt động thương mại và đầu tư thế giới suy giảm, thì tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2020 vẫn đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm 2019; xuất siêu 19,1 tỷ USD - cao nhất trong 5 năm liên tiếp xuất siêu kể từ năm 2016. Với kim ngạch xuất nhập khẩu ấn tượng đã đưa Việt Nam xếp thứ 22 thế giới về quy mô kim ngạch và năng lực xuất khẩu, đứng thứ 26 về quy mô thương mại quốc tế. Phát triển gắn kết hài hòa với phát triển văn hóa - xã hội ý lệ hộ nghèo trên cả nước đã giảm từ 58% năm 1993 xuống 22% năm 2005; 9,45% năm 2010, 7% năm 2015 và còn dưới 3% năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Quy mô giáo dục tiếp tục được phát triển, cơ sở vật chất được nâng cao, chất lượng đào tạo từng bước đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực. Việt Nam là một trong số ít quốc gia có hệ thống y tế hoàn chỉnh, tổ chức rộng khắp tới tận thôn, bản; làm chủ được nhiều kỹ thuật công nghệ cao mang tầm thế giới như: ghép chi, tim, gan, thận...; kiểm soát được nhiều dịch bệnh nguy hiểm, trong đó có Covid-19; chủ động sản xuất được nhiều loại vắc xin phòng bệnh, mới đây nhất là vắc xin phòng Covid-19... Bên cạnh đó, công tác bảo đảm an sinh xã hội luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm thực hiện. 35 năm đổi mới cũng là một chặng đường hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức. Việt Nam đã thiết lập được nhiều quan hệ đối tác chiến lược về kinh tế; tích cực xây dựng Cộng đồng ASEAN 2015 và hoàn thiện thị trường trong nước đầy đủ hơn theo cam kết WTO. Đến nay, đã có 71 quốc gia công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam. Việt Nam đã được tín nhiệm bầu vào các cơ quan quan trọng của Liên hợp quốc, như: Hội đồng Nhân quyền nhiệm kỳ 2014 - 2016, Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO nhiệm kỳ 2013 - 2017, Hội đồng kinh tế - xã

hội của Liên hợp quốc (ECOSOC) nhiệm kỳ 2016 - 2018. Đặc biệt, năm 2020, Việt Nam cùng lúc đảm nhận 3 trọng trách: Ủy viên không Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Chủ tịch ASEAN và Chủ tịch AIPA. Trong bối cảnh vô cùng khó khăn của đại dịch Covid-19 và những thiệt hại nặng nề do thiên tai bão lũ... song Việt Nam đã hoàn thành tốt cả ba trọng trách, góp phần nâng cao uy tín, vị thế Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Những thành tựu của 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới đã tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

**b. Phân tích đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trách nhiệm của sinh viên trong việc góp phần xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?**

Theo quan điểm về thời kỳ quá độ của CN Mác – Lênin “Giữa xã hội TBCN và xã hội CSCN là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là thời kỳ quá độ chính trị và nhà nước thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của GCVS”. Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội trong những điều kiện thuận lợi, khó khăn đan xen, có những đặc trưng cơ bản sau:

- Xuất phát từ một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, LLSX rất thấp. Đất nước trải qua chiến tranh ác liệt, kéo dài, hậu quả để lại nặng nề. Các thế lực thù địch luôn tìm cách chế độ XHCN.

- Cuộc cách mạng KHCN hiện đại diễn ra mạnh mẽ và cuốn hút tất cả các nước. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc. Đặt ra thời cơ và thách thức.

- Đến nay vẫn là thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH, cho dù chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia dân tộc.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã được triệu tập, họp từ ngày 19 đến ngày 24-4-2001 tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội tập trung thảo luận, đánh giá chặng đường hơn 70 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng, tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000), rút ra bài học của công cuộc đổi mới. Trong Đại hội IX của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đưa ra những quan điểm sau:

Thứ nhất, quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là con đường cách mạng tất yếu khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta.

Thứ hai, bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của QHSX và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa. Tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, song sở hữu tư nhân TBCN và thành phần KT tư nhân TBCN không chiếm vai trò chủ đạo.

Thứ ba, thời kỳ này đòi hỏi phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới CNTB, đặc biệt là khoa học và công nghệ, thành tựu về quản lý phát triển xã hội, đặc biệt là xây dựng nền kinh tế hiện đại, phát triển nhanh lực lượng sản xuất.

Và cuối cùng là thời kỳ tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đòi hỏi sự quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân.

Là một sinh viên của Đại học CN TP HCM thì chúng ta phải có trách nhiệm đối với xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Chúng ta đc xem như là một lực lượng vũ trang vì vậy ta nên tham gia các phong trào ví dụ như “Thanh niên quân đội rèn đức, luyện tài, xung kích, sáng tạo, quyết thắng”, “Tuổi trẻ lực lượng vũ trang chung sức xây dựng nông thôn mới”. Triển khai và thực hiện hiệu quả các mô hình: “Chi đoàn kỷ luật nghiêm”, “Nuôi heo đất”, “Tiết kiệm điện”, “Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp”, “Khu vực học tập, tiếp cận thông tin”, “Hũ gạo tiết kiệm”; cuộc vận động “Người con hiếu thảo, nghĩa tình đồng đội” và chương trình “Ngôi nhà 100 đồng”... tham gia sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tham dự giải thưởng “Tuổi trẻ sáng tạo” do cấp trên tổ chức đạt kết quả tốt. Để đáp ứng với thời kỳ mới, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong thời gian tới, chúng ta cần tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Chấp hành Trung ương “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030”; Chỉ thị số 01-CT/TW ĐTN của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn về việc “Tăng cường rèn luyện tác phong, thực hiện lề lối công tác của cán bộ đoàn trong các cấp bộ Đoàn”. Đổi mới hình thức, phương pháp học tập lý luận chính trị để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đoàn viên, thanh niên. Chú trọng giáo dục truyền thống, ý thức tự lực, tự cường, phát huy vai trò tích cực của thanh niên quan tâm đến các sự kiện chính trị của đất nước, địa phương, tiếp thu và chọn lọc cái hay, cái đẹp; đấu tranh bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, văn hóa độc hại, xứng đáng với lời dạy của Bác: “Lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người, cuộc sống mới”. Để phát huy tốt vai trò của thanh niên lực lượng vũ trang trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, trong chương trình công tác của mỗi cấp ủy đảng luôn xác định rõ hơn trách nhiệm lãnh đạo và xây dựng Đoàn thanh niên vững mạnh, gắn liền với công tác xây dựng Đảng. Các tổ chức đoàn thường xuyên trao đổi, học tập kinh nghiệm, xây dựng nhiều mô hình hay, tạo sự lan tỏa, nhiều tấm gương tiêu biểu được tuyên dương, khen thưởng, góp phần giáo dục, tạo niềm tin cho đoàn viên, thanh niên trong học tập và công tác.

**c. Phân tích điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội. Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa có phù hợp với điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội không? Vì sao?**

Chủ nghĩa xã hội được hiểu theo các góc độ sau đây:

- Là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức bất công các giai cấp thống trị.
- Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh tư tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công.
- Là một khoa học – CNXH khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.
- Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thành KT-XH cộng sản chủ nghĩa.

Bằng lý luận hình thái kinh tế - xã hội, C.Mác đã đi sâu phân tích, tìm ra qui luật vận động của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, từ đó cho phép ông dự báo khoa học về sự ra đời và tương lai của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. V.I Lênin cho rằng: C.Mác xuất phát từ chỗ là chủ nghĩa cộng sản hình thành từ chủ nghĩa tư bản, phát triển lên từ chủ nghĩa tư bản là kết quả tác động của một lực lượng xã hội do chủ nghĩa tư bản sinh ra - giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại. Về điều kiện kinh tế, Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã thừa nhận vai trò to lớn của chủ nghĩa tư bản khi khẳng định: sự ra đời của chủ nghĩa tư bản là một giai đoạn mới trong lịch sử phát triển mới của nhân loại. Nhờ những bước tiến to lớn của lực lượng sản xuất, biểu hiện tập trung nhất là sự ra đời của công nghiệp cơ khí (Cách mạng công nghiệp lần thứ 2), chủ nghĩa tư bản đã tạo ra bước phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất từ chỗ đóng vai trò mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, thì ngày càng trở nên lỗi thời, xiềng xích của lực lượng sản xuất. Về điều kiện chính trị - xã hội, mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân hiện đại với giai cấp tư sản lỗi thời. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản xuất hiện ngay từ đầu và ngày càng trở nên gay gắt và có tính chính trị rõ rệt. C. Mác và Ph. Angghen chỉ rõ: “Từ chỗ là những hình thức phát triển của các lực lượng sản xuất, những quan hệ sản xuất ấy trở thành những xiềng xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng”. Hơn nữa, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền đại công nghiệp cơ khí là sự trưởng thành vượt bậc cả về số lượng và chất lượng của giai cấp công nhân, con đẻ của nền đại công nghiệp. Chính sự phát triển về lực lượng sản xuất và sự trưởng thành của giai cấp công nhân là tiền đề kinh tế- xã hội dẫn tới sự sụp đổ không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản. Diễn đạt



tư tưởng đó, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, giai cấp tư sản không chỉ tạo vũ khí để giết mình mà còn tạo ra những người sử dụng vũ khí đó, những công nhân hiện đại, những người vô sản<sup>3</sup>. Sự trưởng thành vượt bậc và thực sự của giai cấp công nhân được đánh dấu bằng sự ra đời của Đảng cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân, trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản. Sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành thực sự của giai cấp công nhân là tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Tuy nhiên, do khác về bản chất với tất cả các hình thái kinh tế - xã hội trước đó, nên hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa không tự nhiên ra đời, trái lại, nó chỉ được hình thành thông qua cách mạng vô sản dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân - Đảng Cộng sản, thực hiện bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Cách mạng vô sản là cuộc cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, trên thực tế được thực hiện bằng con đường bạo lực cách mạng nhằm lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, thực hiện sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Tuy nhiên, cách mạng vô sản, về mặt lý thuyết cũng có thể được tiến hành bằng con đường hòa bình, nhưng vô cùng hiếm, quý và trên thực tế chưa xảy ra. Do tính sâu sắc và triệt để của nó, cách mạng vô sản chỉ có thể thành công, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa chỉ có thể được thiết lập và phát triển trên cơ sở của chính nó, một khi tính tích cực chính trị của giai cấp công nhân được khơi dậy và phát huy trong liên minh với các giai cấp và tầng lớp những người lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

**Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa có phù hợp với điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội không? Theo tôi thì là có, vì**

- Sau cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Việt Nam bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa và đến nay đã có bước phát triển vượt bậc về lực lượng sản xuất. Có nền kt phát triển dù không đi qua thời kỳ TBCN. Và đạt được không ít những thành tựu về kinh tế của Việt Nam hiện nay, từ chỗ thiếu ăn, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng nông sản, như cà phê, gạo, hạt điều, rau quả, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ... luôn duy trì ở mức cao. Các mặt hàng xuất khẩu khác cũng có bước tiến lớn. Đặc biệt, trong bối cảnh bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 khiến hoạt động thương mại và đầu tư thế giới suy giảm, thì tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2020 vẫn đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm 2019; xuất siêu 19,1 tỷ USD - cao nhất trong 5 năm liên tiếp xuất siêu kể từ năm 2016. Với kim

ngạch xuất nhập khẩu ấn tượng đã đưa Việt Nam xếp thứ 22 thế giới về quy mô kim ngạch và năng lực xuất khẩu, đứng thứ 26 về quy mô thương mại quốc tế. Ngoài ra, tại Việt Nam đã hình thành các vùng kinh tế trọng điểm để làm động lực cho phát triển kinh tế vùng, miền và cả nước; phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung nhằm thu hút vốn đầu tư phát triển, đồng thời hình thành các vùng chuyên môn hóa cây trồng, vật nuôi gắn với chế biến công nghiệp... Nhìn chung, các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đều có bước phát triển mạnh mẽ.

- Ngoài ra còn sự giúp đỡ từ các nước tiên bộ. Điển hình là những năm gần đây ngay từ những ngày đầu đại dịch COVID-19 bùng phát trên thế giới và xuất hiện trong nước, Việt Nam đã nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ quý báu của nhân dân, Chính phủ các nước và các tổ chức quốc tế về trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch. Những chuyến hàng tình nghĩa đó đã giúp nhân dân Việt Nam vượt qua nhiều làn sóng dịch, góp phần vào thành công của Việt Nam trong phòng chống COVID-19.

- Chính quyền được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản VN ra đời từ năm 1930, có kinh nghiệm dày dặn trong quá trình lãnh đạo đất nước.

- Và cuối cùng sự tin tưởng của nhân dân vào chế độ XHCN.

**d. Phân tích đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Chứng minh đặc trưng “Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới” bằng những thành tựu đối ngoại ở VN.**

Chủ nghĩa xã hội được hiểu theo bốn nghĩa:

- 1) Là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị;
- 2) Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công;
- 3) Là một khoa học - Chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân;
- 4) Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Những đặc trưng cơ bản của giai đoạn đầu, phản ánh bản chất và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội từng bước được bộc lộ đầy đủ cùng với quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Căn cứ vào những dự báo của C.Mác và Ph.Ăngghen và những quan điểm của V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội ở nước Nga xô - viết, có thể khái quát những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội như sau:

*Một là, chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện*

Đây là sự khác biệt về chất giữa hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa so với các hình thái kinh tế - xã hội ra đời trước, thể hiện ở bản chất nhân văn, nhân đạo, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Đương nhiên, để đạt được mục tiêu tổng quát đó, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, cách mạng xã hội chủ nghĩa phải tiến hành triệt để, trước hết là giải phóng giai cấp, xóa bỏ tình trạng giai cấp này bóc lột, áp bức giai cấp kia, và một khi tình trạng người áp bức, bóc lột người bị xóa bỏ thì tình trạng dân tộc này đi bóc lột dân tộc khác cũng bị xóa bỏ. V.I.Lênin cũng khẳng định mục đích cao cả của chủ nghĩa xã hội cần đạt đến là xóa bỏ sự phân chia xã hội thành giai cấp, biến tất cả thành viên trong xã hội thành người lao động, tiêu diệt cơ sở của mọi tình trạng người bóc lột người. V.I.Lênin còn chỉ rõ trong quá trình phấn đấu để đạt mục đích cao cả đó, giai cấp công nhân, chính Đảng Cộng sản phải hoàn thành nhiều nhiệm vụ của các giai đoạn khác nhau, trong đó có mục đích, nhiệm vụ cụ thể của thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội - tạo ra các điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật và đời sống tinh thần để thiết lập xã hội cộng sản.

*Hai là, chủ nghĩa xã hội là xã hội do nhân dân lao động làm chủ*

Đây là đặc trưng thể hiện thuộc tính bản chất của chủ nghĩa xã hội, xã hội vì con người và do con người; nhân dân mà nòng cốt là nhân dân lao động là chủ thể của xã hội thực hiện quyền làm chủ ngày càng rộng rãi và đầy đủ trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Chủ nghĩa xã hội là một chế độ chính trị dân chủ, nhà nước xã hội chủ nghĩa với hệ thống pháp luật và hệ thống tổ chức ngày càng ngày càng hoàn thiện sẽ quản lý xã hội ngày càng hiệu quả. V.I.Lênin, từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xô viết đã coi chính quyền Xô viết là một kiểu Nhà nước chuyên chính vô sản, một chế độ dân chủ ưu việt gấp triệu lần so với chế độ dân chủ tư sản.

*Ba là, chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu*

Đây là đặc trưng về phương diện kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, mà xét đến cùng là trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất. Chủ nghĩa xã hội là xã hội có nền kinh tế phát triển cao, với lực lượng sản xuất hiện đại, quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, được tổ chức quản lý có hiệu quả, năng suất lao động cao và phân phối chủ yếu theo lao động. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội, theo Ph.Ăngghen không thể ngay lập tức thủ tiêu chế độ tư hữu. Cùng với việc từng bước xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, để nâng cao năng suất lao động cần phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn, tổ chức chặt chẽ và kỷ luật lao động nghiêm, nghĩa là phải tạo ra quan hệ sản xuất tiến bộ, thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. V.I.Lênin chỉ rõ, những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội cần thiết phải học hỏi kinh nghiệm từ các nước phát triển theo cách thức: “Dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: Chính quyền xô-viết + trật tự ở đường sắt Phổ + kỹ thuật và cách tổ chức các tơ-rót ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ etc. etc. ++ =  $\Sigma$  (tổng số) = chủ nghĩa xã hội”

*Bốn là, chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động*

Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã khẳng định trong chủ nghĩa xã hội phải thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, nhà nước kiểu mới mang bản chất của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động. Theo V.I.Lênin, chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản là một chính quyền do giai cấp vô sản giành được và duy trì bằng bạo lực đối với giai cấp tư sản. Chính quyền đó chính là nhà nước kiểu mới thực hiện dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân và trấn áp bằng vũ lực bọn bóc lột, bọn áp bức nhân dân, thực chất của sự biến đổi của chế độ dân chủ trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa

cộng sản. Nhà nước chuyên chính vô sản đồng thời với việc mở rộng rất nhiều chế độ dân chủ - lần đầu tiên biến thành chế độ dân chủ cho người nghèo, chế độ dân chủ cho nhân dân chứ không phải cho bọn nhà giàu - chuyên chính vô sản còn thực hành một loạt biện pháp hạn chế quyền tự do đối với bọn áp bức, bọn bóc lột, bọn tư bản.

*Năm là, chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn nhân loại*

Tính ưu việt, sự ổn định và phát triển của chế độ xã hội chủ nghĩa không chỉ thể hiện ở lĩnh vực kinh tế, chính trị mà còn ở lĩnh vực văn hóa - tinh thần của xã hội. Trong chủ nghĩa xã hội, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mục tiêu, động lực của phát triển xã hội, trọng tâm là phát triển kinh tế; văn hóa đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh con người, biến con người thành con người chân, thiện mỹ. V.I.Lênin, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga xô - viết đã luận giải sâu sắc về “văn hóa vô sản” - nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, rằng, chỉ có xây dựng được nền văn hóa vô sản mới giải quyết được mọi vấn đề từ kinh tế, chính trị đến xã hội, con người. Đồng thời, V. I. Lênin cũng cho rằng, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, những người cộng sản sẽ làm giàu tri thức của mình bằng tổng hợp các tri thức, văn hóa mà loài người đã tạo ra. Do vậy, quá trình xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa phải biết kế thừa những giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn nhân loại, đồng thời, cần chống tư tưởng, văn hóa phi vô sản, trái với những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

*Thứ sáu, chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới*

Vấn đề giai cấp và dân tộc, xây dựng một cộng đồng dân tộc, giai cấp bình đẳng, đoàn kết, hợp tác, hữu nghị với nhân dân các nước trên thế giới luôn có vị trí đặc biệt quan trọng trong hoạch định và thực thi chiến lược phát triển của mỗi dân tộc và mỗi quốc gia. Giải quyết vấn đề dân tộc theo Cương lĩnh của V.I.Lênin, trong chủ nghĩa xã hội, cộng đồng dân tộc, giai cấp bình đẳng, đoàn kết và hợp tác trên cơ sở chính trị - pháp lý, đặc biệt là cơ sở kinh tế- xã hội và văn hóa sẽ từng bước xây dựng củng cố và phát triển. Đây là sự khác biệt căn bản về việc giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin và quan điểm của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, hẹp hòi hoặc chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Tất nhiên, để xây dựng cộng đồng bình đẳng, đoàn kết và có quan hệ hợp tác, hữu nghị với nhân dân tất cả các nước trên thế giới, điều kiện chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản, theo V.I.Lênin cần thiết phải có sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản và toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên toàn thế giới. Bảo

đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hợp tác, hữu nghị với nhân dân tất cả các nước trên thế giới, chủ nghĩa xã hội mở rộng được ảnh hưởng và góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

**Chứng minh đặc trưng “*Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới*” bằng những thành tựu đối ngoại ở VN:**

+ Củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước: Thiết lập quan hệ ngoại giao với 189/193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc (30 nước có quan hệ Đối tác chiến lược, Đối tác toàn diện); Thiết lập quan hệ với 247 chính đảng ở 111 quốc gia; Có quan hệ với quốc hội, nghị viện của >140 nước...

+ Hội nhập kinh tế quốc tế có nhiều đột phá: >220 đối tác thương mại; 71 nước công nhận quy chế kinh tế thị trường; Tham gia và có quan hệ tốt đẹp với WTO, WB, IMF, APEC; Tham gia 15 FTA “thế hệ mới” như: CPTPP, EVFTA, RCEP.

+ Vị thế quốc tế của đất nước không ngừng được nâng cao: Thành viên của >70 tổ chức, diễn đàn đa phương; 2 lần làm chủ tịch ASEAN (2010,2020); 2 lần trúng cử ủy viên không thường trực HĐBA Liên hợp quốc(nhiệm kì 2008-2009 và 2020-2021), 2 lần là nước chủ nhà APEC(2006,2017).

+ Chăm lo cho cộng đồng, phát huy mạnh mẽ nguồn lực của kiều bào: 5 năm qua, chúng ta đã triển khai công tác bảo hộ >50.000 công dân; >600 vụ việc/1.000 tàu/10.000 ngư dân; ≈800 chuyến bay đưa >200.000 công dân về nước an toàn trong đại dịch COVID-19

+ Công tác ngoại giao y tế/ngoại giao vaccine kịp thời, hiệu quả: Nhận được >151 triệu liều vaccine và nhiều trang bị thiết bị y tế; Viện trợ vật tư y tế và tài chính cho >50 quốc gia, tổ chức quốc tế.

**e. Phân tích những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sinh viên VN cần phải làm gì để góp phần xây dựng CNXH ở VN hiện nay**

Chủ nghĩa xã hội được hiểu theo bốn nghĩa:

- 1) Là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị;
- 2) Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công;
- 3) Là một khoa học - Chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân;
- 4) Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, tổng kết thực tiễn quá trình cách mạng Việt Nam, nhất là qua hơn 30 năm đổi mới, nhận thức của Đảng và nhân dân ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng rõ. Đại hội IV (1976), nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường phát triển của cách mạng nước ta mới dừng ở mức độ định hướng: Trên cơ sở phương hướng đúng, hãy hành động thực tế cho câu trả lời. Đến Đại hội VII, nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã sáng tỏ hơn, không chỉ dừng ở nhận thức định hướng, định tính mà từng bước đạt tới trình độ định hình, định lượng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991), đã xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta với sáu đặc trưng. Đến Đại hội XI, trên cơ sở tổng kết 25 năm đổi mới, nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã có bước phát triển mới. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã phát triển mô hình chủ nghĩa xã hội .

Việt Nam với tám đặc trưng, trong đó có đặc trưng về mục tiêu, bản chất, nội dung của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, đó là:

*Một là:* Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*Hai là:* Do nhân dân làm chủ.

*Ba là:* Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.

*Bốn là:* Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

*Năm là:* Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

*Sáu là:* Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

*Bảy là:* Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

*Tám là:* Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

Là một sinh viên của Đại học CN TP HCM thì chúng ta phải có trách nhiệm đối với xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Chúng ta đc xem như là một lực lượng vũ trang vì vậy ta nên tham gia các phong trào ví dụ như “Thanh niên quân đội rèn đức, luyện tài, xung kích, sáng tạo, quyết thắng”, “Tuổi trẻ lực lượng vũ trang chung sức xây dựng nông thôn mới”. Triển khai và thực hiện hiệu quả các mô hình: “Chi đoàn kỷ luật nghiêm”, “Nuôi heo đất”, “Tiết kiệm điện”, “Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp”, “Khu vực học tập, tiếp cận thông tin”, “Hũ gạo tiết kiệm”; cuộc vận động “Người con hiếu thảo, nghĩa tình đồng đội” và chương trình “Ngôi nhà 100 đồng”... tham gia sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tham dự giải thưởng “Tuổi trẻ sáng tạo” do cấp trên tổ chức đạt kết quả tốt. Để đáp ứng với thời kỳ mới, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong thời gian tới, chúng ta cần tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Chấp hành Trung ương “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030”; Chỉ thị số 01-CT/TW ĐTN của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn về việc “Tăng cường rèn luyện tác phong, thực hiện nề nếp công tác của cán bộ đoàn trong các cấp bộ Đoàn”. Đổi mới hình thức, phương pháp học tập lý luận chính trị để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đoàn viên, thanh niên. Chú trọng giáo dục truyền thống, ý thức tự lực, tự cường, phát huy vai trò tích cực của thanh niên quan tâm đến các sự kiện chính trị của đất nước, địa phương, tiếp thu và chọn lọc cái hay, cái đẹp; đấu tranh bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, văn hóa độc hại, xứng đáng với lời dạy của Bác: “Lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người, cuộc sống mới”. Để phát huy tốt vai trò của thanh niên lực lượng vũ trang trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, trong chương trình



công tác của mỗi cấp ủy đảng luôn xác định rõ hơn trách nhiệm lãnh đạo và xây dựng Đoàn thanh niên vững mạnh, gắn liền với công tác xây dựng Đảng. Các tổ chức đoàn thường xuyên trao đổi, học tập kinh nghiệm, xây dựng nhiều mô hình hay, tạo sự lan tỏa, nhiều tấm gương tiêu biểu được tuyên dương, khen thưởng, góp phần giáo dục, tạo niềm tin cho đoàn viên, thanh niên trong học tập và công tác.

## **Bài: DÂN CHỦ XHCN VÀ NHÀ NƯỚC XHCN**

### **a. Phân tích bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Những hành tựu Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã đạt được trong quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa?**

Dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được phôi thai từ thực tiễn đấu tranh giai cấp ở Pháp và Công xã Pari năm 1871, tuy nhiên, chỉ đến khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công với sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới (1917), nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mới chính thức được xác lập. Sự ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đánh dấu bước phát triển mới về chất của dân chủ. Quá trình phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bắt đầu từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện. Trong đó, có sự kế thừa những giá trị của nền dân chủ trước đó, đồng thời bổ sung và làm sâu sắc thêm những giá trị của nền dân chủ mới. Như vậy, **Dân chủ xã hội chủ nghĩa** là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Với tư cách là đỉnh cao trong toàn bộ lịch sử tiến hóa của dân chủ, dân chủ xã hội chủ nghĩa có bản chất cơ bản sau:

*Bản chất chính trị:* Dưới sự lãnh đạo duy nhất của một đảng của giai cấp công nhân (đảng Mác - Lênin) mà trên mọi lĩnh vực xã hội đều thực hiện quyền lực của nhân dân, thể hiện qua các quyền dân chủ, làm chủ, quyền con người, thỏa mãn ngày càng cao hơn các nhu cầu và các lợi ích của nhân dân: Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ: Bản chất chính trị của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân thông qua đảng của nó đối với toàn xã hội, nhưng không phải chỉ để thực hiện quyền lực và lợi ích riêng cho giai cấp công nhân, mà chủ yếu là để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân, trong đó có giai cấp công nhân. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa do đảng Cộng sản lãnh đạo - yếu tố quan trọng để đảm bảo quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, bởi vì, đảng Cộng sản đại biểu cho trí tuệ, lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Với nghĩa này, dân chủ xã hội chủ nghĩa mang tính nhất nguyên về chính trị. Sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đảng Cộng sản đối với toàn xã hội về mọi mặt V.I.Lênin gọi là sự thống trị chính trị. Bàn về quyền làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực chính trị, Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ: Trong chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa thì bao nhiêu quyền lực đều là của dân, bao nhiêu sức mạnh đều ở nơi dân, bao nhiêu lợi ích đều là vì dân... Quyền được tham gia rộng rãi vào công việc quản lý nhà nước chính là nội dung dân chủ trên lĩnh vực chính trị. Xét về bản chất chính trị, dân chủ xã hội

chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc. Do vậy, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa khác về chất so với nền dân chủ tư sản ở bản chất giai cấp (giai cấp công nhân và giai cấp tư sản); ở cơ chế nhất nguyên và cơ chế đa nguyên; một đảng hay nhiều đảng; ở bản chất nhà nước (nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền tư sản).

*Bản chất kinh tế:* Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ sở hữu xã hội về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động. Bản chất kinh tế đó chỉ được bộc lộ đầy đủ qua một quá trình ổn định chính trị, phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của toàn xã hội, dưới sự lãnh đạo của đảng Mác - Lênin và quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trước hết đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân về các tư liệu sản xuất chủ yếu; quyền làm chủ trong quá trình sản xuất kinh doanh, quản lý và phân phối, phải coi lợi ích kinh tế của người lao động là động lực cơ bản nhất có sức thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Bản chất kinh tế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dù khác về bản chất kinh tế của các chế độ tư hữu, áp bức, bóc lột, bất công, nhưng cũng như toàn bộ nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nó không hình thành từ “hư vô” theo mong muốn của bất kỳ ai. Kinh tế xã hội chủ nghĩa cũng là sự kế thừa và phát triển mọi thành tựu nhân loại đã tạo ra trong lịch sử, đồng thời loại bỏ những nhân tố lạc hậu, tiêu cực, kìm hãm... của các chế độ kinh tế trước đó, nhất là bản chất tư hữu, áp bức, bóc lột, bất công... đối với đa số nhân dân. Khác với nền dân chủ tư sản, bản chất kinh tế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là thực hiện *chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu và thực hiện chế độ phân phối lợi ích theo kết quả lao động là chủ yếu*.

*Bản chất tư tưởng - văn hóa - xã hội:* Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy hệ tư tưởng Mác - Lênin - hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, làm chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới. Đồng thời nó kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc; tiếp thu những giá trị tư tưởng - văn hóa, văn minh, tiến bộ xã hội... mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia, dân tộc... Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân được làm chủ những giá trị văn hoá tinh thần; được nâng cao trình độ văn hoá, có điều kiện để phát triển cá nhân. Dưới góc độ này dân chủ là một thành tựu văn hoá, một quá trình sáng tạo văn hoá, thể hiện khát vọng tự do được sáng tạo và phát triển của con người. Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có sự kết hợp hài hòa *về lợi ích giữa cá nhân, tập thể và lợi ích của toàn xã hội*. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ra sức động viên, thu hút mọi tiềm năng sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

Với những bản chất nêu trên, dân chủ xã hội chủ nghĩa trước hết và chủ yếu được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, là kết quả hoạt động tự giác của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, *dân chủ xã hội chủ nghĩa chỉ có được với điều kiện tiên quyết là bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản*. Với những ý nghĩa như vậy, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhất nguyên về chính trị, bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản không loại trừ nhau mà ngược lại, chính sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện cho dân chủ xã hội chủ nghĩa ra đời, tồn tại và phát triển.

**Những thành tựu Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã đạt được trong quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa:**

+ Nhà nước khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, thu hút vốn đầu tư nước ngoài: Nguồn lực bên ngoài bao gồm: vốn, kỹ thuật - công nghệ, kinh nghiệm quản lý, chất xám, tinh hoa văn hóa nhân loại. Với việc mở rộng nhiều hình thức, có bước đi, biện pháp và chính sách ưu đãi thích hợp, sẽ khuyến khích mạnh mẽ việc hợp tác về kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ. Đặc biệt là thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.

+ Người dân được cầm lá phiếu bầu cử cho những đại biểu mình tin tưởng trong các kỳ bầu cử.

+ Người dân ngày càng tham gia tích cực hơn vào quá trình quản lý và xây dựng đất nước.

+ Đến nay, quy mô nền kinh tế Việt Nam đạt 343 tỉ USD, trong top 40 nền kinh tế lớn của thế giới và đứng thứ 4 trong ASEAN

+ GDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 3.500 USD; nằm trong top 10 quốc gia tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới và là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới.

**b. Phân tích bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Sv cần phải làm gì để góp phần xây dựng thành công nhà nước XHCN VN trong thời đại hiện nay?**

Nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Tuy nhiên, tùy vào đặc điểm và điều kiện của mỗi quốc gia, sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng như việc tổ chức chính quyền sau cách mạng có những đặc điểm, hình thức và phương pháp phù hợp. Song, điểm chung giữa các nhà nước xã hội chủ nghĩa là ở chỗ, đó là tổ chức thực hiện quyền lực của nhân dân, là cơ quan đại diện cho ý chí của nhân dân, thực hiện việc tổ chức quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội của nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Như vậy, **Nhà nước xã hội chủ nghĩa** là nhà nước mà ở đó, sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao – xã hội xã hội chủ nghĩa.

So với các kiểu nhà nước khác trong lịch sử, nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước mới, có bản chất khác với bản chất của các kiểu nhà nước bóc lột trong lịch sử. Tính ưu việt về mặt bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa được thể hiện trên các phương diện:

*Về chính trị*, nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp công nhân, giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích chung của quần chúng nhân dân lao động. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, giai cấp vô sản là lực lượng giữ địa vị thống trị về chính trị. Tuy nhiên, sự thống trị của giai cấp vô sản có sự khác biệt về chất so với sự thống trị của các giai cấp bóc lột trước đây. Sự thống trị của giai cấp bóc lột là sự thống trị của thiểu số đối với tất cả các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động trong xã hội nhằm bảo vệ và duy trì địa vị của mình. Còn sự thống trị về chính trị của giai cấp vô sản là sự thống trị của đa số đối với thiểu số giai cấp bóc lột nhằm giải phóng giai cấp mình và giải phóng tất cả các tầng lớp nhân dân lao động khác trong xã hội. Do đó, nhà nước xã hội chủ nghĩa là đại biểu cho ý chí chung của nhân dân lao động.

*Về kinh tế*, bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa chịu sự quy định của cơ sở kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa, đó là chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất chủ yếu. Do đó, không còn tồn tại quan hệ sản xuất bóc lột. Nếu như tất cả các nhà nước bóc lột khác trong lịch sử đều là nhà nước theo đúng nghĩa của nó, nghĩa là bộ máy của thiểu số những kẻ bóc lột đè trấn áp đa số nhân dân lao động bị áp bức, bóc lột, thì nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là một bộ máy chính trị - hành chính, một cơ quan cưỡng chế, vừa là một tổ chức quản lý kinh tế - xã hội của nhân dân lao động,

nó không còn là nhà nước theo đúng nghĩa, mà chỉ là “nửa nhà nước”. Việc chăm lo cho lợi ích của đại đa số nhân dân lao động trở thành mục tiêu hàng đầu của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Về văn hóa, xã hội, nhà nước xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và những giá trị văn hóa tiên tiến, tiến bộ của nhân loại, đồng thời mang những bản sắc riêng của dân tộc. Sự phân hóa giữa các giai cấp, tầng lớp từng bước được thu hẹp, các giai cấp, tầng lớp bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội để phát triển.

**Sv cần phải làm để góp phần xây dựng thành công nhà nước XHCN VN trong thời đại hiện nay:**

+ Sống có trách nhiệm với Tổ quốc, gia đình và bản thân; có ước mơ, hoài bão; có kiến thức, kỹ năng, sức khỏe tốt, tư duy năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm.

+ Ra sức học tập, rèn luyện và lao động sản xuất, góp phần không nhỏ vào sự ổn định của đất nước, của chế độ và cùng làm nên những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế – xã hội và văn hóa của đất nước.

+ Sinh viên cần nhận thức rằng không ai khác, chính mình là những chủ nhân tương lai của đất nước, đất nước đang trông chờ rất nhiều ở việc học tập và rèn luyện của sinh viên.

+ Sinh viên cần tự giác học tập, nghiên cứu, tìm hiểu và chấp hành nghiêm pháp luật nhà nước, nhất là pháp luật về tư tưởng chính trị; không tham gia các hoạt động tệ nạn xã hội (cờ bạc, nghiện ma túy, nghiện rượu, đua xe trái phép).

+ Chấp hành nghiêm những quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nội quy, kỷ luật của nhà trường.

+ Sinh viên nên tích cực tham gia các phong trào của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, phong trào bảo vệ an ninh trật tự trong trường học và nơi cư trú.

**c. Anh (chị) hãy phân tích mối quan hệ biện chứng giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa. Theo anh (chị) hiểu rõ và thực hiện đúng quy định của pháp luật có ý nghĩa như thế nào trong thực hiện quyền dân chủ của bản thân?**

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước mà ở đó, sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao – xã hội xã hội chủ nghĩa.

#### **Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa:**

Một là: Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Chỉ trong xã hội dân chủ xã hội chủ nghĩa, người dân mới có đầy đủ các điều kiện cho việc thực hiện ý chí của mình thông qua việc lựa chọn một cách công bằng, bình đẳng những người đại diện cho quyền lợi chính đáng của mình vào bộ máy nhà nước, tham gia một cách trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động quản lý của nhà nước, khai thác và phát huy một cách tốt nhất sức mạnh trí tuệ của nhân dân cho hoạt động của nhà nước. Với những tính ưu việt của mình, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa sẽ kiểm soát một cách có hiệu quả quyền lực của nhà nước, ngăn chặn được sự tha hóa của quyền lực nhà nước, có thể dễ dàng đưa ra khỏi cơ quan nhà nước những người thực thi công vụ không còn đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu hướng đến lợi ích của người dân. Ngược lại, nếu các nguyên tắc của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bị vi phạm, thì việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng sẽ không thực hiện được. Khi đó, quyền lực của nhân dân sẽ bị biến thành quyền lực của một nhóm người, phục vụ cho lợi ích của một nhóm người.

Hai là: Ra đời trên cơ sở nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân. Bằng việc thể chế hóa ý chí của nhân dân thành các hành lang pháp lý, phân định một cách rõ ràng quyền và trách nhiệm của mỗi công dân, là cơ sở để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình, đồng thời là công cụ bạo lực để ngăn chặn có hiệu quả các

hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của người dân, bảo vệ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa nằm trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là phương thức thể hiện và thực hiện dân chủ. Theo V.I.Lênin, con đường vận động và phát triển của nhà nước xã hội chủ nghĩa là ngày càng hoàn thiện các hình thức đại diện nhân dân thực hiện và mở rộng dân chủ, nhằm lôi cuốn ngày càng đông đảo nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Thông qua hoạt động quản lý của nhà nước, các nguồn lực xã hội được tập hợp, tổ chức và phát huy hướng đến lợi ích của nhân dân. Ngược lại, nếu nhà nước xã hội chủ nghĩa đánh mất bản chất của mình sẽ tác động tiêu cực đến nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, sẽ dễ dẫn tới việc xâm phạm quyền làm chủ của người dân, dẫn tới chuyên chế, độc tài, thủ tiêu nền dân chủ hoặc dân chủ chỉ còn là hình thức.

Trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, nhà nước là thiết chế có chức năng trực tiếp nhất trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện những yêu cầu dân chủ chân chính của nhân dân. Nó cũng là công cụ sắc bén nhất trong cuộc đấu tranh với mọi mưu đồ đi ngược lại lợi ích của nhân dân; là thiết chế tổ chức có hiệu quả việc xây dựng xã hội mới; là công cụ hữu hiệu để vai trò lãnh đạo Đảng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội được thực hiện... Chính vì vậy trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa Đảng ta xem Nhà nước là “trụ cột”, “một công cụ chủ yếu, vững mạnh” của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Việc hiểu rõ và thực hiện đúng quy định của pháp luật có ý nghĩa rất lớn trong thực hiện quyền dân chủ của bản thân. Qua các quy định của pháp luật, sinh viên có thể hiểu rõ được quyền và nghĩa vụ của bản thân mình trong xã hội. Biết được giới hạn quyền lực của bản thân ở đâu, sinh viên biết mình nên làm gì, cần làm gì, không nên làm gì và không được làm gì. Các quy định pháp luật còn giúp chúng ta nhận thức, tỉnh táo trước những âm mưu kích động quần chúng nhân dân chống phá đất nước dưới con bài dân chủ, qua các âm mưu, chiến lược hòa bình. Từ đó nhận thức, lên án, bài trừ phòng chống những hành vi vi phạm dân chủ và xuyên tạc dân chủ. Góp phần bảo vệ đất nước, bảo vệ an ninh trật tự xã hội, giữ vững hòa bình cho dân tộc.



**d. Phân tích bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Những thành tựu ĐCSVN đã đạt được trong quá trình xây dựng nền dân chủ XHCN ở VN.**

Chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta được xác lập sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đến năm 1976, tên nước được đổi thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhưng trong các Văn kiện Đảng hầu như chưa sử dụng cụm từ "dân chủ XHCN" mà thường nêu quan điểm "xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa" gắn với "nắm vững chuyên chính vô sản". Bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cũng chưa được xác định rõ ràng. Việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là thực hiện dân chủ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam như thế nào cho phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa, đạo đức của xã hội Việt Nam, gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật, kỷ cương cũng chưa được đặt ra một cách cụ thể, thiết thực. Nhiều lĩnh vực liên quan mật thiết đến dân chủ xã hội chủ nghĩa như dân sinh, dân trí, dân quyền... chưa được đặt đúng vị trí và giải quyết đúng để thúc đẩy việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước đã nhấn mạnh phát huy dân chủ để tạo ra một động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước. Đại hội khẳng định “trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”; Bài học “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” bao giờ cũng quan trọng. Thực tiễn cách mạng chứng minh rằng: ở đâu, nhân dân lao động có ý thức làm chủ và được làm chủ thật sự, thì ở đấy xuất hiện phong trào cách mạng”.

Hơn 30 năm đổi mới, nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa, vị trí, vai trò của dân chủ ở nước ta đã có nhiều điểm mới. Qua mỗi kỳ đại hội của Đảng thời kỳ đổi mới, dân chủ ngày càng được nhận thức, phát triển và hoàn thiện đúng đắn, phù hợp hơn với điều kiện cụ thể của nước ta.

Trước hết, Đảng ta khẳng định một trong những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam là do nhân dân làm chủ. Dân chủ đã được đưa vào mục tiêu tổng quát của cách mạng Việt Nam: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đồng thời khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm...”

Cũng như bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa nói chung, ở Việt Nam, bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa là dựa vào Nhà nước xã hội chủ nghĩa và sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân. Đây là nền dân chủ mà con người là thành viên trong xã hội với tư cách công dân, tư cách của người làm chủ. Quyền làm chủ của nhân dân là tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân, dân là gốc, là chủ, dân làm chủ. Điều này đã được Hồ Chí Minh khẳng định:

“Nước ta là nước dân chủ.

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều là của dân.

Công cuộc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở dân”.

Kế thừa tư tưởng dân chủ trong lịch sử và trực tiếp là tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh, từ khi ra đời cho đến nay, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Đảng luôn xác định xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển xã hội, là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Dân chủ gắn liền với kỷ cương và phải thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm... Nội dung này được hiểu là:

Dân chủ là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh).

Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa (do nhân dân làm chủ, quyền lực thuộc về nhân dân).

Dân chủ là động lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội (phát huy sức mạnh của nhân dân, của toàn dân tộc).

Dân chủ gắn với pháp luật (phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương).

Dân chủ phải được thực hiện trong đời sống thực tiễn ở tất cả các cấp, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội về lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt nam được thực hiện thông qua các hình thức dân chủ gián tiếp và dân chủ trực tiếp.

Hình thức dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân “ủy quyền”, giao quyền lực của mình cho tổ chức mà nhân dân trực tiếp bầu ra. Những con người và tổ chức ấy đại diện cho nhân dân, thực hiện quyền làm chủ cho nhân dân. Nhân dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất hoạt động theo nhiệm kỳ 5 năm. Quyền lực nhà nước ta là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Hình thức dân chủ trực tiếp là hình thức thông qua đó, nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội. Hình thức đó thể hiện ở các quyền được thông tin về hoạt động của nhà nước, được bàn bạc về công việc của nhà nước và cộng đồng dân cư; được bàn đến những quyết định về dân chủ cơ sở, nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước từ Trung ương cho đến cơ sở. Dân chủ ngày càng được thể hiện trong tất cả các mối quan hệ xã hội, trở thành quy chế, cách thức làm việc của mọi tổ chức trong xã hội.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, một yêu cầu tất yếu là không ngừng củng cố, hoàn thiện những điều kiện đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Thực tiễn xây dựng đất nước cho thấy dân chủ xã hội chủ nghĩa được thể hiện ở việc bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo hướng ngày càng mở rộng và hoạt động có hiệu quả. Ý thức làm chủ của nhân dân, trách nhiệm công dân của người dân trong xã hội ngày càng được đề cao trong pháp luật và cuộc sống. Mọi công dân đều có quyền tham gia quản lý xã hội bằng nhiều cách khác nhau, tùy theo trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Dân chủ công dân gắn liền với kỷ cương của đất nước, được thể chế hóa bằng luật của nhà nước pháp quyền, trong các nguyên tắc hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Các quy chế dân chủ từ cơ sở cho đến Trung ương và trong các tổ chức chính trị - xã hội đều thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đảng ta khẳng định: “Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân”.

Bên cạnh đó, việc xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam diễn ra trong điều kiện xuất phát từ một nền kinh tế kém phát triển, lại chịu hậu quả chiến tranh tàn phá nặng nề. Cùng với đó là những tiêu cực trong đời sống xã hội chưa được khắc phục triệt để... làm ảnh hưởng đến bản chất tốt đẹp của chế độ dân chủ nước ta, làm suy giảm động lực phát triển của đất nước. Mặt khác, âm mưu “diễn biến hòa

bình”, gây bạo loạn, lật đổ, sử dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” của các thế lực thù địch, vấn đề tự diễn biến, tự chuyển hóa nảy sinh và diễn biến hết sức phức tạp đang là trở ngại đối với quá trình thực hiện dân chủ ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Thực tiễn cho thấy, bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam càng ngày càng thể hiện giá trị lấy dân làm gốc. Kể từ khi khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa cho đến nay, nhân dân thực sự trở thành người làm chủ, tự xây dựng, tổ chức quản lý xã hội. Đây là chế độ bảo đảm quyền làm chủ trong đời sống của nhân dân từ chính trị, kinh tế cho đến văn hóa, xã hội; đồng thời phát huy tính tích cực, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

**Những thành tựu Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã đạt được trong quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa:**

+ Nhà nước khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, thu hút vốn đầu tư nước ngoài: Nguồn lực bên ngoài bao gồm: vốn, kỹ thuật - công nghệ, kinh nghiệm quản lý, chất xám, tinh hoa văn hóa nhân loại. Với việc mở rộng nhiều hình thức, có bước đi, biện pháp và chính sách ưu đãi thích hợp, sẽ khuyến khích mạnh mẽ việc hợp tác về kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ. Đặc biệt là thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.

+ Người dân được cầm lá phiếu bầu cử cho những đại biểu mình tin tưởng trong các kỳ bầu cử.

+ Người dân ngày càng tham gia tích cực hơn vào quá trình quản lý và xây dựng đất nước.

+ Đến nay, quy mô nền kinh tế Việt Nam đạt 343 tỉ USD, trong top 40 nền kinh tế lớn của thế giới và đứng thứ 4 trong ASEAN

+ GDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 3.500 USD; nằm trong top 10 quốc gia tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới và là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới.

**e. Phân tích bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Vai trò của bản thân sinh viên trong việc phát huy dân chủ XHCN ở VN**

Chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta được xác lập sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đến năm 1976, tên nước được đổi thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhưng trong các Văn kiện Đảng hầu như chưa sử dụng cụm từ "dân chủ XHCN" mà thường nêu quan điểm "xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa" gắn với "nắm vững chuyên chính vô sản". Bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cũng chưa được xác định rõ ràng. Việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là thực hiện dân chủ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam như thế nào cho phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa, đạo đức của xã hội Việt Nam, gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật, kỷ cương cũng chưa được đặt ra một cách cụ thể, thiết thực. Nhiều lĩnh vực liên quan mật thiết đến dân chủ xã hội chủ nghĩa như dân sinh, dân trí, dân quyền... chưa được đặt đúng vị trí và giải quyết đúng để thúc đẩy việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước đã nhấn mạnh phát huy dân chủ để tạo ra một động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước. Đại hội khẳng định “trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”; Bài học “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” bao giờ cũng quan trọng. Thực tiễn cách mạng chứng minh rằng: ở đâu, nhân dân lao động có ý thức làm chủ và được làm chủ thật sự, thì ở đấy xuất hiện phong trào cách mạng”.

Hơn 30 năm đổi mới, nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa, vị trí, vai trò của dân chủ ở nước ta đã có nhiều điểm mới. Qua mỗi kỳ đại hội của Đảng thời kỳ đổi mới, dân chủ ngày càng được nhận thức, phát triển và hoàn thiện đúng đắn, phù hợp hơn với điều kiện cụ thể của nước ta.

Trước hết, Đảng ta khẳng định một trong những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam là do nhân dân làm chủ. Dân chủ đã được đưa vào mục tiêu tổng quát của cách mạng Việt Nam: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đồng thời khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm...”

Cũng như bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa nói chung, ở Việt Nam, bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa là dựa vào Nhà nước xã hội chủ nghĩa và sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân. Đây là nền dân chủ mà con người là thành viên trong xã hội với tư cách công dân, tư cách của người làm chủ. Quyền làm chủ của nhân dân là tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân, dân là gốc, là chủ, dân làm chủ. Điều này đã được Hồ Chí Minh khẳng định:

“Nước ta là nước dân chủ.

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều là của dân.

Công cuộc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở dân”.

Kế thừa tư tưởng dân chủ trong lịch sử và trực tiếp là tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh, từ khi ra đời cho đến nay, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Đảng luôn xác định xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển xã hội, là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Dân chủ gắn liền với kỷ cương và phải thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm... Nội dung này được hiểu là:

Dân chủ là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh).

Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa (do nhân dân làm chủ, quyền lực thuộc về nhân dân).

Dân chủ là động lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội (phát huy sức mạnh của nhân dân, của toàn dân tộc).

Dân chủ gắn với pháp luật (phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương).

Dân chủ phải được thực hiện trong đời sống thực tiễn ở tất cả các cấp, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội về lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt nam được thực hiện thông qua các hình thức dân chủ gián tiếp và dân chủ trực tiếp.

Hình thức dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân “ủy quyền”, giao quyền lực của mình cho tổ chức mà nhân dân trực tiếp bầu ra. Những con người và tổ chức ấy đại diện cho nhân dân, thực hiện quyền làm chủ cho nhân dân. Nhân dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất hoạt động theo nhiệm kỳ 5 năm. Quyền lực nhà nước ta là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Hình thức dân chủ trực tiếp là hình thức thông qua đó, nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội. Hình thức đó thể hiện ở các quyền được thông tin về hoạt động của nhà nước, được bàn bạc về công việc của nhà nước và cộng đồng dân cư; được bàn đến những quyết định về dân chủ cơ sở, nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước từ Trung ương cho đến cơ sở. Dân chủ ngày càng được thể hiện trong tất cả các mối quan hệ xã hội, trở thành quy chế, cách thức làm việc của mọi tổ chức trong xã hội.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, một yêu cầu tất yếu là không ngừng củng cố, hoàn thiện những điều kiện đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Thực tiễn xây dựng đất nước cho thấy dân chủ xã hội chủ nghĩa được thể hiện ở việc bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo hướng ngày càng mở rộng và hoạt động có hiệu quả. Ý thức làm chủ của nhân dân, trách nhiệm công dân của người dân trong xã hội ngày càng được đề cao trong pháp luật và cuộc sống. Mọi công dân đều có quyền tham gia quản lý xã hội bằng nhiều cách khác nhau, tùy theo trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Dân chủ công dân gắn liền với kỷ cương của đất nước, được thể chế hóa bằng luật của nhà nước pháp quyền, trong các nguyên tắc hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Các quy chế dân chủ từ cơ sở cho đến Trung ương và trong các tổ chức chính trị - xã hội đều thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đảng ta khẳng định: “Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân”.

Bên cạnh đó, việc xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam diễn ra trong điều kiện xuất phát từ một nền kinh tế kém phát triển, lại chịu hậu quả chiến tranh tàn phá nặng nề. Cùng với đó là những tiêu cực trong đời sống xã hội chưa được khắc phục triệt để... làm ảnh hưởng đến bản chất tốt đẹp của chế độ dân chủ nước ta, làm suy giảm động lực phát triển của đất nước. Mặt khác, âm mưu “diễn biến hòa

bình”, gây bạo loạn, lật đổ, sử dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” của các thế lực thù địch, vấn đề tự diễn biến, tự chuyển hóa nảy sinh và diễn biến hết sức phức tạp đang là trở ngại đối với quá trình thực hiện dân chủ ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Thực tiễn cho thấy, bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam càng ngày càng thể hiện giá trị lấy dân làm gốc. Kể từ khi khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa cho đến nay, nhân dân thực sự trở thành người làm chủ, tự xây dựng, tổ chức quản lý xã hội. Đây là chế độ bảo đảm quyền làm chủ trong đời sống của nhân dân từ chính trị, kinh tế cho đến văn hóa, xã hội; đồng thời phát huy tính tích cực, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

**Sinh viên có vai trò rất quan trọng trong việc phát huy dân chủ XHCN ở VN.** SV cần hiểu và nhận thức đúng đắn về dân chủ và tinh thần dân chủ. Phát huy dân chủ trong học tập và làm việc đồng thời phải chống dân chủ cực đoan, dân chủ không tuân theo nội quy, quy định của trường học và môn học.

- SV phải thường xuyên lắng nghe ý kiến của mọi người một cách công khai.
- SV tạo môi trường dân chủ thật sự để sẵn sàng tham gia đóng góp ý kiến thông qua các hoạt động trong học tập, hoạt động ngoại khóa.
- Tạo quan hệ dân chủ, thoải mái giữa người và người.



**f. Phân tích đặc điểm nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.  
Sinh viên cần phải làm gì để góp phần hoàn thiện nhà nước pháp quyền ở VN?**

Theo quan niệm chung, nhà nước pháp quyền là nhà nước thượng tôn pháp luật, nhà nước hướng tới những vấn đề về phúc lợi cho mọi người, tạo điều kiện cho cá nhân được tự do, bình đẳng, phát huy hết năng lực của chính mình. Trong hoạt động của nhà nước pháp quyền, các cơ quan của nhà nước được phân quyền rõ ràng và được mọi người chấp nhận trên nguyên tắc bình đẳng của các thế lực, giai cấp và tầng lớp trong xã hội.

*Trong giai đoạn hiện nay, cách tiếp cận và những đặc trưng về nhà nước pháp quyền vẫn có những cách hiểu khác nhau. Song, từ những cách tiếp cận đó, nhà nước pháp quyền được hiểu là nhà nước mà ở đó, tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật phải đảm bảo tính nghiêm minh; trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải có sự kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.*

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra những nội dung khái quát liên quan đến nhà nước pháp quyền: Đề cao vai trò tối thượng của Hiến pháp và pháp luật; đề cao quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, đảm bảo quyền con người; tổ chức bộ máy vừa đảm bảo tập trung, thống nhất, vừa có sự phân công giữa các nhánh quyền lực, phân cấp quyền hạn và trách nhiệm giữa các cấp chính quyền nhằm đảm bảo quyền dân chủ của nhân dân, tránh lạm quyền. Nhà nước có mối quan hệ thường xuyên và chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, vô trách nhiệm, xâm phạm quyền dân chủ của công dân. Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

Theo tiến trình của công cuộc đổi mới đất nước, nhận thức của Đảng ta về Nhà nước pháp quyền ngày càng sáng tỏ. Với chủ trương: “Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân, vì dân”. Đảng ta đã xác định: Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Nhận thức đó là tiền đề để Đại hội XII của Đảng làm rõ hơn về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “Quyền

lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”.

Từ thực tiễn nhận thức và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, có thể thấy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta có một số đặc điểm cơ bản của như sau:

Thứ nhất, xây dựng nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Thứ hai, Nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật. Trong tất cả các hoạt động của xã hội, pháp luật được đặt ở vị trí tối thượng để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Thứ ba, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng và kiểm soát giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Thứ tư, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, phù hợp với điều 4 Hiến pháp năm 2013. Hoạt động của Nhà nước được giám sát bởi nhân dân với phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thông qua các tổ chức, các cá nhân được nhân dân ủy nhiệm.

Thứ năm, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tôn trọng quyền con người, coi con người là chủ thể, là trung tâm của sự phát triển. Quyền dân chủ của nhân dân được thực hành một cách rộng rãi; “nhân dân có quyền bầu và bãi miễn những đại biểu không xứng đáng”; đồng thời tăng cường thực hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Thứ sáu, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

Như vậy, những đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam chúng ta đang xây dựng đã thể hiện được các tinh thần cơ bản của một nhà nước pháp quyền nói chung. Bên cạnh đó, nó còn thể hiện sự khác biệt so với các nhà nước pháp quyền khác Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, phục vụ lợi ích cho nhân dân; nhà nước là công cụ chủ yếu để Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

**Để góp phần hoàn thiện nhà nước pháp quyền ở VN, là sinh viên,** chúng ta cần học tập và thực hiện, tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Đồng thời tích cực tham gia các hoạt

động: xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Bên cạnh đó, luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác trước những hành vi vi phạm pháp luật, lên án, phê phán và đấu tranh bài trừ phòng chống quấy rối an ninh trật tự xã hội, bảo vệ hòa bình và an toàn cho quần chúng nhân dân.

## **Bài: CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH**

### **a. Phân tích nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sinh viên có thể làm gì để củng cố cơ cấu xã hội - giai cấp ở VN?**

#### **Tầm quan trọng của liên minh theo quan điểm chủ nghĩa Marx**

Khi nghiên cứu thực tiễn các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản ở châu Âu, nhất là ở nước Anh và nước Pháp từ giữa thế kỷ XIX, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra nhiều lý luận nền tảng định hướng cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đi đến thắng lợi, trong đó lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác đã được các ông khái quát thành vấn đề mang tính nguyên tắc. Các ông đã chỉ ra rằng, nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở những nước này thất bại chủ yếu là do giai cấp công nhân “đơn độc” vì đã không tổ chức liên minh với “người bạn đồng minh tự nhiên” của mình là giai cấp nông dân. Do vậy, các cuộc đấu tranh đó đã trở thành những “bài đơn ca ai điều”.

- Ngày nay, liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức là lực lượng cơ bản đóng vai trò quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Khi sản xuất càng phát triển hiện đại thì giai cấp công nhân, giai cấp nông dân càng cần gắn bó chặt chẽ với đội ngũ trí thức để tạo thành nền tảng vững chắc của chế độ và là cơ sở chính trị - xã hội bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với toàn xã hội và khối liên minh.

Trên cơ sở những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về liên minh giai cấp, tầng lớp, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đã được hình thành từ rất sớm ở nước ta và được khẳng định qua các kỳ Đại hội của Đảng. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo”.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, việc tổ chức khối liên minh vững mạnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để thực hiện những nội dung cơ bản của liên minh:

*Nội dung kinh tế của liên minh*

Đây là nội dung cơ bản quyết định nhất, là cơ sở vật chất – kỹ thuật của liên minh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, V.I.Lênin chỉ rõ nội dung cơ bản nhất của thời kỳ này là: chính trị đã chuyển trọng tâm sang *chính trị trong lĩnh vực kinh tế*, đấu tranh giai cấp mang những nội dung và hình thức mới. Nội dung này cần thực hiện nhằm thỏa mãn các nhu cầu, lợi ích kinh tế thiết thân của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và các tầng lớp khác trong xã hội, nhằm tạo cơ sở vật chất – kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội. Dưới góc độ kinh tế, xác định đúng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đầu tư và tổ chức triển khai các hoạt động kinh tế đúng trên tinh thần đảm bảo lợi ích của các bên và tránh sự đầu tư không hiệu quả, lãng phí. Xác định đúng cơ cấu kinh tế (của cả nước, của ngành, địa phương, cơ sở sản xuất, v.v.), từ đó, các địa phương, cơ sở, vận dụng linh hoạt và phù hợp vào địa phương mình, ngành mình để xác định cơ cấu kinh tế cho đúng. Tổ chức các hình thức giao lưu, hợp tác, liên kết kinh tế giữa công nghiệp - nông nghiệp - khoa học và công nghệ - dịch vụ...; giữa các ngành kinh tế; các thành phần kinh tế, các vùng kinh tế; giữa trong nước và quốc tế... để phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống cho công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội. Chuyển giao và ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ cao vào quá trình sản xuất kinh doanh nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ nhằm gắn kết chặt chẽ các lĩnh vực kinh tế cơ bản của quốc gia, qua đó gắn bó chặt chẽ công nhân, nông dân, trí thức và các lực lượng khác trong xã hội làm cơ sở kinh tế - xã hội cho sự phát triển của quốc gia.

#### *Nội dung chính trị của liên minh*

Khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cần thực hiện nhằm tạo cơ sở chính trị - xã hội vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn thử thách và đập tan mọi âm mưu chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Ở nước ta, nội dung chính trị của liên minh thể hiện ở việc giữ vững lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân, đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh và đối với toàn xã hội để xây dựng và bảo vệ vững chắc chế độ chính trị, giữ vững độc lập dân tộc và định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn còn tồn tại những hệ tư tưởng cũ, những phong tục tập quán cũ lạc hậu; các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách chống phá chính quyền cách mạng, chống phá chế độ mới, vì vậy trên lập trường tư tưởng - chính trị của giai cấp công nhân, để thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp, phải xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đảm bảo các lợi ích chính trị,

các quyền dân chủ, quyền công dân, quyền làm chủ, quyền con người của công nhân, nông dân, trí thức và của nhân dân lao động, từ đó, thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân. Động viên các lực lượng trong khối liên minh gương mẫu chấp hành đường lối chính trị của Đảng; pháp luật và chính sách của nhà nước; sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực và âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch và phản động.

#### *Nội dung văn hóa xã hội của liên minh*

Tổ chức liên minh để các lực lượng dưới sự lãnh đạo của Đảng cùng nhau xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa, giá trị văn hóa của nhân loại và thời đại. Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân – thiện – mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân – thiện – mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”

#### **Sinh viên có thể làm gì để củng cố cơ cấu xã hội - giai cấp ở VN:**

- + Luôn có ý thức giữ gìn đoàn kết trong tập thể.
- + Trong lớp học: luôn đặt mình trong tập thể, phải tôn trọng nguyên tắc chung, không chia bè kéo phái để làm rối loạn gây mất đoàn kết nội bộ; Phê phán những biểu hiện xuất phát từ những động cơ cá nhân.
- + Sinh viên cần học tập, rèn luyện bản thân
- + Tuân thủ những quy định của nhà trường đặt ra
- + Không vi phạm pháp luật
- + Luôn cố gắng phát huy và xây dựng một xã hội tốt đẹp

**b. Phân tích nội dung của liên minh, giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc phòng, chống sự xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với công cuộc xây dựng liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam hiện nay?**

Khi nghiên cứu thực tiễn các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản ở châu Âu, nhất là ở nước Anh và nước Pháp từ giữa thế kỷ XIX, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra nhiều lý luận nền tảng định hướng cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đi đến thắng lợi, trong đó lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác đã được các ông khái quát thành vấn đề mang tính nguyên tắc. Các ông đã chỉ ra rằng, nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở những nước này thất bại chủ yếu là do giai cấp công nhân “đơn độc” vì đã không tổ chức liên minh với “người bạn đồng minh tự nhiên” của mình là giai cấp nông dân. Do vậy, các cuộc đấu tranh đó đã trở thành những “bài đơn ca ai điều”.

Như vậy, *xét dưới góc độ chính trị*, trong một chế độ xã hội nhất định, chính cuộc đấu tranh giai cấp của các giai cấp có lợi ích đối lập nhau đặt ra nhu cầu tất yếu khách quan mỗi giai cấp đứng ở vị trí trung tâm đều phải tìm cách liên minh với các giai cấp, tầng lớp xã hội khác có những lợi ích phù hợp với mình để tập hợp lực lượng thực hiện những nhu cầu và lợi ích chung - đó là quy luật mang tính phổ biến và là động lực lớn cho sự phát triển của các xã hội có giai cấp. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân phải liên minh với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động để tạo sức mạnh tổng hợp đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa cả trong giai đoạn giành chính quyền và giai đoạn xây dựng chế độ xã hội mới.

Vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao, bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I.Lênin cũng khẳng định liên minh công, nông là vấn đề mang tính nguyên tắc để đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga năm 1917. V.I.Lênin chỉ rõ: “Nếu không liên minh với nông dân thì không thể có được chính quyền của giai cấp vô sản, không thể nghĩ được đến việc duy trì chính quyền đó...Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ được vai trò lãnh đạo và chính quyền nhà nước”.

Trên thực tế, trong bước đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, V.I.Lênin đã chủ trương mở rộng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

và các tầng lớp xã hội khác. Ông xem đây là một hình thức liên minh đặc biệt không chỉ trong giai đoạn dành chính quyền, mà phải được đảm bảo trong suốt quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. V.I.Lênin chỉ rõ: “Chuyên chính vô sản là một hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản, đội tiên phong của những người lao động, với đông đảo những tầng lớp lao động không phải vô sản (tiểu tư sản, tiểu chủ, nông dân, trí thức, v.v...), hoặc với phần lớn những tầng lớp đó, liên minh nhằm chống lại tư bản, liên minh nhằm lật đổ hoàn toàn tư bản, tiêu diệt hoàn toàn sự chống cự của giai cấp tư sản và những mưu toan khôi phục của giai cấp ấy, nhằm thiết lập và củng cố vĩnh viễn chủ nghĩa xã hội”.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp lao động khác vừa là lực lượng sản xuất cơ bản, vừa là lực lượng chính trị - xã hội to lớn. Nếu thực hiện tốt khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, trong đó trước hết là với trí thức thì không những xây dựng được cơ sở kinh tế vững mạnh mà chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng được củng cố vững chắc. Khẳng định vai trò của trí thức trong khối liên minh, V.I.Lênin viết: “Trước sự liên minh của các đại biểu khoa học, giai cấp vô sản và giới kỹ thuật, không một thế lực đen tối nào đứng vững được”.

*Xét từ góc độ kinh tế*, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - tức là cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới, cùng với tất yếu chính trị - xã hội, tính tất yếu kinh tế của liên minh lại nổi lên với tư cách là nhân tố quyết định nhất cho sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội. Liên minh này được hình thành xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một nền sản xuất nhỏ nông nghiệp là chính sang sản xuất hàng hóa lớn, phát triển công nghiệp, dịch vụ và khoa học - công nghệ..., xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội. Mỗi lĩnh vực của nền kinh tế chỉ phát triển được khi gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau để cùng hướng tới phục vụ phát triển sản xuất và tạo thành nền cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất. Chính những biến đổi trong cơ cấu kinh tế này đã và đang từng bước tăng cường khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và các tầng lớp xã hội khác.

Việc hình thành khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cũng xuất phát từ chính nhu cầu và lợi ích kinh tế của họ nên các chủ thể của các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, khoa học và công nghệ... tất yếu phải gắn bó, liên minh chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện những nhu cầu và



lợi ích kinh tế chung của mình. Song quan hệ lợi ích giữa công nhân, nông dân và trí thức cũng có những biểu hiện mới, phức tạp: bên cạnh sự thống nhất về lợi ích kinh tế, xuất hiện những mâu thuẫn lợi ích ở những mức độ khác nhau. Điều này có ảnh hưởng nhất định đến sự đoàn kết, thống nhất của khối liên minh. Do vậy, quá trình thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp, đồng thời là quá trình liên tục phát hiện ra mâu thuẫn và có giải pháp kịp thời, phù hợp để giải quyết mâu thuẫn nhằm tạo sự đồng thuận và tạo động lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời tăng cường khối liên minh ngày càng bền chặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản của giai cấp công nhân.

Như vậy, liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự liên kết, hợp tác, hỗ trợ nhau... giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm thực hiện nhu cầu và lợi ích của các chủ thể trong khối liên minh, đồng thời tạo động lực thực hiện thắng lợi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội

**Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc phòng, chống sự xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với công cuộc xây dựng liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam hiện nay:**

+ Một là, nâng cao chất lượng hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên trong các học viện, nhà trường.

+ Hai là, tăng cường giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cho sinh viên.

+ Ba là tuyên truyền các hoạt động, kiến thức về phòng chống sự xuyên tạc của các thế lực thù địch, ngăn chặn các hành vi xuyên tạc, chống phá đất nước

+ Bốn là, lên án, phê phán các hành vi xuyên tạc chống phá đối với công cuộc xây dựng liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam.

**c. Phân tích vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sinh viên có trách nhiệm như thế nào đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội?**

**Khái niệm cơ cấu xã hội- giai cấp**

Cơ cấu xã hội là những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.

Cơ cấu xã hội có nhiều loại, như: cơ cấu xã hội - dân cư, cơ cấu xã hội - nghề nghiệp, cơ cấu xã hội - giai cấp, cơ cấu xã hội - dân tộc, cơ cấu xã hội - tôn giáo, v.v...

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

Cơ cấu xã hội - giai cấp ở VN có quy luật biến đổi vừa tuân theo quy luật nói chung nhưng cũng có những nét riêng

**Vị trí vai trò của các giai tầng ở VN**

Đối với giai cấp công nhân, quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng phát triển cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động; bảo đảm việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ công nhân; sửa đổi bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.

Đối với giai cấp nông dân, xây dựng và phát huy vai trò chủ thể của họ trong quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, mở rộng và nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ cơ bản về điện, nước sạch, y tế, giáo dục, thông tin..., cải thiện chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả và bền vững công cuộc xóa đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp.

Đối với đội ngũ trí thức, xây dựng đội ngũ ngày càng lớn mạnh, chất lượng cao. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng

dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của họ. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài xây dựng đất nước.

Đối với đội ngũ doanh nhân, tạo cơ chế, môi trường thuận lợi cho doanh nhân phát triển cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao. Có cơ chế, chính sách đảm bảo quyền lợi của đội ngũ doanh nhân. Tôn vinh những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển đất nước.

**Đối với sự phát triển sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội của đất nước, thế hệ trẻ - sinh viên** - sẽ là tương lai, là nền móng cho sự phát triển bền vững và lâu dài. Vì thế trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi sinh viên sẽ những đóng góp to lớn cho đất nước. Sinh viên như chúng ta cần có trách nhiệm: Luôn chăm chỉ, ham học hỏi trong học tập, lao động, học tập và làm theo 5 điều Bác Hồ dạy. Luôn phấn đấu hoàn thành mục tiêu đề ra và có trách nhiệm với chính bản thân mình. Có động cơ học tập đúng đắn để mai sau xây dựng đóng góp sức mình xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, hiểu học tập tốt là yêu nước. Tích cực rèn luyện đạo đức, tác phong; lối sống trong sáng, lành mạnh, tránh xa các tệ nạn xã hội; biết đấu tranh chống các biểu hiện của lối sống lai căng, thực dụng, xa rời các giá trị văn hoá - đạo đức truyền thống của dân tộc. Luôn chấp hành chính sách, chủ trương và đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước một cách nghiêm túc. Thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; đồng thời vận động mọi người xung quanh cùng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Sẵn sàng lên đường tham gia chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ quân sự. Tích cực vận động người thân thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Không bị các phần tử thù địch, nội phản, phần tử xấu lôi kéo tham gia các hoạt động gây rối rối, biết tình bất hợp pháp gây mất an ninh trật tự xã hội. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng một cách trung thành, kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc và Chủ Nghĩa Xã Hội, nâng cao tinh thần yêu nước.

**d. Anh (chị) hãy phân tích nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Sinh viên có trách nhiệm như thế nào trong việc góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc?**

**Tầm quan trọng của liên minh theo quan điểm của Marx?**

Khi nghiên cứu thực tiễn các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản ở châu Âu, nhất là ở nước Anh và nước Pháp từ giữa thế kỷ XIX, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra nhiều lý luận nền tảng định hướng cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đi đến thắng lợi, trong đó lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác đã được các ông khái quát thành vấn đề mang tính nguyên tắc. Các ông đã chỉ ra rằng, nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở những nước này thất bại chủ yếu là do giai cấp công nhân “đơn độc” vì đã không tổ chức liên minh với “người bạn đồng minh tự nhiên” của mình là giai cấp nông dân. Do vậy, các cuộc đấu tranh đó đã trở thành những “bài đơn ca ai điều”.

- Ngày nay, liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức là lực lượng cơ bản đóng vai trò quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Khi sản xuất càng phát triển hiện đại thì giai cấp công nhân, giai cấp nông dân càng cần gắn bó chặt chẽ với đội ngũ trí thức để tạo thành nền tảng vững chắc của chế độ và là cơ sở chính trị - xã hội bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với toàn xã hội và khối liên minh.

Trên cơ sở những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về liên minh giai cấp, tầng lớp, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đã được hình thành từ rất sớm ở nước ta và được khẳng định qua các kỳ Đại hội của Đảng. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo”

*Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, việc tổ chức khối liên minh vững mạnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để thực hiện những nội dung cơ bản của liên minh.

### *Nội dung kinh tế của liên minh*

Đây là nội dung cơ bản quyết định nhất, là cơ sở vật chất – kỹ thuật của liên minh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, V.I.Lênin chỉ rõ nội dung cơ bản nhất của thời kỳ này là: chính trị đã chuyển trọng tâm sang chính trị trong lĩnh vực kinh tế, đấu tranh giai cấp mang những nội dung và hình thức mới<sup>2</sup>. Nội dung này cần thực hiện nhằm thỏa mãn các nhu cầu, lợi ích kinh tế thiết thân của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí và các tầng lớp khác trong xã hội, nhằm tạo cơ sở vật chất – kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội.

Nội dung kinh tế của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở nước ta thực chất là sự hợp tác giữa họ, đồng thời mở rộng liên kết hợp tác với các lực lượng khác, đặc biệt là đội ngũ doanh nhân... để xây dựng nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa hiện đại. Nhiệm vụ và cũng là nội dung kinh tế xuyên suốt của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là: “Phát triển kinh tế nhanh và bền vững;... giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, các lĩnh vực; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...”

Dưới góc độ kinh tế, xác định đúng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đầu tư và tổ chức triển khai các hoạt động kinh tế đúng trên tinh thần đảm bảo lợi ích của các bên và tránh sự đầu tư không hiệu quả, lãng phí. Xác định đúng cơ cấu kinh tế (của cả nước, của ngành, địa phương, cơ sở sản xuất, v.v.), từ đó, các địa phương, cơ sở, vận dụng linh hoạt và phù hợp vào địa phương mình, ngành mình để xác định cơ cấu kinh tế cho đúng.

Tổ chức các hình thức giao lưu, hợp tác, liên kết kinh tế giữa công nghiệp – nông nghiệp - khoa học và công nghệ - dịch vụ...; giữa các ngành kinh tế; các thành phần kinh tế, các vùng kinh tế; giữa trong nước và quốc tế... để phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống cho công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội. Chuyển giao và ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ cao vào quá trình sản xuất kinh doanh nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ nhằm gắn

kết chặt chẽ các lĩnh vực kinh tế cơ bản của quốc gia, qua đó gắn bó chặt chẽ công nhân, nông dân, trí thức và các lực lượng khác trong xã hội làm cơ sở kinh tế - xã hội cho sự phát triển của quốc gia.

### *Nội dung chính trị của liên minh*

Khởi liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cần thực hiện nhằm tạo cơ sở chính trị - xã hội vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn thử thách và đập tan mọi âm mưu chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta, nội dung chính trị của liên minh thể hiện ở việc giữ vững lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân, đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh và đối với toàn xã hội để xây dựng và bảo vệ vững chắc chế độ chính trị, giữ vững độc lập dân tộc và định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn còn tồn tại những hệ tư tưởng cũ, những phong tục tập quán cũ lạc hậu; các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách chống phá chính quyền cách mạng, chống phá chế độ mới, vì vậy trên lập trường tư tưởng – chính trị của giai cấp công nhân, để thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp, phải “hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tăng cường sự đồng thuận xã hội...”, “Xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, sức chiến đấu, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng...”.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đảm bảo các lợi ích chính trị, các quyền dân chủ, quyền công dân, quyền làm chủ, quyền con người của công nhân, nông dân, trí thức và của nhân dân lao động, từ đó, thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân. Động viên các lực lượng trong khối liên minh gương mẫu chấp hành đường lối chính trị của Đảng; pháp luật và chính sách của nhà nước; sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực và âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch và phản động.

### *Nội dung văn hóa xã hội của liên minh*

Tổ chức liên minh để các lực lượng dưới sự lãnh đạo của Đảng cùng nhau xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa, giá trị văn hóa của nhân loại và thời đại.

Nội dung văn hoá, xã hội của liên minh giai cấp, tầng lớp đòi hỏi phải đảm bảo “gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội”. Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân – thiện – mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xoá đói giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân; chăm sóc sức khoẻ và nâng cao chất lượng sống cho nhân dân; nâng cao dân trí, thực hiện tốt an sinh xã hội. Đây là nội dung cơ bản, lâu dài tạo điều kiện cho liên minh giai cấp, tầng lớp phát triển bền vững.

Để góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, mỗi sinh viên phải tự mình phấn đấu, rèn luyện, tự trau dồi cho bản thân những kỹ năng cần thiết, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nỗ lực rèn luyện vì lợi ích chung của cộng đồng và vì chính sự phát triển của cá nhân. Quan trọng hơn, các bạn trẻ cần xây dựng bản lĩnh văn hóa, sẵn sàng đấu tranh với những hoạt động, sản phẩm văn hóa không lành mạnh.

Với trách nhiệm của mình, sinh viên cần tiếp tục đẩy mạnh việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, tác phong sống và coi đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, cần thường xuyên thực hiện tốt. Đẩy mạnh tổ chức các cuộc thi tìm hiểu liên quan lịch sử hào hùng, truyền thống văn hóa của đất nước, của quê hương. Hơn nữa, phải chủ động, sáng tạo và linh hoạt trong tổ chức các hoạt động định hướng cho sinh viên tiếp thu những mặt tích cực, tiên tiến của văn hóa hiện đại; đồng thời khơi dậy tinh thần tự hào dân tộc, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc. Kiên quyết đấu tranh đối với những biểu hiện vô cảm; khơi dậy tinh thần tương thân, tương ái trong tuổi trẻ.

Sinh viên cần tổ chức và tham gia các sân chơi lành mạnh để đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi và giải trí. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện để sinh viên đăng ký và tham gia nghiên cứu, thực hiện các đề tài khoa học, trong đó chú trọng các đề tài liên quan bảo vệ, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Sinh viên phải là những người tiên phong đi đầu, làm gương trong công tác này, chủ động xây dựng tác phong, lối sống đẹp, sống có ích... và động viên, khuyến khích các bạn trẻ hưởng ứng. Được như vậy, vai trò của sinh viên trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc sẽ nhanh chóng được khẳng định.



**e. Phân tích phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trước những thông tin xuyên tạc nhằm phá vỡ liên minh giai cấp, tầng lớp, sinh viên VN cần phải làm gì để chống lại các thế lực thù địch và không ngừng củng cố khối liên minh.**

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp là tổng thể các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội có mối quan hệ hợp tác và gắn bó chặt chẽ với nhau. Yếu tố quyết định mối quan hệ đó là họ cùng chung sức cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Các giai cấp, tầng lớp xã hội và các nhóm xã hội cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp doanh nhân, tầng lớp tiểu chủ, tầng lớp thanh niên, phụ nữ v.v... Mỗi giai cấp, tầng lớp và các nhóm xã hội này có những vị trí và vai trò xác định song dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân cùng hợp lực, tạo sức mạnh tổng hợp để thực hiện những mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến tới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội mới thay thế hình thái kinh tế - xã hội cũ đã lỗi thời.

### **Tầm quan trọng của liên minh**

Khi nghiên cứu thực tiễn các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản ở châu Âu, nhất là ở nước Anh và nước Pháp từ giữa thế kỷ XIX, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra nhiều lý luận nền tảng định hướng cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đi đến thắng lợi, trong đó lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác đã được các ông khái quát thành vấn đề mang tính nguyên tắc. Các ông đã chỉ ra rằng, nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở những nước này thất bại chủ yếu là do giai cấp công nhân “đơn độc” vì đã không tổ chức liên minh với “người bạn đồng minh tự nhiên” của mình là giai cấp nông dân. Do vậy, các cuộc đấu tranh đó đã trở thành những “bài đơn ca ai điều”.

- Ngày nay, liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức là lực lượng cơ bản đóng vai trò quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Khi sản xuất càng phát triển hiện đại thì giai cấp công nhân, giai cấp nông dân càng cần gắn bó chặt chẽ với đội ngũ trí thức để tạo thành nền tảng vững chắc của chế độ và là cơ sở chính trị - xã hội bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với toàn xã hội và khối liên minh.

**Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.**

*Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp theo hướng tích cực.*

Cơ cấu xã hội muốn biến đổi theo hướng tích cực phải dựa trên cơ sở tăng trưởng và phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Bởi vì chỉ có một nền kinh tế phát triển năng động, hiệu quả, dựa trên sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại mới có khả năng huy động các nguồn lực cho phát triển xã hội một cách thường xuyên và bền vững. Vì vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang phát triển công nghiệp và dịch vụ; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với kinh tế tri thức để tạo môi trường, điều kiện và động lực thúc đẩy sự biến đổi cơ cấu xã hội theo hướng ngày càng phù hợp và tiến bộ hơn.

Tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển văn hóa, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ tài nguyên môi trường là cơ sở và điều kiện thuận lợi cho những biến đổi tích cực của cơ cấu xã hội, đồng thời hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của nó đến biến đổi cơ cấu xã hội, nhất là cơ cấu xã hội - giai cấp. Quan tâm thích đáng và phù hợp với mỗi giai cấp, tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là với tầng lớp yếu thế của xã hội. Tạo ra cơ hội công bằng cho mọi thành phần xã hội để tiếp cận đến sự phát triển về sở hữu tư liệu sản xuất, về giáo dục, y tế, các chính sách an sinh xã hội v.v...

*Hai là, xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội tổng thể nhằm tác động tạo sự biến đổi tích cực cơ cấu xã hội, nhất là các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp.*

Trong hệ thống chính sách xã hội, các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp cần được đặt lên vị trí hàng đầu. Các chính sách này không chỉ liên quan đến từng giai cấp, tầng lớp trong xã hội, mà còn chú ý giải quyết tốt mối quan hệ trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cũng như mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp với nhau để hướng tới đảm bảo công bằng xã hội, thu hẹp dần khoảng cách phát triển và sự phân hóa giàu nghèo giữa các giai cấp, tầng lớp, hoặc trong nội bộ từng

giai cấp, tầng lớp xã hội. Cần có sự quan tâm thích đáng và phù hợp đối với mỗi giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Cụ thể:

Đối với giai cấp công nhân, quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng phát triển cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động; bảo đảm việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ công nhân; sửa đổi bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.

Đối với giai cấp nông dân, xây dựng và phát huy vai trò chủ thể của họ trong quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, mở rộng và nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ cơ bản về điện, nước sạch, y tế, giáo dục, thông tin..., cải thiện chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả và bền vững công cuộc xóa đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp.

Đối với đội ngũ trí thức, xây dựng đội ngũ ngày càng lớn mạnh, chất lượng cao. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của họ. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài xây dựng đất nước.

Đối với đội ngũ doanh nhân, tạo cơ chế, môi trường thuận lợi cho doanh nhân phát triển cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao. Có cơ chế, chính sách đảm bảo quyền lợi của đội ngũ doanh nhân. Tôn vinh những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Đối với phụ nữ, nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện và cơ hội cho phụ nữ phát triển toàn diện, phát triển tài năng, thực hiện tốt vai trò của mình. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện luật pháp và chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của mình; tăng tỉ lệ phụ nữ tham gia vào cấp ủy và bộ máy quản lý các cấp. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và xử lý nghiêm minh theo pháp luật các hành vi bạo lực, buôn bán, xâm hại nhân phẩm phụ nữ.

Đối với thế hệ trẻ, đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho thế hệ trẻ học tập, nghiên cứu, lao động, giải trí, phát triển trí tuệ, kỹ năng, thể lực. Khuyến khích thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại. Phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Ba là, tạo sự đồng thuận và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa các lực lượng trong khối liên minh và toàn xã hội.*

Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của khối liên minh, của việc phát huy vai trò của mọi thành phần trong cơ cấu xã hội - giai cấp, từ đó xây dựng chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với từng đối tượng để tạo động lực và tạo sự đồng thuận xã hội.

Tiếp tục giải quyết tốt các mâu thuẫn, các khác biệt và phát huy sự thống nhất trong các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm tạo sự đồng thuận, tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*Bốn là, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các chủ thể trong khối liên minh.*

Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực là phương thức căn bản và quan trọng để thực hiện và tăng cường liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở Việt Nam hiện nay.

Đẩy mạnh nghiên cứu sáng tạo và ứng dụng các thành tựu của khoa học- công nghệ hiện đại, những thành tựu mới của cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong tất cả các ngành, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ... làm cơ sở vững chắc cho sự phát triển của nền kinh tế thống nhất. Để thực hiện tốt giải pháp này, vai trò của đội ngũ trí thức, của đội ngũ doanh nhân là rất quan trọng.

*Năm là, đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.*

Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển bền vững đất nước.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà nước theo hướng tinh giản, hiệu quả, Xây dựng Nhà nước phục vụ, kiến tạo phát triển nhằm tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành viên trong xã hội được phát triển một cách công bằng trước pháp luật. Mọi chính sách, pháp luật của Nhà nước phải nhằm phục vụ, bảo vệ và vì lợi ích căn bản chính đáng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc với việc tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Mặt Trận Tổ quốc thường xuyên giữ mối liên hệ và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Công đoàn, Hội nông dân, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, các hoạt động của đội ngũ doanh nhân... Trong liên minh cần đặc biệt chú trọng hình thức liên minh của thế hệ trẻ. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cần chủ động hướng dẫn các hình thức hoạt động, các phong trào thi đua yêu nước, phát huy tài năng sáng tạo của tuổi trẻ vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

**Trước những thông tin xuyên tạc nhằm phá vỡ liên minh giai cấp, tầng lớp, sinh viên VN cần phải làm gì để chống lại các thế lực thù địch và không ngừng củng cố khối liên minh.**

Sinh viên Việt Nam xuất thân từ các giai tầng khác nhau của mọi miền đất nước, với mức thu nhập của gia đình rất khác nhau, tập trung về các trung tâm kinh tế, chính trị các thành phố và thị xã để sống và học tập. Sinh viên thường khá nhanh nhạy trong việc tiếp thu các thông tin mới, cũng như những luồng tư tưởng mới trong xã hội, song khả năng phân tích và chọn lọc còn có những hạn chế. Trong thực tế, nhiều sinh viên còn chưa hiểu sâu về chính trị, lập trường tư tưởng chưa vững vàng, nên dễ dao động, dễ bị lôi kéo. Vì thế nên sinh viên là đối tượng mà các thế lực thù địch hướng tới, thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, nhằm mục tiêu chống phá cách mạng trong hiện tại và tương lai.

Những âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình” trong sinh viên thời gian vừa qua tập trung vào một số vấn đề như: Thâm nhập vào tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên nhằm phá vỡ các tổ chức này; đưa các ấn phẩm văn hóa đồi trụy, phản động vào trong đời sống tinh thần của sinh viên; lợi dụng tín ngưỡng, mê tín dị đoan để thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”; thông qua các chương trình học bổng; thông qua các hội

thảo quốc tế; sử dụng internet để tuyên truyền, kích động; bằng nhiều phương pháp tuyên truyền, xuyên tạc, mua chuộc, lôi kéo sinh viên vào con đường lầm lạc chống lại Nhà nước, chế độ, đi ngược lại lợi ích quốc gia, dân tộc và nhân dân. Có nhiều đối tượng đã len lỏi vào các ký túc xá sinh viên, giảng đường, đến các hội thảo khoa học, sử dụng internet... lôi kéo, kích động, nhằm tạo ra sự bất ổn về chính trị tư tưởng, làm cơ sở cho những vụ gây rối trật tự an ninh trong đời sống sinh viên và trong xã hội.

Từ thực tiễn hoạt động chống phá về chính trị, tư tưởng của các thế lực thù địch đối với sinh viên thời gian vừa qua; để phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình” trong sinh viên, các học viện, trường đại học, cao đẳng cần tập trung làm tốt một số vấn đề sau:

+ Một là, nâng cao chất lượng hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên trong các học viện, nhà trường.

- Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên trong các học viện, trường đại học, cao đẳng phải xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức và lối sống lành mạnh, giản dị, có ý chí vươn lên trong cuộc sống cũng như trong học tập, nghiên cứu khoa học, có uy tín và tích cực trong công tác Đoàn, công tác Hội và gần gũi với quần chúng.

+ Hai là, tăng cường giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cho sinh viên.

- Hiện nay, các môn học: Chính trị Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là những môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của bậc đại học và cao đẳng. Thời lượng của các môn học này đã hợp lý, song điều quan trọng là phương pháp giảng dạy các môn học đó sao cho có hiệu quả. Quá trình truyền thụ, cần giảng giải ngắn gọn, súc tích về lý luận, tăng cường thời lượng thảo luận, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trao đổi để nhận thức tri thức khoa học cả về lý luận và thực tiễn. Giáo dục nâng cao nhân sinh quan, thế giới quan và đạo đức cộng sản: Các giá trị truyền thống dân tộc, lý tưởng, niềm tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa cho sinh viên; đồng thời phê phán những quan điểm, tư tưởng sai trái, lệch lạc và làm rõ âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa của các thế lực thù địch để sinh viên có biện pháp phòng ngừa. Nếu chúng ta làm tốt công tác giáo dục cho sinh viên, thì kẻ thù dù có nham hiểm và thâm độc đến đâu cũng thất bại

+ Ba là, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho sinh viên.

Chúng ta phải thừa nhận rằng, đời sống vật chất và tinh thần của sinh viên hiện nay vẫn còn nhiều thiếu thốn. Đây là kẽ hở để các thế lực thù địch tìm cách lợi dụng để thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” trong sinh viên. Vì vậy, cần phải chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho sinh viên như cải tạo điều kiện sinh hoạt trong các ký túc xá, giảm tới mức tối thiểu việc đóng góp của sinh viên. Có chế độ chính sách đầy đủ, hợp lý và toàn diện về học bổng, học phí, lệ phí. Tăng cường trang thiết bị phòng thí nghiệm, thư viện để thu hút sinh viên vào học tập và nghiên cứu khoa học nhiều hơn nữa. Tăng cường cơ sở vật chất và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao hợp lý và đúng định hướng chính trị của Đảng và Nhà nước, tạo môi trường văn hóa lành mạnh để lôi cuốn sinh viên tham gia.

+ Bốn là, xây dựng lực lượng nòng cốt trong sinh viên.

- Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực chính trị tư tưởng đối với sinh viên cần phải có nhiều lực lượng tham gia, với nhiều biện pháp sát thực, nhưng vấn đề quan trọng là phải tạo ra sức đề kháng mạnh để họ đủ sức “miễn dịch” trước âm mưu và thủ đoạn nham hiểm của các thế lực thù địch là cách tốt nhất và hiệu quả cao nhất. Muốn làm được điều đó, chúng ta phải giáo dục cho mọi sinh viên thấm nhuần tư tưởng đạo đức cách mạng, có tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình cao. Cần xây dựng lực lượng nòng cốt trong sinh viên, họ là những sinh viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, năng động, tích cực, khách quan, gần gũi với bạn bè cùng lứa. Đây cũng chính là lực lượng trực tiếp tiến hành công tác tư tưởng cho các sinh viên khác nhằm loại bỏ các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch khi chúng vừa nhắm nhe xâm nhập, tác động vào môi trường sống của sinh viên.

## **Bài: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH**

**a. Anh (chị) hãy phân tích hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc. Liên hệ sự biểu hiện của hai xu hướng trên trong phạm vi nước Việt Nam hiện nay.**

**Khái niệm dân tộc thường được dùng với hai nghĩa:**

+ Theo nghĩa rộng, khái niệm dân tộc dùng để chỉ những cộng đồng người có bốn đặc trưng: cộng đồng về ngôn ngữ; cộng đồng về lãnh thổ; cộng đồng về kinh tế; cộng đồng về văn hóa, về tâm lý, tính cách.

+ Theo nghĩa hẹp, khái niệm dân tộc dùng để chỉ các tộc người: tức là dùng để chỉ các cộng đồng người có chung một số đặc điểm nào đó về kinh tế, tập quán sinh hoạt văn hoá,... Ví dụ khi nói: dân tộc Kinh, Thái, Tày, Nùng,... với tư cách là các cộng đồng dân tộc anh em tự nguyện gắn kết nhau lại thành cộng đồng dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh dựng nước và cứu nước.

### **Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc**

Nghiên cứu vấn đề dân tộc, V.I.Lênin phát hiện ra hai xu hướng khách quan trong sự phát triển quan hệ dân tộc.

Xu hướng thứ nhất, cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập. Nguyên nhân là do sự thức tỉnh, sự trưởng thành về ý thức dân tộc, ý thức về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư đó muốn tách ra để thành lập các dân tộc độc lập.

Xu hướng này thể hiện rõ nét trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc muốn thoát khỏi sự áp bức, bóc lột của các nước thực dân, đế quốc.

Xu hướng thứ hai, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau. Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc đi bóc lột thuộc địa; do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hoá trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã làm xuất hiện nhu cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Trong thời đại ngày nay, hai xu hướng này diễn ra với những biểu hiện rất đa dạng và phong phú. Xu hướng này thể hiện trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức nhằm xóa bỏ ách đô hộ của thực dân đế quốc, khẳng định



quyền tự quyết dân tộc; hoặc đấu tranh để thoát khỏi sự kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc; hoặc đấu tranh để thoát khỏi tình trạng bị đồng hóa cưỡng bức của các dân tộc nhỏ dưới ách áp bức của các nước tư bản chủ nghĩa. Ví dụ phong trào này đã diễn ra mạnh mẽ vào những năm 60 của thế kỷ XX và kết quả là khoảng 100 quốc gia đã giành được độc lập dân tộc.

Ngày nay, xu hướng xích lại gần nhau thể hiện ở sự liên minh của các dân tộc trên cơ sở lợi ích chung về kinh tế, về chính trị, văn hoá, quân sự... để hình thành các hình thức liên minh đa dạng, như liên minh khu vực: ASEAN, EU...

### **Liên hệ sự biểu hiện của hai xu hướng trên trong phạm vi nước Việt Nam hiện nay**

Ở Việt Nam hiện nay nổi lên một số quan hệ dân tộc có ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển của mỗi tộc người và của đất nước, đó là quan hệ dân tộc về vấn đề lãnh thổ và địa bàn cư trú. Lãnh thổ và địa bàn cư trú là yếu tố quan trọng liên quan đến sự tồn tại và phát triển của các tộc người. Tộc người nào cũng có một nơi ở ban đầu để sinh sống, gọi là cái nôi tộc người, là điều kiện bắt buộc cho sự xuất hiện của tộc người. Lãnh thổ tộc người là một phạm trù lịch sử, có thể mở rộng, suy giảm hoặc ngược lại. Chính vì vậy, quan hệ dân tộc về vấn đề lãnh thổ rất đa dạng, phức tạp là quan hệ giữa các tộc người trong từng khu vực về vấn đề đất đai và địa bàn cư trú, xuất hiện do ba nguyên nhân:

- Do lịch sử để lại (các cuộc tranh giành đất đai giữa các tộc người hay quá trình thiên di của các tộc người trong quá khứ).

- Do yêu cầu phân bố lại địa giới hành chính, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong thời hiện đại (ví dụ như việc nhập tách các đơn vị hành chính, việc đưa người miền xuôi lên xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa miền núi, hay đưa thanh niên lên lập các nông lâm trường ở miền Bắc đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XX; hoặc đưa dân thành thị đi xây dựng vùng kinh tế mới ở miền Nam cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX).

- Do yêu cầu cuộc sống dẫn đến các cuộc di dân lẻ tẻ, tự phát (chẳng hạn, do thiếu đất đai canh tác, người Kinh ở nhiều tỉnh châu thổ Bắc Bộ, các tỉnh miền Trung, người Mông, Dao, Nùng ở một số tỉnh miền núi vào Tây Nguyên phá rừng trồng cà phê, làm rẫy).

Một trong những đặc điểm nổi bật trong bức tranh tộc người ở Việt Nam là cư trú xen kẽ nhau, ở nhiều vùng (vùng người Thái, Mường, vùng Tây Nguyên) chế độ công hữu rất đậm nét nên mâu thuẫn giữa các tộc người quanh vấn đề lãnh thổ không

lớn, chỉ là tranh chấp địa giới, đất canh tác, nguồn nước ở một số địa phương (ví dụ mâu thuẫn giữa các tộc người thiểu số với người Kinh ở miền xuôi được điều lên khai hoang, lập nông lâm trường ở một số địa phương miền núi). Gần đây, nảy sinh một số phức tạp do tình trạng di dân tự do ở vùng Tây Nguyên, làm cho một số đồng bào các tộc người thiểu số ở nhiều địa phương Tây Nguyên thiếu đất canh tác.

**b. Phân tích nội dung cương lĩnh dân tộc theo quan điểm của chủ nghĩa Marx - Lenin. Đảng và Nhà nước Việt Nam đã làm gì để thực hiện bình đẳng dân tộc ở VN.**

**Khái niệm dân tộc thường được dùng với hai nghĩa:**

+ Theo nghĩa rộng, khái niệm dân tộc dùng để chỉ những cộng đồng người có bốn đặc trưng: cộng đồng về ngôn ngữ; cộng đồng về lãnh thổ; cộng đồng về kinh tế; cộng đồng về văn hóa, về tâm lý, tính cách.

+ Theo nghĩa hẹp, khái niệm dân tộc dùng để chỉ các tộc người: tức là dùng để chỉ các cộng đồng người có chung một số đặc điểm nào đó về kinh tế, tập quán sinh hoạt văn hoá,... Ví dụ khi nói: dân tộc Kinh, Thái, Tày, Nùng,... với tư cách là các cộng đồng dân tộc anh em tự nguyện gắn kết nhau lại thành cộng đồng dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh dựng nước và cứu nước.

**Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin**

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác về mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp; kết hợp phân tích hai xu hướng khách quan trong sự phát triển dân tộc; dựa vào kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới và thực tiễn cách mạng Nga trong việc giải quyết vấn đề dân tộc những năm đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin đã khái quát Cương lĩnh dân tộc như sau: “Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại”.

*Một là: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng*

Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp. Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.

Trong quan hệ xã hội cũng như trong quan hệ quốc tế, không một dân tộc nào có quyền đi áp bức, bóc lột dân tộc khác. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trên cơ sở pháp lý, nhưng quan trọng hơn nó phải được thực hiện trên thực tế.

Để thực hiện được quyền bình đẳng dân tộc, trước hết phải thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, trên cơ sở đó xoá bỏ tình trạng áp bức dân tộc; phải đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc.

### *Hai là: Các dân tộc được quyền tự quyết*

Đó là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền dân tộc tự quyết phải xuất phát từ thực tiễn - cụ thể và phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân. V.I.Lênin đặc biệt chú trọng quyền tự quyết của các dân tộc bị áp bức, các dân tộc phụ thuộc.

Quyền tự quyết dân tộc không đồng nhất với “quyền” của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa tộc người, nhất là việc phân lập thành quốc gia độc lập. Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

### *Ba là: Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc*

Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, nội dung này vừa là nội dung chủ yếu vừa là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể.

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin là cơ sở lý luận quan trọng để các Đảng cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giữa các dân tộc, Đảng và Nhà nước ta thường xuyên quan tâm xây dựng, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện tốt chính sách bình đẳng giữa các dân tộc. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của công cuộc đổi mới đất nước vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục bổ sung, phát triển, hoàn thiện và thực hiện tốt hơn chính sách bình đẳng giữa các dân tộc ở Việt Nam.

- Ở Việt Nam thực hiện chế độ dân chủ, nên mọi công dân đều là người chủ của đất nước. Vì thế, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là tất cả đồng bào các dân tộc đều là người chủ nước nhà”. Tất cả mọi người không phân biệt dân tộc đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Sự bình đẳng giữa các dân tộc ở Việt Nam là cơ sở cho sự đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng và Chính phủ ta luôn luôn kêu gọi các dân tộc xóa bỏ xích mích do đế quốc và phong kiến gây ra, cùng nhau đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ...”. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở các dân tộc phải thương yêu nhau như anh em trong một gia đình, hết sức tránh những tư tưởng tự tôn hoặc tự ti dân tộc. Người viết: “Người dân tộc lớn dễ mắc bệnh kiêu ngạo. Cán bộ địa phương, nhân dân địa phương lại dễ cho mình là dân tộc bé nhỏ, tự ti, cái gì cũng cho là mình không làm được, rồi không cố gắng. Đó là những điểm phải tránh”.

- Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc trong quốc gia thống nhất Việt Nam là cốt lõi của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta. Nguyên tắc cơ bản đó được ghi rõ trong Hiến pháp. Hiến pháp năm 1946 chỉ rõ tất cả quyền bình đẳng trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo và ngoài sự bình đẳng về quyền lợi, những dân tộc thiểu số được giúp đỡ về mọi phương diện để chóng tiến kịp trình độ chung.

- Để tiếp tục thực hiện tốt chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về bình đẳng giữa các dân tộc ở Việt Nam hiện nay, cần quan tâm làm tốt một số nội dung, giải pháp sau đây:

+ Một là, cần tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, về vị trí, vai trò của các dân tộc trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại. Khẳng định tính nhất quán của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta qua các thời kỳ cách mạng là bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau để cùng phát triển. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, làm cho đồng bào các dân tộc tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

+ Hai là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm cho đồng bào các dân tộc được bình đẳng về quyền làm chủ đất nước; bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, được thực hiện quyền tham chính của mình thông qua thực hiện dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp qua bầu cử và ứng cử. Công dân là người các dân tộc không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ phát triển cao hay thấp đều bình đẳng về quyền lợi

và nghĩa vụ trong mọi lĩnh vực của đời sống, như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, tạo điều kiện cho đồng bào có cơ hội thuận lợi phát triển về mọi mặt.

+ Ba là, Nhà nước cần tích cực hỗ trợ cho đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa các vùng; hằng năm, Nhà nước cần dành tỷ lệ thích đáng về ngân sách đầu tư cho vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng trước đây, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn. Nhà nước cần khuyến khích đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số và địa bàn khó khăn, hỗ trợ tạo điều kiện để phát triển kết cấu hạ tầng ở các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn phục vụ sản xuất và đời sống, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nhất là việc đi lại, học hành, chữa bệnh... của đồng bào.

+ Bốn là, cần bảo đảm cho mọi công dân, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế... được bình đẳng về cơ hội học tập. Nhà nước tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và được hưởng các chính sách ưu tiên đặc biệt nhằm tăng cơ hội tiếp cận về giáo dục cho con em vùng dân tộc thiểu số. Nhà nước cần bảo đảm cho người dân tộc thiểu số được hưởng các quyền ưu tiên về chăm sóc sức khỏe, y tế, an sinh xã hội...

+ Năm là, chăm lo giữ gìn, phát huy và phát triển bản sắc văn hóa các dân tộc; bảo đảm cho các dân tộc được phát triển hài hòa trong một nền văn hóa đa dân tộc; bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc được trân trọng, giữ gìn, phát huy và phát triển. Đồng bào dân tộc ai cũng có quyền tham gia vào các hoạt động văn hóa của dân tộc mình, của cộng đồng, xã hội và được hưởng các chính sách về phát triển văn hóa

+ Sáu là, thường xuyên củng cố, tăng cường xây dựng hệ thống chính trị, nhất là hệ thống chính trị ở cơ sở. Chăm lo xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Thường xuyên quan tâm kiện toàn bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ của cơ quan làm công tác dân tộc. Bảo đảm ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, an ninh - quốc phòng ở các vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Tích cực đấu tranh phòng, chống mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, nhất là âm mưu, thủ đoạn phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

**c. Đặc trưng dân tộc ở Việt Nam. Trách nhiệm của sinh viên trong việc góp phần phát huy truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc ở Việt Nam.**

**Khái niệm dân tộc thường được dùng với hai nghĩa:**

+ Theo nghĩa rộng, khái niệm dân tộc dùng để chỉ những cộng đồng người có bốn đặc trưng: cộng đồng về ngôn ngữ; cộng đồng về lãnh thổ; cộng đồng về kinh tế; cộng đồng về văn hóa, về tâm lý, tính cách.

+ Theo nghĩa hẹp, khái niệm dân tộc dùng để chỉ các tộc người: tức là dùng để chỉ các cộng đồng người có chung một số đặc điểm nào đó về kinh tế, tập quán sinh hoạt văn hoá,... Ví dụ khi nói: dân tộc Kinh, Thái, Tày, Nùng,... với tư cách là các cộng đồng dân tộc anh em tự nguyện gắn kết nhau lại thành cộng đồng dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh dựng nước và cứu nước.

**Đặc điểm dân tộc Việt Nam**

Việt Nam là một quốc gia đa tộc người có những đặc điểm nổi bật sau đây:

*Thứ nhất: Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người*

Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó, dân tộc người Kinh có 73.594.341 người chiếm 85,7% dân số cả nước; 53 dân tộc thiểu số có 12.252.656 người, chiếm 14,3% dân số. Tỷ lệ số dân giữa các dân tộc cũng không đồng đều, có dân tộc với số dân lớn hơn 1 triệu người (Tày, Thái, Mường, Khơ me, Mông...), nhưng có dân tộc với số dân chỉ vài ba trăm (Si la, Pu péo, Rơ măm, Brâu, Ô đù). Thực tế cho thấy nếu một dân tộc mà số dân chỉ có hàng trăm sẽ gặp rất nhiều khó khăn cho việc tổ chức cuộc sống, bảo tồn tiếng nói và văn hoá dân tộc, duy trì và phát triển giống nòi. Do vậy, việc phát triển số dân hợp lý cho các dân tộc thiểu số, đặc biệt đối với những dân tộc thiểu số rất ít người đang được Đảng và Nhà nước Việt Nam có những chính sách quan tâm đặc biệt.

*Thứ hai: Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau*

Việt Nam vốn là nơi chuyển cư của nhiều dân tộc ở khu vực Đông Nam Á. Tính chất chuyển cư như vậy đã tạo nên bản đồ cư trú của các dân tộc trở nên phân tán, xen kẽ và làm cho các dân tộc ở Việt Nam không có lãnh thổ tộc người riêng. Vì vậy, không có một dân tộc nào ở Việt Nam cư trú tập trung và duy nhất trên một địa bàn. Đặc điểm này một mặt tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc tăng cường hiểu biết lẫn nhau, mở rộng giao lưu giúp đỡ nhau cùng phát triển và tạo nên một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng. Mặt khác, do có nhiều tộc người sống xen kẽ nên trong quá trình sinh sống cũng dễ nảy sinh mâu thuẫn, xung đột, tạo kẽ hở để các thế

lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc phá hoại an ninh chính trị và sự thống nhất của đất nước.

*Thứ ba: Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng*

Mặc dù chỉ chiếm 14,3% dân số, nhưng 53 dân tộc thiểu số Việt Nam lại cư trú trên  $\frac{3}{4}$  diện tích lãnh thổ và ở những vị trí trọng yếu của quốc gia cả về kinh tế, an ninh, quốc phòng, môi trường sinh thái – đó là vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa của đất nước. Một số dân tộc có quan hệ dòng tộc với các dân tộc ở các nước láng giềng và khu vực. Ví dụ: dân tộc Thái, dân tộc Mông, dân tộc Khơme, dân tộc Hoa... do vậy, các thế lực phản động thường lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá cách mạng Việt Nam.

*Thứ tư: Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều*

Các dân tộc ở nước ta còn có sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Về phương diện xã hội, trình độ tổ chức đời sống, quan hệ xã hội của các dân tộc thiểu số khác nhau. Về phương diện kinh tế, có thể phân loại các dân tộc thiểu số Việt Nam ở những trình độ phát triển rất khác nhau: Một số ít các dân tộc còn duy trì kinh tế chiếm đoạt, dựa vào khai thác tự nhiên; tuy nhiên, đại bộ phận các dân tộc ở Việt Nam đã chuyển sang phương thức sản xuất tiên bộ, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Về văn hóa, trình độ dân trí, trình độ chuyên môn kỹ thuật của nhiều dân tộc thiểu số còn thấp.

Muốn thực hiện bình đẳng dân tộc, phải từng bước giảm, tiến tới xoá bỏ khoảng cách phát triển giữa các dân tộc về kinh tế, văn hóa, xã hội. Đây là nội dung quan trọng trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam để các dân tộc thiểu số phát triển nhanh và bền vững.

*Thứ năm: Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất*

Đặc trưng này được hình thành do yêu cầu của quá trình cải biến tự nhiên và nhu cầu phải hợp sức, hợp quần để cùng đấu tranh chống ngoại xâm nên dân tộc Việt Nam đã hình thành từ rất sớm và tạo ra độ kết dính cao giữa các dân tộc.

Đoàn kết dân tộc trở thành truyền thống quý báu của các dân tộc ở Việt Nam, là một trong những nguyên nhân và động lực quyết định mọi thắng lợi của dân tộc trong các giai đoạn lịch sử; đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược để giành độc lập thống nhất Tổ quốc. Ngày nay, để thực hiện thắng lợi chiến lược xây dựng và bảo vệ vững



chắc Tổ quốc Việt Nam, các dân tộc thiểu số cũng như đa số phải ra sức phát huy nội lực, giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, nâng cao cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

*Thứ sáu: Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất*

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Trong văn hóa của mỗi dân tộc đều có những sắc thái độc đáo riêng góp phần làm cho nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Sự thống nhất đó, suy cho cùng là bởi, các dân tộc đều có chung một lịch sử dựng nước và giữ nước, đều sớm hình thành ý thức về một quốc gia độc lập, thống nhất.

Xuất phát từ đặc điểm cơ bản của dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến chính sách dân tộc, xem đó là vấn đề chính trị - xã hội rộng lớn và toàn diện gắn liền với các mục tiêu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

### **Trách nhiệm của sinh viên trong việc góp phần phát huy truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc ở Việt Nam**

Đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta, được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Nhờ sức mạnh đại đoàn kết, nhân dân ta đã đánh bại những kẻ xâm lược, lập nên những chiến thắng lừng lẫy trong lịch sử dân tộc và lịch sử nhân loại. Đại đoàn kết là vấn đề sống còn của dân tộc, là tương lai của đất nước. Vì vậy, sinh viên phải là lực lượng xung kích, nòng cốt, đi đầu trong thực hiện nhiệm vụ đoàn kết toàn dân tộc. Muốn phát huy được giá trị truyền thống đó, trước hết sinh viên cần tích cực học tập, nâng cao trí tuệ, trau dồi tu dưỡng đạo đức để hoàn thiện mình, đủ bản lĩnh để vượt qua mọi cám dỗ hoặc những luận điệu xuyên tạc, lôi kéo của các thế lực thù địch; đồng thời, tích cực tham gia các phong trào đoàn thể, các phong trào tình nguyện, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Thế hệ trẻ cũng cần phải hiểu rằng, đoàn kết dân tộc là không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp, các ngành nghề trong xã hội. Rộng hơn nữa là có tinh thần đoàn kết quốc tế vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

**d. Phân tích chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Trách nhiệm của sinh viên trong quá trình thực hiện củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. (Cần phải làm gì và không nên làm gì?)**

**Khái niệm dân tộc thường được dùng với hai nghĩa:**

+ Theo nghĩa rộng, khái niệm dân tộc dùng để chỉ những cộng đồng người có bốn đặc trưng: cộng đồng về ngôn ngữ; cộng đồng về lãnh thổ; cộng đồng về kinh tế; cộng đồng về văn hóa, về tâm lý, tính cách.

+ Theo nghĩa hẹp, khái niệm dân tộc dùng để chỉ các tộc người: tức là dùng để chỉ các cộng đồng người có chung một số đặc điểm nào đó về kinh tế, tập quán sinh hoạt văn hoá,... Ví dụ khi nói: dân tộc Kinh, Thái, Tày, Nùng,... với tư cách là các cộng đồng dân tộc anh em tự nguyện gắn kết nhau lại thành cộng đồng dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh dựng nước và cứu nước.

Vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc có vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Có thể khẳng định, chính sách dân tộc của Đảng ta luôn được quán triệt và triển khai thực hiện nhất quán trong suốt hơn 90 năm qua theo nguyên tắc: bình đẳng, đoàn kết, tương trợ trên tinh thần tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau, hướng tới mục tiêu xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

**Chính sách dân tộc của đảng, nhà nước Việt Nam:**

*Về chính trị:* thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Chính sách dân tộc góp phần nâng cao tính tích cực chính trị của công dân; nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số về tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, Đoàn kết các dân tộc, thống nhất mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*Về kinh tế:* nội dung, nhiệm vụ kinh tế trong chính sách dân tộc là các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế xã hội miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nhằm phát huy tiềm năng phát triển, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, giữa các dân tộc. Thực hiện các nội dung kinh tế thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế ở các vùng dân tộc thiểu số, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế xã hội ở miền núi vùng sâu vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ địa cách mạng

*Về văn hóa:* xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc người, phát triển ngôn ngữ, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân

dân các dân tộc. Đào tạo cán bộ văn hóa, xây dựng môi trường, thiết chế văn hóa phù hợp với điều kiện của các dân tộc người trong quốc gia đa dân tộc. Đồng thời, mở rộng giao lưu văn hóa với các quốc gia, các khu vực và trên thế giới. Đủ tranh chống tệ nạn xã hội, chống “diễn biến Hòa Bình” trên mặt trận tư tưởng văn hóa ở nước ta hiện nay

*Về xã hội:* thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an toàn an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước thực hiện bình đẳng xã hội, công bằng thông qua việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục trên cơ sở chú ý đến tính đặc thù mỗi vùng, mỗi dân tộc. Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

*Về an ninh - quốc phòng:* tăng cường sức mạnh bảo vệ tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, thực hiện tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn - xã hội. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng trên từng địa bàn. Tăng cường quan hệ nhân dân, tạo thế trận quốc phòng toàn dân trong vùng đồng bào dân tộc sinh sống.

Như vậy, chính sách dân tộc của đảng và nhà nước ta mang tính chất toàn diện, tổng hợp, bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, liên quan đến mỗi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc trong cộng đồng quốc gia

Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta mang tính cách mạng và tiên bộ đồng thời còn mang tính nhân văn sâu sắc, không bỏ sót bất kỳ dân tộc nào, không cho phép bất cứ tư tưởng kỳ thị, chia rẽ dân tộc nào; Đồng thời phát huy nội lực của mỗi dân tộc kết hợp với sự giúp đỡ có hiệu quả của các dân tộc anh em trong cả nước

**Trách nhiệm của sinh viên trong quá trình thực hiện củng cố khối đại đoàn kết dân tộc:**

Có thể thấy việc sinh viên có trách nhiệm trong việc củng cố và góp phần khối đại đoàn kết dân tộc là việc ý nghĩa hết sức to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước. Đây cũng được coi là tư tưởng cơ bản trong việc chiến đấu, chống giặc ngoại xâm, hình thành sức mạnh vững chắc, là một vấn đề sống của cách mạng :

+ Thứ nhất: ý thức luôn được rèn dũa, nâng cao đạo đức mỗi ngày: Tôi sẽ luôn đặt trách nhiệm và phẩm cách lên hàng đầu. Vì đối với một Đảng viên, việc đặt trách nhiệm và phẩm cách sẽ quyết định tất cả trong công trình phát triển đất nước ta. Luôn luôn trau dồi phẩm chất tư cách, hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và chính quyền giao phó. Sống hết lòng hết sức vì dân và Đảng, đối xử hoà đồng, tự nguyện phục vụ cho xã hội.

+ Thứ hai: ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với công việc nghề nghiệp của mình. Tôi sẽ luôn tham gia các hoạt động chuyên môn của nhà trường cũng như và Ngành tôi đang theo đuổi. Tôi sẽ cố gắng hết sức trong việc học của mình, luôn luôn hoàn thành bài tập và nhiệm vụ đã được giao trước đó. Sẽ cống hiến hết mình cho nghề nghiệp của mình.

+ Thứ ba: sống chính trực, trung thực, dám đứng lên làm chứng, bảo vệ cho những điều đúng đắn, bảo vệ đường lối chính sách, quan niệm của Đảng Cộng Sản. Luôn yêu thương người khó khăn hơn mình, sống ngay thẳng, khiêm tốn trong mọi việc. Không đua theo thành tích trước mắt, không giấu diếm, bảo vệ công lý, không ngại đưa ra khuyết điểm của mình.

+ Thứ tư: Trong tiềm thức mỗi người phải luôn in sâu về việc giữ gìn đoàn kết cơ quan nhà nước cũng như cơ quan đơn vị. Luôn khen thưởng những Đảng viên có thành tích xuất sắc trước công chúng. Đề cao ý thức trách nhiệm công việc cũng như trong cuộc sống.

+ Thứ năm: ý thức tổ chức, kỷ luật, tự phê bình và phê bình theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

+ Đối với bản thân của mỗi người sinh viên phải tự đặt mình và người khác trong một tổ chức. Làm việc gì cũng phải nghĩ đến hậu quả và pháp luật. Đề cao ý thức của mỗi người trong công cuộc xây dựng đất nước. Không chia bè chia phái, lôi kéo người khác làm những việc trái pháp luật

+ Có ý thức coi trọng tự phê bình và phê bình bản thân. Là người sinh viên, tôi phải luôn cố gắng hết sức mình trong mọi việc, nhất là trong công cuộc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Luôn tự kiểm điểm bản thân trong mọi việc Thực hiện tốt nhiệm vụ của trường và Đảng đưa ra. Còn điều sai sót, trong tương lai tôi sẽ cố gắng hơn để góp phần xây dựng Đảng ta

**e. Trình bày nguồn gốc và bản chất của tôn giáo. Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc phòng, chống âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở nước ta hiện nay?**

Tôn giáo theo quy định được hiểu là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức

**- Nguồn gốc của tôn giáo:**

+ *Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế - xã hội:*

Trong xã hội cộng sản nguyên thủy, do trình độ lực lượng sản xuất thấp kém con người cảm thấy yếu đuối và bất lực trước thiên nhiên rộng lớn và bí ẩn, vì vậy, họ đã gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực to lớn, thần thánh hóa những sức mạnh đó. Từ đó, họ xây dựng nên những biểu tượng tôn giáo để thờ cúng.

Khi xã hội phân chia thành giai cấp đối kháng, con người cảm thấy bất lực trước sức mạnh của thế lực giai cấp thống trị. Họ không giải thích được nguồn gốc của sự phân hóa giai cấp và áp bức, bóc lột, tội ác, v.v... tất cả họ quy về số phận và định mệnh. Từ đó, họ đã thần thánh hóa một số người thành những thần tượng có khả năng chi phối suy nghĩ và hành động người khác mà sinh ra tôn giáo.

Như vậy, sự yếu kém về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, sự bần cùng về kinh tế, áp bức về chính trị, bất lực trước những bất công của xã hội là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo.

+ *Nguồn gốc nhận thức:*

Ở những giai đoạn lịch sử nhất định, nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và bản thân mình còn có giới hạn. Mặt khác, trong tự nhiên và xã hội có nhiều điều khoa học chưa khám phá và giải thích được nên con người lại tìm đến với tôn giáo.

Sự nhận thức của con người có khi xa rời hiện thực, thiếu khách quan dễ rơi vào ảo tưởng, thần thánh hóa đối tượng.

+ *Nguồn gốc tâm lý:*

Do sự sợ hãi, lo âu của con người trước sức mạnh của tự nhiên và xã hội mà dẫn đến việc sinh ra tôn giáo. Các nhà duy vật cổ đại thường đưa ra luận điểm “sự sợ hãi sinh ra tôn giáo”. V.I. Lênin cũng cho rằng, sợ hãi trước thế lực mù quáng của tư bản..., sự phá sản “đột ngột” “bất ngờ”, “ngẫu nhiên”, làm họ bị diệt vong..., dồn họ vào cảnh chết đói, đó chính là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo hiện đại. Ngay cả

những tâm lý tích cực như lòng biết ơn, sự kính trọng cũng có khi được thể hiện qua tôn giáo.

**- Bản chất của tôn giáo:**

+ *Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan.* Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên và xã hội trở thành siêu nhiên, thần bí... Ph.Ăngghen cho rằng: "... tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế"

+ *Tôn giáo là một thực thể xã hội – các tôn giáo cụ thể* (ví dụ: Công Giáo, Tin lành, Phật giáo...), với các tiêu chí cơ bản sau: có niềm tin sâu sắc vào đấng siêu nhiên, đấng tối cao, thần linh để tôn thờ (niềm tin tôn giáo); có hệ thống giáo thuyết (giáo lý, giáo luật, lễ nghi) phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan, đạo đức, lễ nghi của tôn giáo; có hệ thống cơ sở thờ tự; có tổ chức nhân sự, quản lý điều hành việc đạo (người hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp hay không chuyên nghiệp); có hệ thống tín đồ đông đảo, những người tự nguyện tin theo một tôn giáo nào đó, và được tôn giáo đó thừa nhận.

+ *Tôn giáo là một hiện tượng xã hội - văn hoá do con người sáng tạo ra.* Con người sáng tạo ra tôn giáo vì mục đích, lợi ích của họ, phản ánh những ước mơ, nguyện vọng, suy nghĩ của họ. Nhưng, sáng tạo ra tôn giáo, con người lại bị lệ thuộc vào tôn giáo, tuyệt đối hoá và phục tùng tôn giáo vô điều kiện. Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng cho rằng, sản xuất vật chất và các quan hệ kinh tế, xét đến cùng là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các hình thái ý thức xã hội, trong đó có tôn giáo.

+ *Tôn giáo và tín ngưỡng không đồng nhất, nhưng có giao thoa nhất định.* Tín ngưỡng là hệ thống những niềm tin, sự ngưỡng mộ, cũng như cách thức thể hiện niềm tin của con người trước các sự vật, hiện tượng, lực lượng có tính thần thánh, linh thiêng để cầu mong sự che chở, giúp đỡ. Có nhiều loại hình tín ngưỡng khác nhau như: tín ngưỡng Thờ cúng tổ tiên; tín ngưỡng Thờ anh hùng dân tộc; tín ngưỡng Thờ Mẫu...

+ *Về phương diện thế giới quan, các tôn giáo mang thế giới quan duy tâm, có sự khác biệt với thế giới quan duy vật biện chứng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin.* Trong những điều kiện cụ thể của xã hội, những người cộng sản và những người có tín ngưỡng tôn giáo có thể cùng nhau xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn ở thế giới

hiện thực. Xã hội ấy chính là xã hội mà quần chúng tín đồ cũng từng mơ ước và phản ánh nó qua một số tôn giáo.

**Trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc phòng, chống âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở nước ta hiện nay**

- Nhận thức đúng cuộc đấu tranh chống lại các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá CMVN là cuộc đấu tranh phức tạp, quyết liệt và lâu dài. Các thế lực thù địch vô cùng thủ đoạn, gian xảo, mà hiện nay chúng đang nhắm tới các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; lợi dụng, lừa gạt học sinh, sinh viên – những người năng động, sáng tạo, mong muốn cống hiến cho đất nước nhưng chưa có nhiều trải nghiệm. Do đó chúng ta cần phải tích cực cảnh giác, tích cực đấu tranh với những hành động sai trái của các thành phần biến chất.

- Sống hòa đồng, không phân biệt vùng miền, dân tộc, tôn giáo với các bạn cùng trang lứa cũng như mọi người xung quanh, nhằm giúp vững mạnh khối đoàn kết dân tộc.

- Quan tâm, nắm rõ tình hình thời thế của Đất nước cũng như Thế giới về nhiều mặt đời sống-xã hội.

- Tích cực học tập, nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt, nắm vững kiến thức tôn giáo nhận thức rõ âm mưu thủ đoạn hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam của chủ nghĩa đế quốc và thế lực thù địch

- Tham gia các hoạt động tuyên truyền của nhà trường cũng như của ngành trao dồi bản thân thành người tích cực lạc quan sống chính trực có quan điểm và nhận thức đúng đắn đối với những vấn đề nhạy cảm của xã hội. Biết chắc lọc thông tin chính thống và hành động chuẩn mực, không gây gổ, ủng hộ những điều đi ngược lại tư tưởng và hệ thống chính trị của đảng và nhà nước

- Ra sức tuyên truyền quán triệt quan điểm chính sách dân tộc tôn giáo của đảng nhà nước về âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của thế lực thù địch cho toàn dân. Đây là giải pháp đầu tiên rất quan trọng. Chỉ trên cơ sở nâng cao nhận thức tư tưởng của hệ chính trị của toàn dân mà trực tiếp là đồng bào các dân tộc giáo về các nội dung trên, thì chúng ta mới thực hiện tốt chính sách dân tộc tôn giáo vô hiệu hóa được sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo của các thế lực thù địch.

- Nội dung tuyên truyền giáo dục phải mang tính toàn diện tổng hợp. Hiện nay cần tập trung vào phổ biến sâu rộng các chủ trương chính sách phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc tôn giáo, chính sách dân tộc, tôn giáo cho đồng bào các dân tộc, tôn giáo. Phổ biến pháp luật và giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của nhà nước. Khơi dậy lòng tự tôn, tự hào dân tộc, truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc

- Thường xuyên tuyên truyền giáo dục để đồng bào hiểu rõ âm mưu thủ đoạn chia rẽ dân tộc, tôn giáo, các thế lực thù địch, để đồng bào đề cao cảnh giác không bị chúng lợi dụng lôi kéo lừa gạt



**f. Phân tích nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo của chủ nghĩa Marx - Lenin trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Hiện nay, sinh viên cần phải làm gì để phân biệt được hai mặt chính trị và tư tưởng trong tôn giáo nhằm tránh sự lợi dụng của các thế lực thù địch? (giống câu e và câu g)**

Tôn giáo theo quy định được hiểu là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức

Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH:

*- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.*

Tín ngưỡng tôn giáo là niềm tin sâu sắc của quần chúng vào đáng tối cao, đáng thiêng liêng nào đó mà họ tôn thờ, thuộc lĩnh vực ý thức tư tưởng. Do đó, tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng thuộc quyền tự do tư tưởng của nhân dân. Quyền này nói lên rằng việc theo đạo đổi đạo, hay không theo đạo là thuộc quyền tự do lựa chọn của mỗi người dân, không một cá nhân, tổ chức nào kể cả những chức sắc tôn giáo, tổ chức hội giáo... được quyền can thiệp vào sự lựa chọn này. Mọi hành vi cấm đoán, ngăn cản tự do theo đạo, đổi đạo, bỏ đạo hay đe dọa, bắt buộc người dân phải theo đạo đều xâm phạm đến quyền tự do tư tưởng của họ.

Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng cũng chính là tôn trọng quyền con người, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa không can thiệp và không cho bất cứ ai can thiệp, xâm phạm đến quyền tự do tín ngưỡng, quyền lựa chọn theo hay không theo tôn giáo của nhân dân. Các tôn giáo và hoạt động tôn giáo bình thường, các cơ sở thờ tự, các các phương tiện phục vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng của người dân được nhà nước Xã hội chủ nghĩa tôn trọng và bảo hộ.

*- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.*

Nguyên tắc này để khẳng định chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ hướng vào việc giải quyết những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo đối với quần chúng nhân dân mà không chủ trương can thiệp vào công việc nội bộ của các tôn giáo.

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng, muốn thay đổi ý thức xã hội, trước hết cần phải thay đổi bản thân tồn tại xã hội; muốn xóa bỏ ảo tưởng này sinh trong tư tưởng con người, phải xóa bỏ nguồn gốc sinh ra ảo tưởng ấy. Điều cần thiết trước hết là phải xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói và thất học... cũng như những tệ nạn nảy sinh trong xã hội. Đó là một quá trình lâu dài,

và không thể thực hiện được nếu tách rời việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

*- Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng, tín ngưỡng tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo.*

Trong xã hội công xã nguyên thủy, tín ngưỡng, tôn giáo chỉ biểu hiện thuần túy về tư tưởng. Nhưng khi xã hội đã xuất hiện giai cấp thì dấu ấn giai cấp –chính trị ít nhiều đều in rõ trong các tôn giáo. Từ đó, hai mặt chính trị và tư tưởng thường thể hiện và có mối quan hệ với nhau trong vấn đề tôn giáo và bản thân mỗi tôn giáo.

Mặt chính trị phản ánh mối quan hệ giữa tiến bộ và phản tiến bộ, phản ánh mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế chính trị giữa các giai cấp, mâu thuẫn giữa những thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng với lợi ích nhân dân lao động. Mặt tư tưởng biểu hiện sự khác nhau về niềm tin, mức độ tin tưởng giữa những người có tín ngưỡng tôn giáo và những người không theo tôn giáo, cũng như những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, phản ánh mâu thuẫn không mang tính đối kháng.

Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo thực chất là phân biệt tính chất khác nhau của hai loại mâu thuẫn luôn tồn tại trong bản thân tôn giáo và trong vấn đề tôn giáo. Sự phân biệt này, trong thực tế không đơn giản, bởi lẽ, trong đời sống xã hội, hiện tượng nhiều khi phản ánh sai lệch bản chất, mà vấn đề chính trị và tư tưởng trong tôn giáo thường đan xen vào nhau. Mặt khác, trong xã hội có đối kháng giai cấp, tôn giáo thường bị yếu tố chính trị chi phối rất sâu sắc, nên khó nhận biết vấn đề chính trị hay tư tưởng thuần túy trong tôn giáo. Việc phân biệt hai mặt này là cần thiết nhằm tránh khuynh hướng cực đoan trong quá trình quản lý, ứng xử những vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

*- Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo*

Tôn giáo không phải là một hiện tượng xã hội bất biến, ngược lại, nó luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng tùy thuộc vào những điều kiện kinh tế - xã hội - lịch sử cụ thể. Mỗi tôn giáo đều có lịch sử hình thành, có quá trình tồn tại và phát triển nhất định. Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội không giống nhau. Quan điểm, thái độ của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về những lĩnh vực của đời sống xã hội luôn có sự khác biệt. Vì vậy, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo và đối với từng tôn giáo cụ thể.

## **Để phân biệt được hai mặt chính trị và tư tưởng trong tôn giáo nhằm tránh sự lợi dụng của các thế lực thù địch**

- Nhận thức đúng cuộc đấu tranh chống lại các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá CMVN là cuộc đấu tranh phức tạp, quyết liệt và lâu dài. Các thế lực thù địch vô cùng thủ đoạn, gian xảo, mà hiện nay chúng đang nhắm tới các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; lợi dụng, lừa gạt học sinh, sinh viên – những người năng động, sáng tạo, mong muốn cống hiến cho đất nước nhưng chưa có nhiều trải nghiệm. Do đó chúng ta cần phải tích cực cảnh giác, tích cực đấu tranh với những hành động sai trái của các thành phần biến chất.

- Sống hòa đồng, không phân biệt vùng miền, dân tộc, tôn giáo với các bạn cùng trang lứa cũng như mọi người xung quanh, nhằm giúp vững mạnh khối đoàn kết dân tộc.

- Quan tâm, nắm rõ tình hình thời thế của Đất nước cũng như Thế giới về nhiều mặt đời sống-xã hội.

- Tích cực học tập, nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt, nắm vững kiến thức tôn giáo nhận thức rõ âm mưu thủ đoạn hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam của chủ nghĩa đế quốc và thế lực thù địch

- Tham gia các hoạt động tuyên truyền của nhà trường cũng như của ngành trao dồi bản thân thành người tích cực lạc quan sống chính trực có quan điểm và nhận thức đúng đắn đối với những vấn đề nhạy cảm của xã hội. Biết chắt lọc thông tin chính thống và hành động chuẩn mực, không gây gổ, ủng hộ những điều đi ngược lại tư tưởng và hệ thống chính trị của đảng và nhà nước

- Ra sức tuyên truyền quán triệt quan điểm chính sách dân tộc tôn giáo của đảng nhà nước về âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của thế lực thù địch cho toàn dân. Đây là giải pháp đầu tiên rất quan trọng. Chỉ trên cơ sở nâng cao nhận thức tư tưởng của hệ chính trị của toàn dân mà trực tiếp là đồng bào các dân tộc giáo về các nội dung trên, thì chúng ta mới thực hiện tốt chính sách dân tộc tôn giáo vô hiệu hóa được sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo của các thế lực thù địch.

- Nội dung tuyên truyền giáo dục phải mang tính toàn diện tổng hợp. Hiện nay cần tập trung vào phổ biến sâu rộng các chủ trương chính sách phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc tôn giáo, chính sách dân tộc, tôn giáo cho đồng bào các dân tộc, tôn giáo. Phổ biến pháp luật và giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của nhà nước.

Khơi dậy lòng tự tôn, tự hào dân tộc, truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc

- Thường xuyên tuyên truyền giáo dục để đồng bào hiểu rõ âm mưu thủ đoạn chia rẽ dân tộc, tôn giáo, các thế lực thù địch, để đồng bào đề cao cảnh giác không bị chúng lợi dụng lời kéo lừa gạt

**g. Phân tích chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam hiện nay. Sinh viên cần phải làm gì để đấu tranh chống lại các hoạt động lợi dụng vấn đề tôn giáo vì mục đích chính trị?**

Tôn giáo theo quy định được hiểu là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức

**Phân tích chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam hiện nay**

+ *Một là:* Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận Nhân dân đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật (quan điểm này khẳng định đồng bào có đạo đi theo CNXH, dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN vẫn yên tâm giữ đạo, xây dựng CNXH không đồng nghĩa với việc xóa đạo)

+ *Hai là:* Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc, không phân biệt đối xử vì lý do Tín ngưỡng, tôn giáo (các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, đoàn kết đồng bào các tôn giáo khác nhau và đồng bào không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do Tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời nghiêm cấm lợi dụng Tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động gây chia rẽ Nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia

+ *Ba là:* Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng:

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo nhằm động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đảm bảo lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo

Đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa vùng đồng bào theo các tôn giáo, nhằm nâng cao trình độ, đời sống mọi mặt cho đồng bào, làm cho quần chúng nhân dân nhận thức đầy đủ, đúng đắn đường lối, chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước, tích cực, nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật, trong đó có chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

+ *Bốn là:* Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị

Nước ta có hàng triệu tín đồ, chức sắc nhà tu hành của các tôn giáo phân bố ở mọi vùng miền, địa phương của cả nước vì vậy công tác tôn giáo liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Do đó, làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, MTTQ và các đoàn thể vận động....

+ *Năm là:* Vấn đề theo đạo và truyền đạo

- Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật và được pháp luật bảo hộ.

- Việc truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo.

- Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật

**Để đấu tranh chống lại các hoạt động lợi dụng vấn đề tôn giáo vì mục đích chính trị**

- Nhận thức đúng cuộc đấu tranh chống lại các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá CMVN là cuộc đấu tranh phức tạp, quyết liệt và lâu dài. Các thế lực thù địch vô cùng thủ đoạn, gian xảo, mà hiện nay chúng đang nhắm tới các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; lợi dụng, lừa gạt học sinh, sinh viên – những người năng động, sáng tạo, mong muốn cống hiến cho đất nước nhưng chưa có nhiều trải nghiệm. Do đó chúng ta cần phải tích cực cảnh giác, tích cực đấu tranh với những hành động sai trái của các thành phần biến chất.

- Sống hòa đồng, không phân biệt vùng miền, dân tộc, tôn giáo với các bạn cùng trang lứa cũng như mọi người xung quanh, nhằm giúp vững mạnh khối đoàn kết dân tộc.

- Quan tâm, nắm rõ tình hình thời thế của Đất nước cũng như Thế giới về nhiều mặt đời sống-xã hội.

- Tích cực học tập, nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt, nắm vững kiến thức tôn giáo nhận thức rõ âm mưu thủ đoạn hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam của chủ nghĩa đế quốc và thế lực thù địch

- Tham gia các hoạt động tuyên truyền của nhà trường cũng như của ngành trao dồi bản thân thành người tích cực lạc quan sống chính trực có quan điểm và nhận thức đúng đắn đối với những vấn đề nhạy cảm của xã hội. Biết chắc lọc thông tin chính thống và hành động chuẩn mực, không gây gổ, ủng hộ những điều đi ngược lại tư tưởng và hệ thống chính trị của đảng và nhà nước

- Ra sức tuyên truyền quán triệt quan điểm chính sách dân tộc tôn giáo của đảng nhà nước về âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của thế lực thù địch cho toàn dân. Đây là giải pháp đầu tiên rất quan trọng. Chỉ trên cơ sở nâng cao nhận thức tư tưởng của hệ chính trị của toàn dân mà trực tiếp là đồng bào các dân tộc giáo về các nội dung trên, thì chúng ta mới thực hiện tốt chính sách dân tộc tôn giáo vô hiệu hóa được sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo của các thế lực thù địch.

- Nội dung tuyên truyền giáo dục phải mang tính toàn diện tổng hợp. Hiện nay cần tập trung vào phổ biến sâu rộng các chủ trương chính sách phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc tôn giáo, chính sách dân tộc, tôn giáo cho đồng bào các dân tộc, tôn giáo. Phổ biến pháp luật và giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của nhà nước. Khơi dậy lòng tự tôn, tự hào dân tộc, truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc

- Thường xuyên tuyên truyền giáo dục để đồng bào hiểu rõ âm mưu thủ đoạn chia rẽ dân tộc, tôn giáo, các thế lực thù địch, để đồng bào đề cao cảnh giác không bị chúng lợi dụng lôi kéo lừa gạt

**h. Phân tích đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam? Những đóng góp nổi bật của các tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tại địa phương đang sinh sống hiện nay.**

Tôn giáo theo quy định được hiểu là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức

**Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam:**

*- Thứ nhất: Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo*

Nước ta hiện nay có 13 tôn giáo đã được công nhận tư cách pháp nhân (Phật giáo, Công Giáo, Hồi giáo, Tin lành, Cao Đài, Phật Giáo Hòa Hảo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương, Baha'i, Minh Lý đạo -Tam Tông miếu, Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư Đạo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội, Bà la môn) và trên 40 tổ chức tôn giáo đã được công nhận về mặt tổ chức hoặc đã đăng ký hoạt động với khoảng 24 triệu tín đồ, 95.000 chức sắc, 200.000 chức việc và hơn 23.250 cơ sở thờ tự<sup>1</sup>. Các tổ chức tôn giáo có nhiều hình thức tồn tại khác nhau. Có tôn giáo du nhập từ bên ngoài, với những thời điểm, hoàn cảnh khác nhau, như Phật giáo, Công Giáo, Tin lành, Høigiao; có tôn giáo nội sinh, như Cao Đài, Hòa Hảo.

*- Thứ hai: Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo*

Việt Nam là nơi giao lưu của nhiều luồng văn hóa thế giới. Các tôn giáo ở Việt Nam có sự đa dạng về nguồn gốc và truyền thống lịch sử. Mỗi tôn giáo ở Việt Nam có quá trình lịch sử tồn tại và phát triển khác nhau, nên sự gắn bó với dân tộc cũng khác nhau. Tín đồ của các tôn giáo khác nhau cùng chung sống hòa bình trên một địa bàn, giữa họ có sự tôn trọng niềm tin của nhau và chưa từng xảy ra xung đột, chiến tranh tôn giáo. Thực tế cho thấy, không có một tôn giáo nào du nhập vào Việt Nam mà không mang dấu ấn, không chịu ảnh hưởng bản sắc dân tộc Việt Nam.

*- Thứ ba: Tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc*

Tín đồ các tôn giáo Việt Nam có thành phần rất đa dạng, chủ yếu là người lao động... Đa số tín đồ các tôn giáo đều có tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm, tôn trọng công lý, gắn bó với dân tộc, đi theo Đảng, theo cách mạng, hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Trong các giai đoạn lịch sử, tín đồ các tôn giáo cùng với các tầng lớp nhân dân làm nên những thắng lợi to lớn, vẻ vang của dân tộc và có ước vọng sống “tốt đời, đẹp đạo”.



*- Thứ tư: Hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ*

Chức sắc tôn giáo là tín đồ có chức vụ, phẩm sắc trong tôn giáo, họ tự nguyện thực hiện thường xuyên nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật của tôn giáo mà mình tin theo. Về mặt tôn giáo, chức năng của họ là truyền bá, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi, quản lý tổ chức của tôn giáo, duy trì, củng cố, phát triển tôn giáo, chuyên chăm lo đến đời sống tâm linh của tín đồ. Trong giai đoạn hiện nay, hàng ngũ chức sắc các tôn giáo ở Việt Nam luôn chịu sự tác động của tình hình chính trị - xã hội trong và ngoài nước, nhưng nhìn chung xu hướng tiến bộ trong hàng ngũ chức sắc ngày càng phát triển.

*- Thứ năm: Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài*

Nhìn chung các tôn giáo ở nước ta, không chỉ các tôn giáo ngoại nhập, mà cả các tôn giáo nội sinh đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài hoặc các tổ chức tôn giáo quốc tế. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Đây chính là điều kiện gián tiếp củng cố và phát sinh mối quan hệ giữa các tôn giáo Việt Nam với tôn giáo ở các nước trên thế giới. Vì vậy, việc giải quyết vấn đề tôn giáo ở Việt Nam phải đảm bảo kết hợp giữa mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế với việc bảo đảm độc lập, chủ quyền, không để cho kẻ địch lợi dụng dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo để chống phá, can thiệp vào công việc nội bộ của Nhà nước Việt Nam

*- Thứ sáu: Tôn giáo ở Việt Nam thường bị các thế lực phản động lợi dụng*

Trong những năm trước đây cũng như giai đoạn hiện nay, các thế lực thực dân, đế quốc luôn chú ý ủng hộ, tiếp tay cho các đối tượng phản động ở trong nước lợi dụng tôn giáo để thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” đối với nước ta. Lợi dụng đường lối đổi mới, mở rộng dân chủ của Đảng và Nhà nước ta, các thế lực thù địch bên ngoài thúc đẩy các hoạt động tôn giáo, tập hợp tín đồ, tạo thành một lực lượng để cạnh tranh ảnh hưởng và làm đối trọng với Đảng Cộng sản, đấu tranh đòi hoạt động của tôn giáo thoát ly khỏi sự quản lý của Nhà nước; tìm mọi cách quốc tế hóa “vấn đề tôn giáo” ở Việt Nam để vu cáo Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo.

**Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc**

Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Nhà nước xã hội chủ nghĩa, một mặt, nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ, phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo; mặt khác, thông qua quá trình vận động quần chúng nhân dân tham gia lao động sản xuất, hoạt động xã hội thực tiễn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ kiến thức... để tăng cường sự đoàn kết vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, để cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo, đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia

### **Những đóng góp nổi bật của các tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tại địa phương đang sinh sống hiện nay.**

Những năm qua, các tôn giáo đã cùng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc các cấp và toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh; nhất là, chăm lo cho người nghèo, người có công với nước, người già cô đơn, trẻ mồ côi, khuyết tật, xây dựng Nhà Tình thương, Nhà Đại đoàn kết; chăm lo giúp đỡ người bị bệnh phong, nhiễm và ảnh hưởng HIV/AIDS, cứu trợ thiên tai, tai nạn, v.v.

Các tổ chức tôn giáo còn tham gia tích cực vào hoạt động dạy nghề. Giáo hội Công giáo Việt Nam đã mở một số trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề. Phát huy truyền thống đạo lý của dân tộc Việt Nam, đồng bào các tôn giáo luôn đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong việc thực hiện các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Lá lành đùm lá rách” và tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo. Nhiều chức sắc, nhà tu hành, tín đồ đã có thành tích xuất sắc trong các phong trào: Xây dựng nhà tình nghĩa, Nhà tình thương, Nhà đại đoàn kết, chăm sóc Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, v.v

## **Bài: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH**

### **a. Phân tích vị trí của gia đình trong xã hội. Cần làm gì để xây dựng gia đình VN tiến bộ, hạnh phúc?**

*Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.*

#### **Vị trí của gia đình trong xã hội**

*Gia đình là tế bào của xã hội:*

Gia đình có vai trò quyết định đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội. Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: “Theo quan điểm duy vật thì nhân tố quyết định trong lịch sử, quy cho đến cùng, là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp. Nhưng bản thân sự sản xuất đó lại có hai loại. Một mặt là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt: thực phẩm, quần áo, nhà ở và những công cụ cần thiết để sản xuất ra những thứ đó; mặt khác là sự sản xuất ra bản thân con người, là sự truyền nòi giống. Những trật tự xã hội, trong đó những con người của một thời đại lịch sử nhất định và của một nước nhất định đang sống, là do hai loại sản xuất quyết định: một mặt là do trình độ phát triển của lao động và mặt khác là do trình độ phát triển của gia đình”

Trong các xã hội dựa trên cơ sở của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, sự bất bình đẳng trong quan hệ xã hội và quan hệ gia đình đã hạn chế rất lớn đến sự tác động của gia đình đối với xã hội. Chỉ khi con người được yên ấm, hòa thuận trong gia đình, thì mới có thể yên tâm lao động, sáng tạo và đóng góp sức mình cho xã hội và ngược lại. Chính vì vậy, quan tâm xây dựng quan hệ xã hội, quan hệ gia đình bình đẳng, hạnh phúc là vấn đề hết sức quan trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

*Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên*

Từ khi còn nằm trong bụng mẹ, đến lúc lọt lòng và suốt cả cuộc đời, mỗi cá nhân đều gắn bó chặt chẽ với gia đình. Gia đình là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân được yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, trưởng thành, phát triển. Sự yên ổn, hạnh phúc của mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội. Chỉ trong môi trường yên ấm của gia đình, cá nhân mới cảm thấy bình yên, hạnh phúc, có động lực để phấn đấu trở thành con người xã hội tốt.

*Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội*

Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên mà mỗi cá nhân sinh sống, có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của từng người. Chỉ trong gia đình, mới thể hiện được quan hệ tình cảm thiêng liêng, sâu đậm giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái, anh chị em với nhau mà không cộng đồng nào có được và có thể thay thế.

Gia đình cũng là một trong những cộng đồng để xã hội tác động đến cá nhân. Nhiều thông tin, hiện tượng của xã hội thông qua lăng kính gia đình mà tác động tích cực hoặc tiêu cực đến sự phát triển của mỗi cá nhân về tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách v.v... Xã hội nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn về mỗi cá nhân khi xem xét họ trong các quan hệ xã hội và quan hệ với gia đình. Có những vấn đề quản lý xã hội phải thông qua hoạt động của gia đình để tác động đến cá nhân. Nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi cá nhân được thực hiện với sự hợp tác của các thành viên trong gia đình. Chính vì vậy, ở bất cứ xã hội nào, giai cấp cầm quyền muốn quản lý xã hội theo yêu cầu của mình, cũng đều coi trọng việc xây dựng và củng cố gia đình. Vậy nên, đặc điểm của gia đình ở mỗi chế độ xã hội có khác nhau.

### **Để xây dựng gia đình VN tiến bộ hạnh phúc**

Xây dựng gia đình tiến bộ phải gắn liền với kế hoạch hóa gia đình, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em, nâng cao chất lượng của cuộc sống gia đình, đồng thời gia đình biết tạo môi trường văn hóa để cho các mối quan hệ bên trong, bên ngoài ngày càng tốt đẹp hơn. Sự tiến bộ của gia đình phải gắn liền với truyền thống dân tộc “tương thân, tương ái”, chia sẻ ngọt bùi, giúp đỡ nhau lúc hoạn nạn, khó khăn. Mọi thành viên phải được đảm bảo các nhu cầu về đời sống vật chất và tinh thần, được hưởng bầu không khí cởi mở, đầy tình thương yêu, đùm bọc và giúp đỡ lẫn nhau. Mọi thành viên trong gia đình phải có sự thống nhất quan niệm về cuộc sống gia đình, tự giác thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trước gia đình, người thân và xã hội. Trong gia đình, các thành viên luôn yêu thương, tôn trọng nhau lẫn nhau và chung sống hòa thuận, các mối quan hệ được thực hiện dựa trên các chuẩn mực văn hóa, pháp lý và đạo đức.

Kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình truyền thống trong việc xây dựng gia đình Việt Nam hiện đại là yêu cầu cần thiết và có ý nghĩa, góp phần vào mục tiêu chung là xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hướng tới hình thành con người mới Việt Nam với những đặc tính cao đẹp và tiến bộ.

**b. Phân tích chức năng cơ bản của gia đình. Để xây dựng gia đình tiến bộ, sinh viên có trách nhiệm như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội?**

*Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.*

**Chức năng cơ bản của gia đình**

*Chức năng tái sản xuất ra con người*

Đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế. Chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ mà còn đáp ứng nhu cầu về sức lao động và duy trì sự trường tồn của xã hội.

Việc thực hiện chức năng tái sản xuất ra con người diễn ra trong từng gia đình, nhưng không chỉ là việc riêng của gia đình mà là vấn đề xã hội. Bởi vì, thực hiện chức năng này quyết định đến mật độ dân cư và nguồn lực lao động của một quốc gia và quốc tế, một yếu tố cấu thành của tồn tại xã hội. Thực hiện chức năng này liên quan chặt chẽ đến sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. Vì vậy, tùy theo từng nơi, phụ thuộc vào nhu cầu của xã hội, chức năng này được thực hiện theo xu hướng hạn chế hay khuyến khích. Trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ảnh hưởng đến chất lượng nguồn lực lao động mà gia đình cung cấp

*Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục*

Bên cạnh chức năng tái sản xuất ra con người, gia đình còn có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trở thành người có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ với con cái, đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình với xã hội. Thực hiện chức năng này, gia đình có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của mỗi người. Bởi vì, ngay khi sinh ra, trước tiên mỗi người đều chịu sự giáo dục trực tiếp của cha mẹ và người thân trong gia đình. Những hiểu biết đầu tiên, mà gia đình đem lại thường để lại dấu ấn sâu đậm và bền vững trong cuộc đời mỗi người.

Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục có ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đến cuộc đời của mỗi thành viên, từ lúc lọt lòng cho đến khi trưởng thành và tuổi già. Mỗi thành viên trong gia đình đều có vị trí, vai trò nhất định, vừa là chủ thể vừa là khách thể trong việc nuôi dưỡng, giáo dục của gia đình. Đây là chức năng hết sức quan trọng,

mặc dù, trong xã hội có nhiều cộng đồng khác (nhà trường, các đoàn thể, chính quyền v.v..) cũng thực hiện chức năng này, nhưng không thể thay thế chức năng giáo dục của gia đình. Với chức năng này, gia đình góp phần to lớn vào việc đào tạo thế hệ trẻ, thế hệ tương lai của xã hội, cung cấp và nâng cao chất lượng nguồn lao động để duy trì sự trường tồn của xã hội, đồng thời mỗi cá nhân từng bước được xã hội hóa.

Thực hiện tốt chức năng nuôi dưỡng, giáo dục, đòi hỏi mỗi người làm cha, làm mẹ phải có kiến thức cơ bản, tương đối toàn diện về mọi mặt, văn hóa, học vấn, đặc biệt là phương pháp giáo dục.

### *Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng*

Cũng như các đơn vị kinh tế khác, gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Tuy nhiên, đặc thù của gia đình mà các đơn vị kinh tế khác không có được, là ở chỗ, gia đình là đơn vị duy nhất tham gia vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động cho xã hội.

Gia đình không chỉ tham gia trực tiếp vào sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất và sức lao động, mà còn là một đơn vị tiêu dùng trong xã hội. Gia đình thực hiện chức năng tổ chức tiêu dùng hàng hóa để duy trì đời sống của gia đình về lao động sản xuất cũng như các sinh hoạt trong gia đình. Đó là việc sử dụng hợp lý các khoản thu nhập của các thành viên trong gia đình vào việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên cùng với việc sử dụng quỹ thời gian nhàn rỗi để tạo ra một môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhằm nâng cao sức khỏe, đồng thời để duy trì sở thích, sắc thái riêng của mỗi người

Thực hiện tốt chức năng này, không những tạo cho gia đình có cơ sở để tổ chức tốt đời sống, nuôi dạy con cái, mà còn đóng góp to lớn đối với sự phát triển của xã hội.

### *Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình*

Đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em. Sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vừa là nhu cầu tình cảm vừa là trách nhiệm, đạo lý, lương tâm của mỗi người. Do vậy, gia đình là chỗ dựa tình cảm cho mỗi cá nhân, là nơi nương tựa về mặt tinh thần chứ không chỉ là nơi nương tựa về vật chất của con người. Với việc duy trì tình cảm giữa các thành viên, gia đình có ý nghĩa quyết

định đến sự ổn định và phát triển của xã hội. Khi quan hệ tình cảm gia đình rạn nứt, quan hệ tình cảm trong xã hội cũng có nguy cơ bị phá vỡ.

Ngoài những chức năng trên, gia đình còn có chức năng văn hóa, chức năng chính trị... Với chức năng văn hóa, gia đình là nơi lưu giữ truyền thống văn hóa của dân tộc cũng như tộc người. Những phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa của cộng đồng được thực hiện trong gia đình. Gia đình không chỉ là nơi lưu giữ mà còn là nơi sáng tạo và thụ hưởng những giá trị văn hóa của xã hội. Với chức năng chính trị, gia đình là một tổ chức chính trị của xã hội, là nơi tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước và quy chế (hương ước) của làng xã và hưởng lợi từ hệ thống pháp luật, chính sách và quy chế đó. Gia đình là cầu nối của mối quan hệ giữa nhà nước với công dân

Để xây dựng gia đình VN tiến bộ hạnh phúc, sinh viên cần quan tâm, chăm sóc sức khỏe của bản thân và cả gia đình mình. Kêu gọi gia đình và tuyên truyền làm theo kế hoạch hóa gia đình, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em, nâng cao chất lượng của cuộc sống gia đình, đồng thời gia đình biết tạo môi trường văn hóa để cho các mối quan hệ bên trong, bên ngoài ngày càng tốt đẹp hơn. Sự tiến bộ của gia đình phải gắn liền với truyền thống dân tộc “tương thân, tương ái”, chia sẻ ngọt bùi, giúp đỡ nhau lúc hoạn nạn, khó khăn. Mọi thành viên phải được đảm bảo các nhu cầu về đời sống vật chất và tinh thần, được hưởng bầu không khí cởi mở, đầy tình thương yêu, đùm bọc và giúp đỡ lẫn nhau. Mọi thành viên trong gia đình phải có sự thống nhất quan niệm về cuộc sống gia đình, tự giác thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trước gia đình, người thân và xã hội. Trong gia đình, các thành viên luôn yêu thương, tôn trọng nhau lẫn nhau và chung sống hòa thuận, các mối quan hệ được thực hiện dựa trên các chuẩn mực văn hóa, pháp lý và đạo đức.

**c. Phân tích cơ sở xây dựng gia đình. Những phong tục lỗi thời, lạc hậu có ảnh hưởng như thế nào đến việc hôn nhân tiến bộ ở VN hiện nay. (Tảo hôn, bắt vợ, hôn nhân cận huyết)**

*Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.*

**Cơ sở xây dựng gia đình**

*Cơ sở kinh tế - xã hội*

Cơ sở kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất và tương ứng trình độ của lực lượng sản xuất là quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa. Cốt lõi của quan hệ sản xuất mới ấy là chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất từng bước hình thành và củng cố thay thế chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là xóa bỏ nguồn gốc gây nên tình trạng thống trị của người đàn ông trong gia đình, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ, giữa vợ và chồng, sự nô dịch đối với phụ nữ. Bởi vì sự thống trị của người đàn ông trong gia đình là kết quả sự thống trị của họ về kinh tế, sự thống trị đó tự nó sẽ tiêu tan khi sự thống trị về kinh tế của đàn ông không còn. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất đồng thời cũng là cơ sở để biến lao động tư nhân trong gia đình thành lao động xã hội trực tiếp, người phụ nữ dù tham gia lao động xã hội hay tham gia lao động gia đình thì lao động của họ đóng góp cho sự vận động và phát triển, tiến bộ của xã hội. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất cũng là cơ sở làm cho hôn nhân được thực hiện dựa trên cơ sở tình yêu chứ không phải vì lý do kinh tế, địa vị xã hội hay một sự tính toán nào khác.

*Cơ sở chính trị - xã hội*

Cơ sở chính trị để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là việc thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trong đó, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân lao động được thực hiện quyền lực của mình không có sự phân biệt giữa nam và nữ. Nhà nước cũng chính là công cụ xóa bỏ những luật lệ cũ kỹ, lạc hậu, đè nặng lên vai người phụ nữ đồng thời thực hiện việc giải phóng phụ nữ và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa với tính cách là cơ sở của việc xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thể hiện rõ nét nhất ở vai trò của hệ thống pháp



luật, trong đó có Luật Hôn nhân và Gia đình cùng với hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự bình đẳng giới, chính sách dân số, việc làm, y tế, bảo hiểm xã hội... Hệ thống pháp luật và chính sách xã hội đó vừa định hướng vừa thúc đẩy quá trình hình thành gia đình mới trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Chừng nào và ở đâu, hệ thống chính sách, pháp luật chưa hoàn thiện thì việc xây dựng gia đình và đảm bảo hạnh phúc gia đình còn hạn chế.

### *Cơ sở văn hóa*

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cùng với những biến đổi căn bản trong đời sống chính trị, kinh tế, thì đời sống văn hóa, tinh thần cũng không ngừng biến đổi. Những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân từng bước hình thành và dần dần giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội, đồng thời những yếu tố văn hóa, phong tục tập quán, lối sống lạc hậu do xã hội cũ để lại từng bước bị loại bỏ.

Sự phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ góp phần nâng cao trình độ dân trí, kiến thức khoa học và công nghệ của xã hội, đồng thời cũng cung cấp cho các thành viên trong gia đình kiến thức, nhận thức mới, làm nền tảng cho sự hình thành những giá trị, chuẩn mực mới, điều chỉnh các mối quan hệ gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thiếu đi cơ sở văn hóa, hoặc cơ sở văn hóa không đi liền với cơ sở kinh tế, chính trị, thì việc xây dựng gia đình sẽ lệch lạc, không đạt hiệu quả cao.

### *Chế độ hôn nhân tiến bộ*

#### *Hôn nhân tự nguyện*

Hôn nhân tiến bộ là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ. Tình yêu là khát vọng của con người trong mọi thời đại. Chừng nào, hôn nhân không được xây dựng trên cơ sở tình yêu thì chừng đó, trong hôn nhân, tình yêu, hạnh phúc gia đình sẽ bị hạn chế.

Hôn nhân xuất phát từ tình yêu tất yếu dẫn đến hôn nhân tự nguyện. Đây là bước phát triển tất yếu của tình yêu nam nữ, như Ph.Ăngghen nhấn mạnh: "...nếu nghĩa vụ của vợ và chồng là phải thương yêu nhau thì nghĩa vụ của những kẻ yêu nhau há chẳng phải là kết hôn với nhau và không được kết hôn với người khác"<sup>1</sup>. Hôn nhân tự nguyện là đảm bảo cho nam nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt của cha mẹ. Tất nhiên, hôn nhân tự nguyện không bác bỏ

việc cha mẹ quan tâm, hướng dẫn giúp đỡ con cái có nhận thức đúng, có trách nhiệm trong việc kết hôn.

Hôn nhân tiến bộ còn bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa. Ph.Ăngghen viết: “Nếu chỉ riêng hôn nhân dựa trên cơ sở tình yêu mới hợp đạo đức thì cũng chỉ riêng hôn nhân trong đó tình yêu được duy trì, mới là hợp đạo đức mà thôi... và nếu tình yêu đã hoàn toàn phai nhạt hoặc bị một tình yêu say đắm mới át đi, thì ly hôn sẽ là điều hay cho cả đôi bên cũng như cho xã hội”. Tuy nhiên, hôn nhân tiến bộ không khuyến khích việc ly hôn, vì ly hôn để lại hậu quả nhất định cho xã hội, cho cả vợ, chồng và đặc biệt là con cái. Vì vậy, cần ngăn chặn những trường hợp nông nổi khi ly hôn, ngăn chặn hiện tượng lợi dụng quyền ly hôn và những lý do ích kỷ hoặc vì mục đích vụ lợi.

### *Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng*

Hôn nhân một vợ một chồng đã xuất hiện từ sớm trong lịch sử xã hội loài người, khi có sự thắng lợi của chế độ tư hữu đối với chế độ công hữu nguyên thủy. Tuy nhiên, trong các xã hội trước, hôn nhân một vợ một chồng thực chất chỉ đối với người phụ nữ. “Chế độ một vợ một chồng sinh ra từ sự tập trung nhiều của cải vào tay một người, - vào tay người đàn ông, và từ nguyện vọng chuyển của cải ấy lại cho con cái của người đàn ông ấy, chứ không phải của người nào khác. Vì thế, cần phải có chế độ một vợ một chồng về phía người vợ, chứ không phải về phía người chồng”. Vợ và chồng được tự do lựa chọn những vấn đề riêng, chính đáng như nghề nghiệp, công tác xã hội, học tập và một số nhu cầu khác v.v... Đồng thời cũng có sự thống nhất trong việc giải quyết những vấn đề chung của gia đình như ăn, ở, nuôi dạy con cái... nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc

Quan hệ vợ chồng bình đẳng là cơ sở cho sự bình đẳng trong quan hệ giữa cha mẹ với con cái và quan hệ giữa anh chị em với nhau. Nếu như cha mẹ có nghĩa vụ yêu thương con cái, ngược lại, con cái cũng có nghĩa vụ biết ơn, kính trọng, nghe lời dạy bảo của cha mẹ. Tuy nhiên, quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em sẽ có những mâu thuẫn không thể tránh khỏi do sự chênh lệch tuổi tác, nhu cầu, sở thích riêng của mỗi người. Do vậy, giải quyết mâu thuẫn trong gia đình là vấn đề cần được mọi người quan tâm, chia sẻ.

### *Hôn nhân được đảm bảo về pháp lý*

Quan hệ hôn nhân, gia đình thực chất không phải là vấn đề riêng tư của mỗi gia đình mà là quan hệ xã hội. Tình yêu giữa nam và nữ là vấn đề riêng của mỗi người, xã hội không can thiệp, nhưng khi hai người đã thỏa thuận để đi đến kết hôn, tức là

đã đưa quan hệ riêng bước vào quan hệ xã hội, thì phải có sự thừa nhận của xã hội, điều đó được biểu hiện bằng thủ tục pháp lý trong hôn nhân. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân, là thể hiện sự tôn trọng trong tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại. Đây cũng là biện pháp ngăn chặn những cá nhân lợi dụng quyền tự do kết hôn, tự do ly hôn để thảo mãn những nhu cầu không chính đáng, để bảo vệ hạnh phúc của cá nhân và gia đình. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân không ngăn cản quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn chính đáng, mà ngược lại, là cơ sở để thực hiện những quyền đó một cách đầy đủ nhất.

### **Những phong tục lỗi thời, lạc hậu có ảnh hưởng như thế nào đến việc hôn nhân tiến bộ ở VN hiện nay.**

Tảo hôn và hôn nhân cận huyết khiến chất lượng dân số suy giảm, suy thoái nòi giống, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực và là một trong những lực cản đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ xã hội và sự phát triển bền vững của vùng dân tộc thiểu số.

Tảo hôn không chỉ gây hại sức khỏe cho sức khỏe, sự trưởng thành của trẻ em mà còn tước đoạt nhiều quyền con người của các em, ảnh hưởng đến sự tồn vong và phát triển của nhóm cộng đồng và dân tộc.

#### *Đối với bản thân và gia đình:*

- Làm mất đi cơ hội về học tập, việc làm tốt, cơ hội để cải thiện điều kiện sống và chăm sóc sức khỏe của bà mẹ và trẻ em
- Kết hôn cận huyết thống làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng dân số, suy giảm giống nòi và chất lượng nguồn nhân lực.
- Bản thân những bà mẹ trẻ bị ảnh hưởng đến sức khỏe do cơ thể chưa phát triển đến độ hoàn thiện, ảnh hưởng trực tiếp đến thể chất, tâm sinh lý, sức khỏe sinh sản của người phụ nữ

#### *Đối với xã hội:*

- Tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng dân số, suy giảm giống nòi,
- Những cặp kết hôn cận huyết thống dù khỏe mạnh nhưng khi kết hôn cận huyết làm tăng tỷ lệ bệnh tật do kết hợp gen mang lại, gây suy thoái chất lượng giống nòi, họ có thể sinh ra những đứa con bị dị dạng hoặc bệnh tật di truyền như: Bệnh mù màu, bệnh bạch tạng, da vảy cá, bệnh tan máu bẩm sinh...

**d. Phân tích sự biến đổi về chức năng và quan hệ của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vai trò của giáo dục gia đình trong xã hội VN hiện nay.**

*Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.*

**Biến đổi các chức năng của gia đình**

*- Chức năng tái sản xuất ra con người*

Với những thành tựu của y học hiện đại, hiện nay việc sinh đẻ được các gia đình tiến hành một cách chủ động, tự giác khi xác định số lượng con cái và thời điểm sinh con. Hơn nữa, việc sinh con còn chịu sự điều chỉnh bởi chính sách xã hội của Nhà nước, tùy theo tình hình dân số và nhu cầu về sức lao động của xã hội. Ở nước ta, từ những năm 70 và 80 của thế kỷ XX, Nhà nước đã tuyên truyền, phổ biến và áp dụng rộng rãi các phương tiện và biện pháp kỹ thuật tránh thai và tiến hành kiểm soát dân số thông qua Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, khuyến khích mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ 1 đến 2 con. Sang thập niên đầu thế kỷ XXI, dân số Việt Nam đang chuyển sang giai đoạn giá hóa. Để đảm bảo lợi ích của gia đình và sự phát triển bền vững của xã hội, thông điệp mới trong kế hoạch hóa gia đình là mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con.

Nếu như trước kia, do ảnh hưởng của phong tục, tập quán và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, trong gia đình Việt Nam truyền thống, nhu cầu về con cái thể hiện trên ba phương diện: phải có con, càng đông con càng tốt và nhất thiết phải có con trai nối dõi thì ngày nay, nhu cầu ấy đã có những thay đổi căn bản: thể hiện ở việc giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con mong muốn và giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của các cặp vợ chồng. Trong gia đình hiện đại, sự bền vững của hôn nhân phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tâm lý, tình cảm, kinh tế, chứ không phải chỉ là các yếu tố có con hay không có con, có con trai hay không có con trai như gia đình truyền thống.

*- Biến đổi chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng*

Xét một cách khái quát, cho đến nay kinh tế gia đình đã có hai bước chuyển mang tính bước ngoặt: Thứ nhất, từ kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa, tức là từ một đơn vị kinh tế khép kín sản xuất để đáp ứng nhu cầu của gia đình thành đơn vị mà sản xuất chủ yếu để đáp ứng nhu cầu của người khác hay của xã hội. Thứ hai, từ

đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc gia thành tổ chức kinh tế của nền kinh tế thị trường hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường toàn cầu.

Hiện nay, kinh tế gia đình đang trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập kinh tế và cạnh tranh sản phẩm hàng hóa với các nước trong khu vực và trên thế giới, kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại trong việc chuyển sang hướng sản xuất kinh doanh hàng hóa theo hướng chuyên sâu trong kinh tế thị trường hiện đại. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình phần lớn có quy mô nhỏ, lao động ít và tự sản xuất là chính.

Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và nguồn thu nhập bằng tiền của gia đình tăng lên làm cho gia đình trở thành một đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội. Các gia đình Việt Nam đang tiến tới “tiêu dùng sản phẩm do người khác làm ra”, tức là sử dụng hàng hóa và dịch vụ xã hội.

*- Biến đổi chức năng giáo dục (xã hội hóa).*

Trong xã hội Việt Nam truyền thống, giáo dục gia đình là cơ sở của giáo dục xã hội thì ngày nay, giáo dục xã hội bao trùm lên giáo dục gia đình và đưa ra những mục tiêu, những yêu cầu của giáo dục xã hội cho giáo dục gia đình. Điểm tương đồng giữa giáo dục gia đình truyền thống và giáo dục của xã hội mới là tiếp tục nhân mạnh sự hy sinh của cá nhân cho cộng đồng.

Giáo dục gia đình hiện nay phát triển theo xu hướng sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên. Nội dung giáo dục gia đình hiện nay không chỉ nặng về giáo dục đạo đức, ứng xử trong gia đình, dòng họ, làng xã, mà hướng đến giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới.

Tuy nhiên, sự phát triển của hệ thống giáo dục xã hội, cùng với sự phát triển kinh tế hiện nay, vai trò giáo dục của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm. Nhưng sự gia tăng của các hiện tượng tiêu cực trong xã hội và trong nhà trường, làm cho sự kỳ vọng và niềm tin của các bậc cha mẹ vào hệ thống giáo dục xã hội trong việc rèn luyện đạo đức, nhân cách cho con em của họ đã giảm đi rất nhiều so với trước đây. Mâu thuẫn này là một thực tế chưa có lời giải hữu hiệu ở Việt Nam hiện nay. Những tác động trên đây làm giảm sút đáng kể vai trò của gia đình trong thực hiện chức năng xã hội hóa, giáo dục trẻ em ở nước ta thời gian qua.

Hiện tượng trẻ em hư, bỏ học sớm, lang thang, nghiện hút ma túy, mại dâm... cũng cho thấy phần nào sự bất lực của xã hội và sự bế tắc của một số gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ em.

*- Biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm*

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên, do gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm. Việc thực hiện chức năng này là một yếu tố rất quan trọng tác động đến sự tồn tại, bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình, đặc biệt là việc bảo vệ chăm sóc trẻ em và người cao tuổi, nhưng hiện nay, các gia đình đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Đặc biệt, trong tương lai gần, khi mà tỷ lệ các gia đình chỉ có một con tăng lên thì đời sống tâm lý - tình cảm của nhiều trẻ em và kể cả người lớn cũng sẽ kém phong phú hơn, do thiếu đi tình cảm về anh, chị em trong cuộc sống gia đình.

Tác động của công nghiệp hóa và toàn cầu hóa dẫn tới tình trạng phân hóa giàu nghèo sâu sắc, làm cho một số hộ gia đình có cơ may mở rộng sản xuất, tích lũy tài sản, đất đai, tư liệu sản xuất thì trở nên giàu có, trong khi đại bộ phận các gia đình trở thành lao động làm thuê do không có cơ hội phát triển sản xuất, mất đất đai và các tư liệu sản xuất khác, không có khả năng tích lũy tài sản, mở rộng sản xuất. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các hộ nghèo, khắc phục khoảng cách giàu nghèo đang có xu hướng ngày càng gia tăng

### **Sự biến đổi quan hệ gia đình**

*- Biến đổi quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng*

Trong thực tế, hôn nhân và gia đình Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức, biến đổi lớn. Dưới tác động của cơ chế thị trường, khoa học công nghệ hiện đại toàn cầu hóa... khiến các gia đình phải gánh chịu nhiều mặt trái như: quan hệ vợ chồng - gia đình lỏng lẻo; gia tăng tỷ lệ ly hôn, ly thân, ngoại tình, quan hệ tình dục trước hôn nhân và ngoài hôn nhân, chung sống không kết hôn. Đồng thời, xuất hiện nhiều bi kịch, thảm án gia đình, người già cô đơn, trẻ em sống ích kỷ, bạo hành trong gia đình, xâm hại tình dục... Từ đó, dẫn tới hệ lụy là giá trị truyền thống trong gia đình bị coi nhẹ, kiểu gia đình truyền thống bị phá vỡ, lung lay và hiện tượng gia tăng số hộ gia đình đơn thân, độc thân, kết hôn đồng tính, sinh con ngoài giá thú... Ngoài ra, sức ép từ cuộc sống hiện đại (công việc căng thẳng, không ổn định, di chuyển nhiều...) cũng khiến cho hôn nhân trở nên khó khăn với nhiều người trong xã hội.

Trong gia đình truyền thống, người chồng là trụ cột của gia đình, mọi quyền lực trong gia đình đều thuộc về người đàn ông. Người chồng là người chủ sở hữu tài sản của gia đình, người quyết định các công việc quan trọng của gia đình, kể cả quyền dạy vợ, đánh con.

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, không còn một mô hình duy nhất là đàn ông làm chủ gia đình. Ngoài mô hình người đàn ông - người chồng làm chủ gia đình ra thì còn có ít nhất hai mô hình khác cùng tồn tại. Đó là mô hình người phụ nữ - người vợ làm chủ gia đình và mô hình cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình. Người chủ gia đình được quan niệm là người có những phẩm chất, năng lực và đóng góp vượt trội, được các thành viên trong gia đình coi trọng. Ngoài ra, mô hình người chủ gia đình phải là người kiếm ra nhiều tiền cho thấy một đòi hỏi mới về phẩm chất của người lãnh đạo gia đình trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế.

*- Biến đổi quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình*

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, quan hệ giữa các thế hệ cũng như các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình cũng không ngừng biến đổi. Trong gia đình truyền thống, một đứa trẻ sinh ra và lớn lên dưới sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ ngay từ khi còn nhỏ. Trong gia đình hiện đại, việc giáo dục trẻ em gần như phó mặc cho nhà trường, mà thiếu đi sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ. Ngược lại, người cao tuổi trong gia đình truyền thống thường sống cùng với con cháu, cho nên nhu cầu về tâm lý, tình cảm được đáp ứng đầy đủ. Còn khi quy mô gia đình bị biến đổi, người cao tuổi phải đối mặt với sự cô đơn thiếu thốn về tình cảm.

Những biến đổi trong quan hệ gia đình cho thấy, thách thức lớn nhất đặt ra cho gia đình Việt Nam là mâu thuẫn giữa các thế hệ, do sự khác biệt về tuổi tác, khi cùng chung sống với nhau. Người già thường hướng về các giá trị truyền thống, có xu hướng bảo thủ, áp đặt nhận thức của mình đối với người trẻ. Ngược lại, tuổi trẻ thường hướng tới những giá trị hiện đại, có xu hướng phủ nhận yếu tố truyền thống. Gia đình càng nhiều thế hệ, mâu thuẫn thế hệ càng lớn.

Ngày càng xuất hiện nhiều hiện tượng mà trước đây chưa hề hoặc ít có như: bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, ngoại tình, sống thử... Chúng đã làm rạn nứt, phá hoại sự bền vững của gia đình, làm cho gia đình trở nên mong manh, dễ tan vỡ hơn. Ngoài ra, các tệ nạn như trẻ em lang thang, nghiện hút, buôn bán phụ nữ qua biên giới... cũng đang đe dọa, gây nhiều nguy cơ làm tan rã gia đình

## **Vai trò của giáo dục gia đình trong xã hội VN hiện nay**

Gia đình là một thể chế xã hội đặc biệt trong cơ cấu của xã hội. Gia đình là nơi duy trì nòi giống, tái tạo ra các thế hệ và ngày càng hoàn thiện về thể chất, trí tuệ, tinh thần. Gia đình là môi trường giáo dục quan trọng đầu tiên, là nơi mỗi cá nhân được sinh ra được nuôi dưỡng, được giáo dục và từng bước hình thành hoàn thiện nhân cách, đạo đức. Gia đình là một kết cấu bền chặt với sự gắn kết giữa các thành viên để thế hệ trước trao truyền cho thế hệ sau những giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại, tạo nên giá trị xã hội và nhân cách văn hóa của mỗi con người. Nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc. Vì thế gia đình, các mối quan hệ gia đình và sự giáo dục gia đình luôn được xem là thiết chế quan trọng, là cốt lõi của hầu hết các hoạt động kinh tế xã hội và ngược lại những thay đổi lớn của xã hội cùng ảnh hưởng và chi phối trực tiếp tới giá trị gia đình. Giáo dục gia đình có ý nghĩa hết sức quan trọng bởi đây là môi trường văn hóa đầu tiên của mỗi cá nhân. Đặc thù điều tiết mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và mối quan hệ giữa gia đình với xã hội, gắn liền với những điều kiện của tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội.



**e. Phân tích sự biến đổi về quy mô của gia đình VN hiện nay (Nhớ nêu thuận lợi và khó khăn trong việc biến đổi quy mô gia đình). Đề xuất các biện pháp để khắc phục sự biến đổi của gia đình Việt Nam do tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường hiện nay gây ra?**

*Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.*

Gia đình Việt Nam ngày nay có thể được coi là “gia đình quá độ” trong bước chuyển biến từ xã hội nông nghiệp cổ truyền sang xã hội công nghiệp hiện đại. Trong quá trình này, sự giải thể của cấu trúc gia đình truyền thống và sự hình thành hình thái mới là một tất yếu. Gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân đang trở nên rất phổ biến ở các đô thị và cả ở nông thôn - thay thế cho kiểu gia đình truyền thống từng giữ vai trò chủ đạo trước đây.

Quy mô gia đình ngày nay tồn tại xu hướng thu nhỏ hơn so với trước kia, số thành viên trong gia đình trở nên ít đi. Nếu như gia đình truyền thống xưa có thể tồn tại đến ba bốn thế hệ cùng chung sống dưới một mái nhà thì hiện nay, quy mô gia đình hiện đại đã ngày càng được thu nhỏ lại. Gia đình Việt Nam hiện đại chỉ có hai thế hệ cùng sống chung: cha mẹ - con cái, số con trong gia đình cũng không nhiều như trước, cá biệt còn có số ít gia đình đơn thân, nhưng phổ biến nhất vẫn là loại hình gia đình hạt nhân quy mô nhỏ.

Quy mô gia đình Việt Nam ngày càng thu nhỏ, đáp ứng những nhu cầu và điều kiện của thời đại mới đặt ra. Sự bình đẳng nam nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của con người được tôn trọng hơn, tránh được những mâu thuẫn trong đời sống của gia đình truyền thống. Sự biến đổi của gia đình cho thấy chính nó đang làm chức năng tích cực, thay đổi chính bản thân gia đình và cũng là thay đổi hệ thống xã hội, làm cho xã hội trở nên thích nghi và phù hợp hơn với tình hình mới, thời đại mới.

Tất nhiên, quá trình biến đổi đó cũng gây những phản chức năng như tạo ra sự ngăn cách không gian giữa các thành viên trong gia đình, tạo khó khăn, trở lực trong việc gìn giữ tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình. Xã hội ngày càng phát triển, mỗi người đều bị cuốn theo công việc của riêng mình với mục đích kiếm thêm thu nhập, thời gian dành cho gia đình cũng vì vậy mà ngày càng ít đi. Con người dường như rơi vào vòng xoáy của đồng tiền và vị thế xã hội mà vô tình đánh mất đi tình cảm gia đình. Các thành viên ít quan tâm lo lắng đến nhau và giao tiếp với nhau hơn, làm cho mối quan hệ gia đình trở nên rời rạc, lỏng lẻo...

## **Đề xuất các biện pháp để khắc phục sự biến đổi của gia đình Việt Nam do tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường hiện nay gây ra**

*Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam*

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể từ trung ương đến cơ sở nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng, phát triển gia đình Việt Nam hiện nay, coi đây là một trong những động lực quan trọng quyết định thành công sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cấp ủy và chính quyền các cấp phải đưa nội dung, mục tiêu của công tác xây dựng và phát triển gia đình vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình kế hoạch công tác hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

*Thứ hai, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình*

Xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội để góp phần củng cố, ổn định và phát triển kinh tế gia đình; có chính sách ưu tiên hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình cho các gia đình liệt sỹ, gia đình thương binh bệnh binh, gia đình các dân tộc ít người, gia đình nghèo, gia đình đang sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Có chính sách kịp thời hỗ trợ các gia đình phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới, sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, hỗ trợ các gia đình tham gia sản xuất phục vụ xuất khẩu.

Tích cực khai thác và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình vay vốn ngắn hạn và dài hạn nhằm xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, mở rộng phát triển kinh tế, đẩy mạnh loại hình kinh tế trang trại, vươn lên làm giàu chính đáng.

*Thứ ba, kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay*

Gia đình truyền thống được hun đúc từ lâu đời trong lịch sử dân tộc. Bước vào thời kỳ mới gia đình ấy bộc lộ cả những mặt tích cực và tiêu cực. Do vậy, Nhà nước cũng như các cơ quan văn hóa, các ban ngành liên quan cần phải xác định, duy trì những nét đẹp có ích; đồng thời, tìm ra những hạn chế và tiến tới khắc phục những hủ tục của gia đình cũ. Xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay là xây dựng mô hình

gia đình hiện đại, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam hiện nay vừa phải kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, vừa kết hợp với những giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại để phù hợp với sự vận động phát triển tất yếu của xã hội. Tất cả nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người.

*Thứ tư, tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa*

Gia đình văn hóa là một mô hình gia đình tiến bộ, một danh hiệu hay chỉ tiêu mà nhiều gia đình Việt Nam mong muốn hướng đến. Đó là, gia đình ấm no, hoà thuận, tiến bộ, khoẻ mạnh và hạnh phúc; Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; Thực hiện kế hoạch hoá gia đình; Đoàn kết tương trợ trong cộng đồng dân cư.

Được hình thành từ những năm 60 của thế kỷ XX, tại một địa phương của tỉnh Hưng Yên, đến nay, xây dựng gia đình văn hóa đã trở thành phong trào thi đua có độ bao phủ hầu hết các địa phương ở Việt Nam. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã thực sự tác động đến nền tảng gia đình với những quy tắc ứng xử tốt đẹp, phát huy giá trị đạo đức truyền thống của gia đình Việt Nam. Chất lượng cuộc sống gia đình ngày càng được nâng cao. Do vậy, để phát triển gia đình Việt Nam hiện nay cần tiếp tục nghiên cứu, nhân rộng xây dựng các mô hình gia đình văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những giá trị mới tiên tiến cần tiếp thu và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới, đề xuất hướng giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình.

Ở đây, cần tránh xu hướng chạy theo thành tích, phản ánh không thực chất phong trào và chất lượng gia đình văn hóa. Các tiêu chí xây dựng gia đình văn hóa phải phù hợp và có ý nghĩa thiết thực với đời sống của nhân dân, công tác bình xét danh hiệu gia đình văn hóa phải được tiến hành theo tiêu chí thống nhất, trên nguyên tắc công bằng, dân chủ, đáp ứng được nguyện vọng, tâm tư, tình cảm, tạo được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân.

**f. Phân tích những phương hướng cơ bản để xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Sinh viên có trách nhiệm như thế nào trong quá trình xây dựng gia đình VN phát triển theo hướng có lợi cho xã hội? (giống câu b)**

*Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.*

**Phân tích những phương hướng cơ bản để xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH:**

*Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam*

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể từ trung ương đến cơ sở nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng, phát triển gia đình Việt Nam hiện nay, coi đây là một trong những động lực quan trọng quyết định thành công sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cấp ủy và chính quyền các cấp phải đưa nội dung, mục tiêu của công tác xây dựng và phát triển gia đình vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình kế hoạch công tác hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

*Thứ hai, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình*

Xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội để góp phần củng cố, ổn định và phát triển kinh tế gia đình; có chính sách ưu tiên hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình cho các gia đình liệt sỹ, gia đình thương binh bệnh binh, gia đình các dân tộc ít người, gia đình nghèo, gia đình đang sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Có chính sách kịp thời hỗ trợ các gia đình phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới, sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, hỗ trợ các gia đình tham gia sản xuất phục vụ xuất khẩu.

Tích cực khai thác và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình vay vốn ngắn hạn và dài hạn nhằm xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, mở rộng phát triển kinh tế, đẩy mạnh loại hình kinh tế trang trại, vươn lên làm giàu chính đáng.

*Thứ ba, kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay*

Gia đình truyền thống được hun đúc từ lâu đời trong lịch sử dân tộc. Bước vào thời kỳ mới gia đình ấy bộc lộ cả những mặt tích cực và tiêu cực. Do vậy, Nhà nước cũng như các cơ quan văn hóa, các ban ngành liên quan cần phải xác định, duy trì những nét đẹp có ích; đồng thời, tìm ra những hạn chế và tiến tới khắc phục những hủ tục của gia đình cũ. Xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay là xây dựng mô hình gia đình hiện đại, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam hiện nay vừa phải kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, vừa kết hợp với những giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại để phù hợp với sự vận động phát triển tất yếu của xã hội. Tất cả nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người.

*Thứ ba, tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa*

Gia đình văn hóa là một mô hình gia đình tiên bộ, một danh hiệu hay chỉ tiêu mà nhiều gia đình Việt Nam mong muốn hướng đến. Đó là, gia đình ấm no, hoà thuận, tiên bộ, khoẻ mạnh và hạnh phúc; Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; Thực hiện kế hoạch hoá gia đình; Đoàn kết tương trợ trong cộng đồng dân cư.

Được hình thành từ những năm 60 của thế kỷ XX, tại một địa phương của tỉnh Hưng Yên, đến nay, xây dựng gia đình văn hóa đã trở thành phong trào thi đua có độ bao phủ hầu hết các địa phương ở Việt Nam. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã thực sự tác động đến nền tảng gia đình với những quy tắc ứng xử tốt đẹp, phát huy giá trị đạo đức truyền thống của gia đình Việt Nam. Chất lượng cuộc sống gia đình ngày càng được nâng cao. Do vậy, để phát triển gia đình Việt Nam hiện nay cần tiếp tục nghiên cứu, nhân rộng xây dựng các mô hình gia đình văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những giá trị mới tiên tiến cần tiếp thu và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới, đề xuất hướng giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình.

Ở đây, cần tránh xu hướng chạy theo thành tích, phản ánh không thực chất phong trào và chất lượng gia đình văn hóa. Các tiêu chí xây dựng gia đình văn hóa phải phù hợp và có ý nghĩa thiết thực với đời sống của nhân dân, công tác bình xét danh hiệu gia đình văn hóa phải được tiến hành theo tiêu chí thống nhất, trên nguyên tắc công

bằng, dân chủ, đáp ứng được nguyện vọng, tâm tư, tình cảm, tạo được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân.

**Để xây dựng gia đình VN tiến bộ hạnh phúc, sinh viên** cần quan tâm, chăm sóc sức khỏe của bản thân và cả gia đình mình. Kêu gọi gia đình và tuyên truyền làm theo kế hoạch hóa gia đình, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em, nâng cao chất lượng của cuộc sống gia đình, đồng thời gia đình biết tạo môi trường văn hóa để cho các mối quan hệ bên trong, bên ngoài ngày càng tốt đẹp hơn. Sự tiến bộ của gia đình phải gắn liền với truyền thống dân tộc “tương thân, tương ái”, chia sẻ ngọt bùi, giúp đỡ nhau lúc hoạn nạn, khó khăn. Mọi thành viên phải được đảm bảo các nhu cầu về đời sống vật chất và tinh thần, được hưởng bầu không khí cởi mở, đầy tình thương yêu, đùm bọc và giúp đỡ lẫn nhau. Mọi thành viên trong gia đình phải có sự thống nhất quan niệm về cuộc sống gia đình, tự giác thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trước gia đình, người thân và xã hội. Trong gia đình, các thành viên luôn yêu thương, tôn trọng nhau lẫn nhau và chung sống hòa thuận, các mối quan hệ được thực hiện dựa trên các chuẩn mực văn hóa, pháp lý và đạo đức.